

Những Chứng Nhân Chúa Kitô

(Truyện Các Thánh tập 2)



Một Nhóm thực hiện
NS. Trái Tim Đức Mẹ

NHỮNG CHỨNG NHÂN CHÚA KITÔ

Truyện Các Thánh
tập 2

Regina 2001

NỘI DUNG

[Lời Giới Thiệu](#) 2

[Lời Nói Đầu](#) 3

[Chị Đáng Kính Maria Têrêxa Giêsu Quevedo](#) 3

[Maria Anna Long](#) 6

[Thánh Miguel Febres Cordero Munoz, FSC](#) 11

[Chân Phước Isidôrô Giuse Đê Loor, C.P.](#) 13

[Chân Phước Micae Rua, S.D.B.](#) 17

[Đấng Đáng Kính Carôlô Đê Foucauld](#) 19

[Thánh Nữ Maria Soledad Torres Acosta, S.M.](#) 22

[Chân Phước Damianô De Veuster, SS.CC.](#) 24

[Đấng Đáng Kính Augustô Czartoryski, S.D.B.](#) 27

[Chân Phước Agostina Pietrantoni, S.C.S.J.A.](#) 30

[Đấng Đáng Kính Anrê Beltrami, S.D.B.](#) 32

[Chân Phước Maria Droste Zu Vischering](#) 34

[Chân Phước Angela Truszkowska, C.S.S.F](#) 36

[Thánh Nữ Gemma Galgani](#) 40

[Chân Phước Laura Vicuna](#) 43

[Thánh Nữ Rosa Đê Lima](#) 46

[Thánh Nữ Vicenta Lopez](#) 48

[Đấng Đáng Kính Zepherin Namuncura](#) 51

[Thánh Nữ Catarina Bồ Đào Nha](#) 54

[Đấng Đáng Kính Maria Mađalena Bentivoglio, O.S.C.](#) 55

[Thánh Phêrô Giulianô Eymard, S.S.S.](#) 59

[Thánh Martinô Porres \(3/11\)](#) 62

[Thánh Benildus Romancon, F.S.C.](#) 66

[Thánh Gioan Neumann, C.S.S.R.](#) 68

[Thánh Nữ Phanxica Xaviê Cabrini, M.S.C.](#) 71

[Thánh Nữ Gioaquina De Vedruna De Mas, Ca. Ch.](#) 74

[Thánh Gabriel Possenti](#) 76

Lời Giới Thiệu

Trong thế giới thiên nhiên, mỗi đoá hoa là một chứng từ nói lên kỳ công của Đấng Tạo Thành. Cũng thế, trong thế giới siêu nhiên, mỗi tâm hồn có ân sủng và cách riêng mỗi vị Thánh đều là một kiệt tác cao rao công trình tuyệt khéo của Thiên Chúa.

Bộ sách “Những Chứng Nhân của Chúa Kitô”, quen gọi là “Truyện Các Thánh” mà đây là cuốn thứ hai, được thực hiện để giới thiệu đôi nét về những “bông hoa quý” trong vườn hoa Thiên quốc, nhất là để tụng ca những kỳ công của tình yêu và quyền năng vô biên của Thiên Chúa nơi các Thánh.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu với toàn thể quý vị tập “Những Chứng Nhân của Chúa Kitô” này, để chính quý vị sẽ thấy được phần nào Thiên Chúa kỳ diệu biết bao nơi những người con ưu tuyển của Người.

Trân trọng,

Nhà Xuất Bản

Lời Nói Đầu

Những Nhân Chứng của Chúa Kitô là những người đã hiến trọn đời nhân chứng cho niềm tin vào lòng yêu mến Chúa Kitô.

Đối với chúng ta ngày nay, nói đến các vị Thánh, chúng ta thường nghĩ đến việc đặt các Ngài trên bàn thờ để tôn kính, chứ không mong có thể noi gương bắt chước. Thực ra, các thánh cũng sống một cuộc đời bình dị như ta, cũng có những yếu đuối như ta; các Ngài cũng biết hưởng những nguồn vui trong cuộc sống. Tuy các thánh giá đau khổ như bệnh tật, bị hiểu lầm, sinh ly tử biệt ... cũng đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời các Ngài, nhưng các Ngài không bị đè bẹp bởi những cảnh ngộ đó. Dù ở lứa tuổi nào, từ một em bé vị thành niên cho đến một cụ già thuộc bậc lão đại; dù ở bậc sống nào, linh mục, tu sĩ, hay giáo dân, giàu hay nghèo, thuộc hàng quý phái hay lớp thứ dân,... các Ngài đã tìm thấy cho mình một ý nghĩa của ơn gọi khi chấp nhận cuộc sống thành những bậc thang để tiến cao hơn và xa hơn trong lòng yêu Thiên Chúa. Và một khi các Ngài đã được tình yêu Chúa thu hút và hướng dẫn, thì chính tình yêu Chúa Kitô đã thúc bách các Ngài can đảm dấn thân tiến bước vào con đường Chúa kêu gọi (xem 2 Cr 5:14).

Chúng tôi rất hân hạnh gửi tới Bạn tập nhỏ này với chúng ta của các chứng nhân đó. Ước mong gương chứng ta sống động của các Ngài nên ánh sáng soi dẫn để Bạn sống trọn nghĩa một Kitô hữu, một người con Chúa. Vì Thiên Chúa đã kêu gọi mỗi người chúng ta nên thánh, chớ gì đời sống thánh thiện của các Ngài sẽ thúc đẩy chúng ta thánh hoá cuộc sống hiện tại, để chúng ta sống hoàn thiện giữa một xã hội đầy khó khăn và phức tạp.

Regina, Hè 96

Chị Đáng Kính Maria Têrêxa Giêsu Quevedo

"Tôi phải trở nên một vị thánh, và phải nên thánh thật mau".

(1930 – 1950)

Maria Têrêxa Quevedo mở mắt chào đời ngày 14 tháng 4 năm 1930, một năm trước ngày chế độ quân chủ Tây Ban Nha sụp đổ. Maria là người con thứ ba của bác sĩ Calixto Quevedo. Trong ngày lãnh phép Thánh Tẩy, bé được đặt tên là Maria Têrêxa Giosephina Giustina Gonzalez Quevedo y Cadarso, có ý kính nhớ các vị Thánh Têrêxa, Giuse, Giustin và Đức Trinh Nữ Maria. Ngay từ nhỏ, bé đã được gọi là Têrêsa, nhưng trong suốt cuộc đời của bé, bé hằng cố gắng sống theo khuôn mẫu của Đức Trinh Nữ Maria.

Lúc mới được 13 tuổi, Têrêsa đã tận hiến mình cho Đức Mẹ theo mẫu của Thánh Luy Mông-pho. Từ ngày đó, khẩu hiệu của Têrêsa là "Lạy Mẹ, xin hãy làm cho mọi người nhìn thấy Mẹ trong con". Một lần kia, Têrêsa đã bày tỏ lòng kính mến Mẹ của mình cho người em họ như sau: "Chị yêu mến Thiên Chúa hết lòng. Nhưng Người muốn cho chị yêu mến Mẹ cách đặc biệt và đến với Chúa dưới sự dìu dắt của bàn tay từ mẫu của Mẹ".

Trong một lá thư gửi cho một người chị dâu, mẹ của Têrêsa đã viết cảm tưởng sau đây về ba người con của bà: "Luy xem giống như một dũng tướng, Conchita thì âm thầm và rất biết điều... Têrêsa thì tràn đầy niềm vui. Mọi người thương mến nó ... nó đẹp như một bức tranh, nhưng thật là rắn mặt. Có lẽ chúng em đã quá nuông con vì nó là út. Không gì có thể làm nó thay đổi ý khi nó đã quyết điều gì. Chắc chúng em phải tìm cách trị nó mới được".

"No me gusta!" (con không thích!) là câu mọi người thường nghe thấy bé nói. Cái tính kén ăn đã nhiều lần khiến em nổi cơn tam bành. Têrêsa vẫn còn nhớ mãi những kỷ niệm đó: "Sau những lần nổi khùng đó, điều này đã xảy ra nhiều lần trước khi tôi Rước Lễ Lần Đầu, dì tôi thường chờ đợi dấu hỏi lỗi đầu tiên của tôi. Tôi không bao giờ mở miệng xin lỗi vì quá xấu hổ. Thật ra dì có lòng nhẫn nại và nhân từ lạ thường. Dì không bao giờ nói một lời nào về những tính xấu của tôi, dù với tôi hay với ba má của tôi. Thái độ đó của dì đã dạy tôi nhiều bài học, đặc biệt là bài học kiên nhẫn và hỏi lỗi. Trong im lặng, dì đã bắt tôi phải tự xấu hổ vì những hành vi của mình".

Chẳng bao lâu sau, cô bé vui tươi nhưng cứng đầu này đã tập được tính tự chủ. Sau khi Rước Lễ Lần Đầu, ông Quevedo đã nhận thấy nơi con mình có một sự đổi thay khác thường. Ông đã viết cho một người anh rằng, "Cái sức mạnh vô song khiến nó có thể vượt thắng được tính nóng nảy của nó đã làm tôi thật cảm động".

Sau này, qua cha giải tội và những trang nhật ký Têrêsa để lại, người ta thấy khi đó em cũng tìm được một sự phù trợ khác để giúp em tự chủ: đó chính là lòng yêu mến Mẹ Maria. Mỗi lần Têrêsa thắng được mình để ăn những thứ không thích, hay mỗi lần có thể bỏ ý riêng, em âm thầm kể đó là một món quà nhỏ dâng kính Đức Mẹ.

Trong thời gian nội chiến ở Tây Ban Nha, gia đình ông Quevedo phải sống ở nhiều nơi xa thủ đô Madrid. Khi đang sống tại một làng đánh cá, người nấu bếp một hôm thấy bánh mì và bánh ngọt đột nhiên biến mất. Chị của Têrêsa sau này đã thú nhận là Têrêsa đã lấy đem cho các trẻ em nghèo. Đối với những trẻ em nghèo này, các cửa ăn được coi là bình thường trong gia đình ông Quevedo lại là những cửa ăn quý báu đối với chúng.

Sau thời gian chiến tranh, gia đình Têrêsa đã trở về Madrid. Tại đây chị em Têrêsa đã theo học tại trường Đức Mẹ Núi Carmêlô. Em siêng năng học hành và cũng được điểm tốt, nhưng cũng không thiếu những hành vi tình nghịch của tuổi học trò. Mỗi ngày đều có một quãng thời gian để các học sinh làm những việc chân tay trong thinh lặng. Một lần nọ, trong khi đan một chiếc khăn bàn, Têrêsa và người chị em họ là Angelina đã vui vẻ chuyện trò bất chấp lúc đó là giờ cấm nói chuyện. Không những thế, Angelina còn ngồi không, chẳng chịu làm việc. Đột nhiên hai cô bé nghe thấy tiếng chân của bà sơ đang bước tới. Nhờ lanh trí, Têrêsa đã quàng chiếc khăn bàn lên người Angelina rồi giả bộ như đang chăm chỉ làm việc. Trong khi đi ngang qua, sơ đã mỉm cười và gật đầu một cái tỏ vẻ rất hài lòng.

Têrêsa không thích sách vở cho lắm, và em hằng ước ao giá được đi học mà không phải đọc sách thì hay biết mấy. Trong những giờ học tư, Têrêsa thích ngồi vẽ hay viết lung tung thay vì làm những bài thầy giáo đã ra. Dù vậy, các thầy cô đều hài lòng về em. Hơn nữa, nhờ tính tình vui vẻ, em được nhiều học sinh quý mến. Họ đã bầu em là người ăn vận đẹp nhất, chọn em làm chủ tịch hội tôn giáo, và thủ quân đội bóng rổ đã thắng vô địch vào năm 1947. Têrêsa cũng có nhiều niềm vui như mọi cô gái Tây Ban Nha bình thường

khác, trong đó có ca vũ và coi đấu bò.

Hàng năm, các nữ sinh đã lớn tuổi phải dự một cuộc tĩnh tâm. Năm Têrêsa được 11 tuổi, dù chưa đủ tuổi, em cũng đã xin được phép đặc biệt để tham dự. Trong khi tĩnh tâm, mỗi người có một cuốn sổ nhỏ để ghi chép những điều đáng nhớ qua các giờ huấn đức hoặc hội thảo. Tuy Têrêsa không thể hiểu hết mọi điều, nhưng có một điều vị linh mục hướng dẫn trình bày mà em hiểu rất mau, đó là phải có một quyết định về hướng đi cho đời mình. Sau này, người ta đã đọc được điều quyết định của Têrêsa trong kỳ tĩnh tâm ấy: "Tôi phải trở nên một vị thánh".

Con đường Têrêsa đi để thực hiện điều quyết định nói trên đã đòi Têrêsa phải dùng đến ý chí mạnh mẽ để vượt thắng các trở ngại. Nhưng dù sao, giữa những khốn khó đó em luôn có Mẹ Maria, vì chính Mẹ là vị đồng hành và hướng dẫn em trong mọi bước đi của cuộc đời. Như Thánh nữ thành Lisieux, em đã hiểu được rằng những hy sinh, dù nhỏ bé đến đâu, cũng rất đẹp lòng Chúa.

Têrêsa rất thích chơi quần vợt, nhưng dù cố gắng đến mấy cũng chỉ đoạt được hạng nhì. Đến năm lớp 12, Têrêsa chơi giỏi đến nỗi mọi người đều nghĩ rằng cô sẽ thắng giải vô địch lần này. Sau trận đấu, Têrêsa trở về nhà với nét mặt thật hân hoan, đến nỗi bà thân mẫu đã nghĩ gia đình bà lại có thêm một người vô địch quần vợt. Khi được mẹ hỏi, Têrêsa đã thưa với mẹ:

– Nếu mẹ coi đây là chiến thắng về phần siêu nhiên thì con đã đoạt được giải vô địch; nhưng không phải là vô địch quần vợt đâu, mẹ à!

Sau đó, Têrêsa kể cho mẹ rằng trước giờ đấu, một cô bạn đã nói đùa là cô ta định mua một vương miện lớn hơn cho người vô địch, vì sau khi chiến thắng, chắc đầu của Têrêsa sẽ phồng to hơn thường. Dù đó chỉ là câu nói đùa, nhưng cũng đã khiến cho Têrêsa suy nghĩ... Khéo mà ước vọng muốn làm vô địch chỉ là hư danh? Vì nghĩ thế, nên Têrêsa liền xin Đức Mẹ định liệu sao cho Chúa được hài lòng. Trong trận đấu, tuy Têrêsa đã cố gắng hết sức, nhưng sau cùng vẫn thua. Trên đường về nhà, cô đã vào viếng nhà thờ và thân thưa với Đức Mẹ là cô đã hiểu quyết định của Đức Mẹ. Lúc đến cửa nhà thờ, Têrêsa thấy một bà già đang ăn xin tại cửa nhà thờ, cô đã biếu bà ít tiền. Đáp lại, bà đã trao cho Têrêsa một mảnh giấy. Cô nhận lấy mảnh giấy, rồi tiến đến trước toà Đức Mẹ. Trong lúc cô quỳ cầu nguyện, miếng giấy rơi

xuống đất. Nhìn xuống, Têrêsa không thấy có hình gì hết, nhưng trên đó có viết một câu: "Tình yêu làm cho mọi sự trở nên dễ dàng".

Một trong các bạn thân của Têrêsa còn nhớ những buổi liên hoan có Têrêsa tham dự. Cô ấy nói: "Ai cũng bu quanh Têrêsa, nhất là các chàng trai, vì lời nói của chị ấy thật hấp dẫn. Têrêsa quý mến mọi người, và thích dự các buổi liên hoan... Tôi không thấy chị ấy bỏ một buổi nào cả".

Đến năm 1947, với sự đồng ý của cha giải tội, Têrêsa đã xin Mẹ Bề trên Dòng Carmêlô Bác Ái cho mình nhập Dòng. Trong khi phỏng vấn, Têrêsa đã nêu thắc mắc:

– Liệu con có được đi truyền giáo tại Trung Hoa không?

Mẹ Bề trên vừa cười vừa đáp:

– Thì cũng được chứ sao; nhưng trước hết phải vào Nhà Tập cái đã.

Trong cả đời cô, việc gì Têrêsa cũng muốn làm cho nhanh cho chóng. Nhiều lần ông thân sinh của Têrêsa phải giới hạn việc để con gái ông lái xe, vì ông cho là cô lái xe quá nhanh. Nhiều lần khác, cô đã hỏi bà dì là làm sao để chóng trở nên một vị thánh.

Trong suốt thời gian thử và tập sống đời tu trì, Têrêsa luôn cố gắng để vượt thắng các tính mê nết xấu, cho dù nhỏ mọn đến đâu. Têrêsa là người luôn cố gắng cầm trí trong các giờ cầu nguyện và sẵn sàng làm việc bác ái giúp đỡ chị em đồng tu. Ngay trước khi vào dòng, Têrêsa đã tập sự cầm trí trong các giờ cầu nguyện. Một bà giáo của chị, Sơ Ramona, một hôm để thử xem Têrêsa cầm trí đến mức nào, Sơ đã đến quỳ bên cạnh Têrêsa 10 phút đồng hồ trong khi chị đọc kinh Mân Côi. Đến chiều hôm đó, Sơ đã hỏi Têrêsa:

– Con có biết Sơ nào quỳ bên con trong giờ cầu nguyện sau bữa cơm trưa nay không?

Têrêsa đã trả lời:

– Thừa Sơ, đâu có ai quỳ bên con trong khi con đọc kinh Mân Côi đâu. Hay ít ra, con không nhớ có ai hết.

Từ ngày vào Dòng, Têrêsa được nhận tên mới là Sơ Maria Têrêxa. Chị không ước ao gì hơn là có Mẹ Maria ở bên mình trên mọi bước đường.

Đến tháng 5 năm 1949, Chị đã mắc phải chứng bệnh phổi. Thế là ông thân sinh của Chị đến nhà dòng xin Mẹ trên cho phép đem con về nhà chữa trị. Mẹ trên quyết định là nên để chờ vài ngày. Vài ngày sau, sau khi đã tiêm vài mũi streptomycin, Têrêsa xem ra đã khoẻ lại. Chị được ở lại để tiếp tục thời gian tập.

Vào mùa Vọng năm đó, trong khi một số tập sinh đang bàn về Năm Thánh sắp tới (1950) và Đức Thánh Cha có ý định sẽ tuyên bố tín điều Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Têrêsa chia sẻ là Chị cảm thấy sẽ được một ơn đặc biệt trong Năm Thánh. Khi được gạn hỏi, Têrêsa đã thú thật rằng Chị nghĩ mình sẽ được mừng ngày tuyên bố tín điều đó ở trên Thiên Đàng. Có mấy người cười, có người phản đối, không ai muốn tin điều đó. Têrêsa đã trả lời:

– Các chị cứ cười đi; rồi đây sẽ biết. Tất cả các chị sẽ hát lễ mô cho em trước khi hết năm 1950. Em biết em sẽ được ở với Đức Mẹ trong ngày huy hoàng đó của Mẹ. Các chị có thể tưởng tượng được không, trên Thiên Đàng sẽ như thế nào khi tín điều Đức Mẹ Lên Trời được tuyên bố?

Đến cuối tháng Giêng năm 1950, bác sĩ Quevedo đã được gọi đến để khám xem tại sao Têrêsa bị đau đầu và đau lưng dữ dội quá đến thế. Bác sĩ đã đau khổ khi tỏ cho Mẹ Bề trên biết là có lẽ Têrêsa bị viêm màng phổi. Têrêsa sẽ chỉ sống thêm được vài tháng nữa là cùng. Theo tự nhiên, ông muốn đem con gái ông về với gia đình, nhưng ông biết rằng con ông sẽ hạnh phúc hơn nếu được chết trong nhà Chúa. Vì thế, ông đã quyết định xin cho Têrêsa được ở lại nhà dòng. Trong khi ông sắp ngỏ lời, thì Mẹ Bề trên đã mở lời trước: Mẹ xin ông đừng đem Têrêsa về nhà nữa.

Dù chưa mãn hạn tập, Chị Têrêsa cũng được tuyên khấn như một nữ tu. Chị cũng được lãnh Bí tích Xức dầu thánh, vì ông thân sinh của Chị sợ trí óc của Chị sẽ không còn tỉnh táo nữa. Thực ra, dù đôi khi tâm trí có bị sa sút, nhưng cho đến lúc chết, không lúc nào Chị Têrêsa mất khả năng sử dụng lý trí.

Cả nhà dòng bắt đầu cầu nguyện để xin một phép lạ. Khi được hỏi tại sao Chị lại vội vã về Thiên Đàng như thế, Têrêsa đã trả lời, "Trên Thiên Đàng, không gì sẽ phân rẽ em ra khỏi Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Và lại, ở đây em

thật là vô dụng; trên Thiên Đàng các chị sẽ thấy em thật bận bịu".

Têrêsa đã phải trải qua ba tháng thật đau đớn. Chỉ có một cách có thể giảm bớt những cơn nhức đầu kinh khủng là rút nước từ tuỷ sống ra. Bác sĩ phải đâm kim vào xương sống tới 64 lần để rút nước. Giữa những cơn đau đớn đó, Têrêsa vẫn luôn sẵn sàng chấp nhận không một lời than vãn.

Sau cùng, Tuần Thánh năm 1950 đã tới. Trong ngày thứ Hai, Têrêsa cảm thấy thật đau đớn. Đến thứ Ba và thứ Tư thì bắt đầu hôn mê. Đến thứ Năm thì Chị lại cảm thấy khá hơn, nên đã xin một chút đồ ăn vào bữa trưa. Đến chiều cơn đau đầu lại hoành hành. Dù nửa tỉnh nửa mê, Chị không muốn rút nước trong xương sống ra nữa, cho dù làm như thế sẽ bớt đau đớn đôi chút. Đến ngày thứ Bảy, cả nhà dòng hát những kinh nguyện cầu cho người đang hấp hối. Khi mọi người hát tới câu "Xin hãy cầu cho Têrêsa", thì với giọng thật yếu ớt, Chị đã đáp lại, "Xin cầu cho em!"

Đến khoảng 11 giờ đêm, Têrêsa đột nhiên mỉm cười rồi reo lên:

– A, Mẹ Maria! Mẹ thật là diễm lệ!

Các chị Dòng nhìn nhau tự hỏi, không biết có phải Têrêsa thực sự được nhìn thấy Đức Mẹ hay không. Sau đó, Têrêsa đã êm ái trút hơi thở cuối cùng lúc mới 19 xuân xanh.

Trước khi Têrêsa qua đời, ông thân sinh là bác sĩ Quevedo đã xin Chị cầu nguyện cho bà thân mẫu của Chị, tại bà quá đau khổ vì cơn bệnh của con gái cưng. Têrêsa đã hứa với ba, việc làm đầu tiên của Chị ở trên Thiên Đàng sẽ là xin Chúa ban cho mẹ được vâng theo Thánh Ý Chúa. Têrêsa đã thực hiện lời hứa đó, vì từ lúc bà Quevedo được tin con gái qua đời, bà đã hoàn toàn tuân theo Thánh Ý Chúa.

Cuộc điều tra về đời sống và nhân đức của Têrêsa đã được bắt đầu vào Năm Thánh Mẫu 1954. Đến năm 1959, án phong chân phước đã được chuyển về Thánh Bộ tại Rôma, và sắc lệnh xác nhận án đó đã được công bố vào năm 1971. Têrêsa đã được nâng lên bậc Đáng Kính, và án phong chân phước cho Chị sắp được hoàn tất.

Xin Chị Têrêsa giữ lời đã hứa trước khi lìa trần, là sẽ không nghỉ ngơi khi

đã về Trời. Xin Chị giúp các bạn trẻ tìm gặp được Chúa là Tình Yêu tuyệt đối, và cũng giúp họ biết chạy đến với Mẹ Maria, để Mẹ dạy cho họ biết sống trong sạch như Mẹ, theo lý tưởng Kitô giáo.

Maria Anna Long

Chị nữ tu tí hon, sứ giả đem vui tươi đến cho mọi người chung quanh.

(1946 – 1959)

Đối với những cơn bệnh hiểm nghèo, dù nạn nhân là ai thì đó cũng là điều đáng buồn. Đáng buồn hơn nữa, khi thân thể của nạn nhân bị biến dạng, và nhất nữa, khi người mang chứng bệnh đó lại chính là một em bé. Hơn bao giờ hết, ngày nay nhiều người đang mắc phải chứng bệnh ung thư. Thân thể bị biến dạng, những cơn đau đớn triền miên, nhiều khi mất hết cả gia tài, thân nhân và bạn hữu, đó là những hiệu quả của chứng bệnh ung thư. Mặc dù nền y học ngày nay đã tiến bộ vượt mực, hằng ngày vẫn còn nhiều người đang ngã gục trước trận chiến này.

Maria Anna Long đã phải hứng chịu tất cả hiệu quả của chứng bệnh ung thư, và đến năm 1959, em đã giã từ cõi đời vì chứng bệnh hiểm nghèo này. Dù vậy, điều người ta còn nhớ về cuộc đời em không phải là đau khổ và buồn phiền, mà là niềm hạnh phúc, tình yêu thương và lòng biết ơn.

Ngay từ tuổi ấu thơ, Maria Anna đã có một sứ mạng cho cuộc đời, và em đã cố gắng chu toàn sứ mạng đó với tất cả khả năng của em. Vì vậy, cho dù thủ tục phong thánh cho em chưa được bắt đầu, nhưng tất cả những ai quen biết em và chịu ảnh hưởng của em, đều chân nhận rằng linh hồn đẹp xinh của em hiện giờ đang ở trên Thiên đàng.

Maria Anna là một trong bốn người con trong một gia đình sinh sống tại tiểu bang Kentucky, Hoa Kỳ. Bao điều không may đã dồn dập xảy đến cho gia đình em. Mẹ em vì đang mang bệnh nên không thể săn sóc cho em. Khi em mới được ba tuổi rưỡi, dù đã phải dùng đến chất phóng xạ và phải lấy ra một mắt, các bác sĩ đều bó tay trước bệnh tình của em. Vì nhà thương không thể giữ em được nữa, bác sĩ của gia đình đã đề nghị cho em đến bệnh xá của các Sơ Dòng Đaminh tại Atlanta, Georgia. Cha mẹ em đã đau khổ biết bao khi nghĩ đến phải đưa đứa con bé nhỏ sắp chết đến một nơi quá xa lạ. Dù vậy, vì không còn cách nào khác, họ đành phải để em đi Atlanta, cho đến khi nào mẹ em bình phục mới đưa em về.

Khi mẹ em và em đến bệnh xá, Sơ Giám đốc lúc đó là Sơ Veronica đã ra đón tiếp hai mẹ con. Trước khi Maria Anna đến, Sơ đã được nghe những người làm việc xã hội ở Louisville nói về em. Họ nói: "Em là một bé gái dễ thương; mọi người biết em đều mến thương em". Trong khi Sơ Veronica bước ra chào đón hai mẹ con, dù đây mới chỉ là lần đầu tiên trong đời Maria Anna được gặp một nữ tu với bộ tu phục lạ mắt, em đã chạy ngay đến với Sơ trước ánh mắt ngỡ ngàng của mẹ em. Khi đã vào trong nhà, em đã được mọi người trong nhà, từ các Sơ cho đến các bệnh nhân khác, thay phiên nhau ẵm bế trên tay. Một Sơ đã có nhận xét sau đây trong lần gặp gỡ đầu tiên đó, "Lúc đó em trông thật bé nhỏ và gầy gò, nhưng gương mặt em lại đầy đặn và vui tươi. Một bên má đã bị sưng lên và mắt em thì đóng lại. Mái tóc em thật mềm". Con mắt còn lại của em thì lóng lánh niềm vui sống.

Sau khi mẹ em buồn bã ra về, các Sơ sợ đêm đó em sẽ khóc vì nhớ nhà. Nhưng em đã ngủ một đêm ngon lành và sáng hôm sau đã đi một vòng thăm bệnh xá. Khi đến giường của một bệnh nhân nọ, em đã trèo lên giường, nhìn bệnh nhân một cách trêu mến, và nhẹ nhàng lay tay bệnh nhân. Trong suốt cuộc đời ngắn ngủi của em, với thái độ vui tươi và thông cảm, Maria Anna luôn là nguồn an ủi cho các bệnh nhân.

Bệnh xá Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp tại Atlanta, Georgia, là nơi những người mang bệnh ung thư tìm được an ủi và tình thương. Hầu hết các bệnh nhân ở đây là người lớn, nhưng cũng không thiếu những em nhỏ. Các Sơ làm việc tại đây hằng ngày đã được chứng kiến không biết bao nhiêu nỗi khổ cực của kiếp người, bao nhiêu thân thể đã héo tàn vì bệnh tật. Các Sơ đã thực sự hiểu được điều Chúa phán, "Khi các con phục vụ những người anh em hèn mọn nhất của Cha, là các con đang phục vụ chính Cha". Các Sơ đã nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong những thân xác tang thương mà hằng ngày mình chăm sóc. Riêng em Maria Anna, dù thân xác em đã phần nào biến dạng, nhưng các Sơ đã sớm nhìn ra tâm hồn xinh đẹp của em. Em cố gắng trong mọi lúc quên mình đi để có thể giúp đỡ người khác.

Vì mẹ em đã cho các Sơ biết là gia đình bà không theo một tôn giáo nào, nên các Sơ đã xin bà cho phép em Maria Anna được chịu phép rửa tội. Sau khi đã được phép của cha mẹ, em đã hân hoan sửa soạn đón chờ giây phút trọng đại đó. Một người theo phái Methodist đã cho em một chiếc áo trắng để mặc trong nghi thức gia nhập Kitô giáo.

Các Sơ đã cố gắng hết sức để tạo một nơi ở thật ấm cúng và vui tươi cho con bệnh nhỏ nhất của bệnh xá. Các bệnh nhân và thân nhân của họ cũng cảm thấy hạnh phúc khi tặng quà cho em. Không những các Sơ lo cho Maria Anna về phần xác, mà cả phần hồn của em nữa. Là một đứa trẻ thông minh và linh lợi, em đã sớm học hiểu được nhiều điều về tình yêu Thiên Chúa. Khi một Sơ giải nghĩa cho em về ý nghĩa các chặng Đường Thánh Giá, Maria Anna đã thỏn thức kêu lên:

– Thật tội nghiệp cho Chúa Giêsu quá!

Rất có thể đấy chỉ là phản ứng tự nhiên của các trẻ em. Dù vậy, hơn những đứa trẻ khác, Maria Anna đã hấp thụ được rất nhiều điều về tôn giáo mà các trẻ khác không hiểu. Lời cầu nguyện "Lạy Chúa Giêsu, con yêu mến Chúa với tất cả những gì con có" của em cũng đâu khác gì điều Chúa truyền phải "yêu với tất cả tấm lòng". Hơn nữa, em đã không ngừng lại ở những lời kinh em đã học được, em còn có những lời nguyện riêng của em nữa.

Một lần nọ, với cái nhìn đăm chiêu em đã hỏi Sơ Loretta về Thiên Đường. Sơ đã cho em biết nơi đó sẽ có ánh sáng và em sẽ nhìn được bằng cả hai con mắt. Sơ thêm:

– Trên Thiên Đường mọi sự đều hoàn hảo và đó là quê thật của chúng ta. Dù vậy, chúng ta không được quên những công việc mà Chúa đã trao cho chúng ta phải làm ở dưới đất này.

Em liền hỏi lại:

– Sơ muốn nói chúng ta phải biến trái đất này thành một nơi đầy ánh sáng và vui tươi, để cho mọi người biết được Thiên Đường là thế nào, phải không cơ?

Sơ thật không ngờ một đứa trẻ mới lên bốn mà lại có thể đặt được câu hỏi đó.

Maria Anna rất ít khi khóc; nhưng khi em đã khóc thì chắc chắn phải có lý do chính đáng. Dù vậy, em luôn cố gắng không để cho ai thấy mình khóc. Một ngày nọ, nước mắt đã tuôn trào trên má trong khi em ra khỏi Nhà Nguyện với một Sơ. Khi được hỏi tại sao, em đã thưa lại là em muốn được Chúa Giêsu đến với em như đến với mọi người khác. Các Sơ liền sửa soạn cho em Rước Lễ lần đầu và hứa sẽ cầu nguyện để cho em được Rước Lễ lần đầu trong năm

đó. Khi giải nghĩa cho em thế nào là xét mình, Sơ Loretta đã nghĩ chắc khó lòng mà em có thể hiểu được. Nhưng câu truyện sau đây chứng tỏ là em đã hiểu. Sau khi em kể cho Sơ nghe một lỗi phạm do tính tự ái, với lòng thành tâm thông hối em đã thưa với Chúa:

– Lạy Chúa Hải Đồng Giêsu, con xin lỗi Chúa.

Maria Anna đã được Rước Lễ lần đầu lúc năm tuổi, và chịu phép Thêm Sức lúc lên sáu. Trong ngày chịu phép Thêm Sức, em đã chọn thánh Giuse làm quan thầy, vì ngày xưa Ngài đã chăm sóc cho Chúa Hải Đồng Giêsu và Mẹ Maria, thì ngày nay Ngài sẽ chăm sóc cho em.

Ba má Maria Anna rất yêu thương con, nhưng vì tài chánh eo hẹp nên ông bà rất ít khi có thể đến thăm con. Dù thấy con rất vui vẻ, nhưng ba em cảm thấy buồn vì phải cho con vào một bệnh xá. Khi Maria Anna lên sáu tuổi, ba má em đã đưa em về nhà, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, má em đã xin các Sơ nhận em trở lại. Bà cảm thấy em không được vui khi ở nhà. Dù rất mến gia đình, em vẫn cảm thấy dễ chịu hơn khi ở bệnh xá, vì ở đây em tránh được những con mắt dòm ngó và những lời chế nhạo vì những tật nguyên của em. Mấy năm sau đó, gia đình em lại đưa em về nhà thêm một lần nữa, nhưng lần này cũng thất bại. Sau cùng, em đã được sống những năm cuối đời với những người em thương mến nhất.

Cũng trong thời gian đó, một tu sĩ Dòng khổ tu đến thăm em. Em đã kể cho Cha nghe về gia đình, về những đứa trẻ đã chế nhạo em. Cha đã hỏi em:

– Maria Anna, con có muốn giúp cho những đứa trẻ đó nên tốt không? Chúng không được dạy bảo để nên tốt, nên chúng cần có người giúp đỡ.

Maria Anna liền tỏ lòng muốn giúp đỡ. Cha liền dạy em những phương thế để thắng vượt các khó khăn em đang gặp, và dâng những hy sinh đó lên Chúa Giêsu Hải Đồng để giúp những đứa trẻ kia. Em đã không bao giờ quên bài học đó.

Với tính tình dễ thương và hoạt bát, Maria Anna đã có rất nhiều bạn. Nhiều người khi đến thăm em đã hỏi tại sao em không xin Chúa chữa bệnh cho em. Em chỉ trả lời một cách đơn Sơ:

– Đây là điều Chúa muốn.

Lúc này, em đã nhìn thấy được gương mặt mình trong gương. Điều làm mọi người kinh ngạc và ngưỡng mộ là thấy em hoàn toàn bình tĩnh tuân theo Thánh Ý Chúa.

Trong thời gian tại bệnh xá, một trong những điều làm Maria Anna vui sướng hơn cả là được chị Sue của em đến thăm và ở lại với em trót cả mùa hè. Sue là người thứ nhất trong gia đình đã theo gương Maria Anna gia nhập đạo Công Giáo. Trong mùa hè đó, Maria Anna được gặp một linh mục, em đã hỏi ngài xem em có được làm nữ tu hay không. Một Sơ vì nghe được câu hỏi đó, đã may cho Maria Anna và Sue mỗi em một chiếc áo dòng để mặc. Lần kia, trong khi Maria Anna giúp đỡ các bệnh nhân, Sue đến nhà nguyện của các Sơ Dòng Thăm Viếng để cầu nguyện. Khi Maria Anna biết được Sue đi cầu nguyện, em đã kêu lên:

– Nếu chị Sue chỉ thích đến nhà nguyện để cầu nguyện, thì chị ấy phải vào dòng khác... Ở đây chúng tôi phải làm việc.

Maria Anna thích được giúp đỡ người khác. Nhiều lúc, chính vì sự chấp nhận một cách vui vẻ những tật nguyên của mình, Maria Anna đã khiến các bệnh nhân khác dễ dàng chấp nhận hoàn cảnh của họ. Trong bệnh xá có một bệnh nhân hầu như đã liệt giường. Maria Anna thường đến chải tóc hoặc làm một vài việc vặt giúp bà. Một lần em hỏi bà có muốn cầu nguyện với em không, bà đã trả lời là bà không biết cầu nguyện. Em liền dạy bà cách cầu nguyện và còn xin mấy người khác giúp em nữa. Không bao lâu sau, em thật hân hoan sung sướng khi được làm "bồ đỡ đầu" cho bà trong ngày bà lãnh bí tích Rửa Tội. Một bệnh nhân khác cũng từ Kentucky đến. Bà đã bị chồng bỏ khi biết là bà mắc bệnh ung thư. Dù Maria Anna không biết hoàn cảnh của bà, em cũng nhận ra tâm hồn tan nát của bà. Em liền đem đến cho bà một ly nước, và trong mấy tuần lễ sau đó, em đã trở nên cô "y tá" đặc biệt cho bà. Chiều hôm trước ngày bà qua đời, bà đã nói với một Sơ:

– Bây giờ tôi đã biết tại sao tôi từ tận Kentucky đến đây. Ngày xưa tôi cũng là người Công Giáo. Đã từ lâu tôi muốn trở về, nhưng không biết làm cách nào". Một lần nữa, Maria Anna đã giúp một linh hồn tìm lại được Thiên Chúa.

Hình như sứ mạng của em chính là sống cuộc đời mình trong sự chấp nhận tất cả những gì Chúa muốn xảy đến cho em, và từ đó, em lôi kéo mọi người đến cùng Thiên Chúa. Lời cầu nguyện hằng ngày của em là xin Chúa ban cho gia đình em được đức tin Công Giáo. Trong mấy năm sau khi Maria Anna rước lễ lần đầu, ba chị em của em đã theo gương em gia nhập đạo Công Giáo. Còn mẹ em thì trở lại đạo mấy tháng sau khi em qua đời.

Trong thời gian em ở bệnh xá, em hằng ước ao có được một em bé để săn sóc. Khi Maria Anna lên 11 tuổi, bé Stephanie đã đến với em. Bé Stephanie cũng bị bệnh ung thư. Cha mẹ bé không muốn trao bé cho bệnh xá tí nào; nhưng sau cùng, ông bà đã nghe theo lời Cha xứ để trao cho các Sơ săn sóc. Maria Anna đã có mặt khi ông bà đưa bé Stephanie đến. Nhận thấy rằng ông bà rất đau khổ, em đã an ủi ông bà:

– Cháu không cầu xin cho bé bị bệnh; nhưng nếu em bé nào bị bệnh, thì cháu xin cho bé đó được đến đây.

Sau này, mẹ của Stephanie đã chân nhận là câu nói của Maria Anna đã giúp bà hiểu được mục đích của Thiên Chúa khi cho bé vào đời. Trước đó, các bác sĩ đã nói với bà là bé Stephanie bây giờ hoàn toàn vô dụng, tốt hơn hết là để cho bé chết. Nhưng do câu nói của Maria Anna, bà đã có ý nghĩ khác. Bà nói:

– Bé Stephanie không vô dụng. Có người cần bé. Đứa trẻ với gương mặt bị băng bó nhưng có một trái tim tràn đầy tình yêu thương đang cần bé. Thái độ của tôi đã hoàn toàn thay đổi. Và trong những tháng ngày sau đó, mỗi lần đến thăm bé, nỗi đau đớn của tôi đã được dịu đi phần nào, thay vào đó là một lòng biết ơn thầm kín đối với bé. Không những bé đã đem hạnh phúc đến cho Maria Anna, niềm hạnh phúc đó cũng tràn lan đến các bệnh nhân khác nữa.

Về phần Maria Anna, em đã chứng tỏ là một cô y tá tận tụy đối với Stephanie. Em không bao giờ phàn nàn mỗi khi bé Stephanie làm cho em mất ngủ ban đêm. Em an ủi vỗ về bé, giúp bé lúc ăn uống và săn sóc bé. Maria Anna cũng cảm thấy thật hạnh phúc khi một Sơ cho biết là em đã giúp đỡ các Sơ rất nhiều trong việc săn sóc cho bé Stephanie.

Đến tháng 9 năm 1958, bệnh tình của Maria Anna trở nên trầm trọng. Một Sơ vẫn còn nhớ một trong những niềm mong ước của Maria Anna là được trở nên một nữ tu. Mong ước này đã thành tựu khi em được nhận vào dòng ba

Đaminh. Các Sơ dự định nghi thức mặc áo dòng sẽ được cử hành tại phòng của em, nhưng Maria Anna đã xin để được tham dự nghi thức đó tại nhà nguyện. Từ nay, em sẽ là Sơ Loretta Dorothy.

Từ ngày đó, miệng em bắt đầu sưng lên, và dần dần em không còn ăn được như thường nữa. Dù vậy, em cũng không bao giờ than phiền. Khi ba má em đến thăm, một Sơ đã đề nghị để cho ông bà ăn ở ngoài phòng khách thay vì ở phòng của em như những lần thăm trước, em liền hiểu ngay.

– Sơ nói đúng, vì thật là điều không hay khi ba má thấy con thật khổ sở trong khi ăn uống.

Điều này tỏ ra cả trong những điều rất nhỏ mọn, em cũng luôn quan tâm đến ba má của em.

Một thời gian ngắn trước Lễ Giáng Sinh, một lần nữa cơn bệnh lại trở nên trầm trọng. Các Sơ đã đốt một cây nến đặt bên giường của em. Em không ngừng thưa cùng Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu, con mến Chúa.

Đến tháng Giêng, một chàng thanh niên theo giáo phái dùng lòng tin để chữa bệnh đã đến thăm Maria Anna. Khi bước vào phòng, chàng liền nói:

– Xin Chúa Giêsu chữa em.

Khi thấy em không đáp lại, anh ta lại nói câu đó thêm một lần nữa. Lúc này, em liền nhìn anh ta mà nói:

– Tôi biết Chúa Giêsu có thể chữa tôi. Tôi biết Ngài có thể làm được mọi sự. Nhưng đối với tôi, tôi không để ý đến việc Ngài chữa hay không chữa. Vì đó là quyền của Ngài.

Maria Anna đã tắt thở khi đang ngủ vào đêm 18 tháng Giêng năm 1959, trong tay còn cầm cổ tràng chuỗi em đang dùng để lần hạt Mân Côi trước khi đi ngủ. Lúc đó em mới 12 tuổi.

Trong thánh lễ an táng em Maria Anna, Đức Giám Mục Hyland đã nói, "Đối với con mắt người đời, cái chết của Maria Anna là một nỗi buồn khôn tả.

Quan điểm này đã không nhìn ra được mục đích tối hậu của con người khi hiện hữu trên trần gian, đó là nhận biết, mến yêu và phụng sự Thiên Chúa, và chứng tỏ là chúng ta xứng đáng lãnh nhận nguồn hạnh phúc vĩnh cửu với Ngài trên Thiên Đàng".

Đối với những ai đã biết em, tất cả đều tin rằng, trong mười hai năm sống trên đời, Maria Anna đã thực sự nhận biết, mến yêu và phụng sự Thiên Chúa của em.

Lạy Chúa, xin hãy tôn vinh con nhỏ của Chúa là Maria Anna Long, vì khi còn sống, Em đã mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người. Vì lời cầu bầu của Em, xin Chúa ban cho chúng con cũng được mến yêu và phụng sự Chúa trong anh chị em chúng con.

Thánh Miguel Febres Cordero Munoz, FSC

Một nhà giáo dục gương mẫu tận tụy

(1854 – 1910)

Phanxicô, hay "Pancho", con trai nhỏ của ông Cordero, là một đứa trẻ lanh lợi. Vào một buổi chiều nọ, em đang ngồi ở nhà với bà cô của em. Vì em bị tật cả hai chân, nên dù đã 5 tuổi mà vẫn chưa biết đi. Nhìn qua cửa sổ hướng về những bụi hồng trong vườn, mắt em đột nhiên mở to. Em kêu lên:

– Cô coi kìa, có một bà rất đẹp ở gần bụi hồng!

Đáp lại, cô bảo bé:

– Mời bà vào nhà chơi đi, Pancho!

– Bà mặc một chiếc áo choàng trắng, bà thật là đẹp! Cô có thấy bà không? Bà đang gọi con và bà muốn con đến với bà.

Trước cặp mắt kinh ngạc của bà cô, Pancho đứng dậy và đi đến cửa sổ. Đó là lần đầu tiên Pancho bước đi một mình mà không cần sự giúp đỡ của ai. Sức khỏe của em đã khá lại kể từ ngày sự kiện lạ lùng đó xảy ra, mặc dù cho đến ngày chết, Pancho vẫn bị tật cả hai chân và đi lại thật khó khăn.

Phanxicô Febres Cordero Munoz sinh ngày 07 tháng 11 năm 1854 trong một gia đình khá giả và có danh vọng tại miền Cuenca, nước Ecuador. Bé có một trí thông minh lạ lùng. Trong mấy năm đầu, bé đã được người mẹ rất đạo đức dạy dỗ tại nhà. Nhiều sự kiện dị thường xảy ra trong thời thơ ấu của bé đã khiến cho người ta phải công nhận bé được Thiên Chúa đặc biệt sủng ái.

Lúc 8 tuổi, khi đang chơi với chúng bạn, em bị một con bò rừng xông đến tấn công. Những người đứng gần đó tưởng em không tài nào thoát chết; nhưng em đã thoát nạn và không bị thương tích gì.

Các sư huynh La-san hồi đó đã được Tổng thống Ecuador, ông Garcia Moreno, mời đến Ecuador. Đến năm 1863, Phanxicô ghi danh vào trường các Thầy. Em bé thông minh 9 tuổi này bắt đầu quý mến các Thầy và lối sống

của các Thầy.

Trường học đã trở thành ngôi nhà thứ hai của Phanxicô, và em thường ở lại sau khi tan học để giúp làm bất cứ việc gì em có thể. Sau một thời gian ngắn, Phanxicô đã quyết định muốn trở thành một tu sĩ, và xem ra không gì có thể ngăn cản em theo đuổi ý định này. Về phần các Thầy, các Thầy đã sớm nhận ra Phanxicô là một học sinh thông minh và có lòng đạo sốt sắng hiếm có.

Khi Phanxicô cho gia đình biết lòng ao ước muốn trở thành tu sĩ, gia đình em thật ngỡ ngàng. Mẹ em đã có trong đầu một nghề tốt cho con bà. Ba và bà nội thì bác bỏ ý định của em. Để tìm cách thay đổi ý định của Phanxicô, gia đình đã gửi em vào nội trú tại một chủng viện ở Cuenca.

Về sau, Phanxicô đã viết lại cảm tưởng của mình về thời gian sống tại đó: "Chỉ ở đó có 3 tháng thôi mà tôi cảm thấy như là 3 năm vậy. Tôi cảm thấy đau khổ triền miên mặc dù các thầy giáo và các bạn học sinh đều rất tử tế và vui vẻ. Thật ra đó không phải là nơi Chúa có ý muốn cho tôi ở và tôi như cá ở ngoài nước. Một trong các cậu của tôi đã đến thăm và cho tôi tiền để giải trí, nhưng tôi đã dùng số tiền đó mua nến dâng tại bàn thờ Đức Mẹ để xin Đức Mẹ giải thoát tôi khỏi nơi luyện ngục ấy và giúp tôi theo đuổi ơn gọi đích thật của tôi".

Sau cùng, cuộc sống khổ đau đó đã ảnh hưởng đến sức khỏe của em: một chứng nhức đầu thật dữ dội đã làm cho em thật đau đớn. Em đã xin Cha giám đốc can thiệp. Kết cuộc gia đình đã đồng ý cho Phanxicô trở lại trường các Thầy Dòng. Tuy vậy, gia đình em vẫn phản đối ơn gọi của em. Sau cùng, vì thấy ý chí cương quyết của em, gia đình bất đắc dĩ đã phải để cho em thử.

Đến năm 1868, Phanxicô dù mới có 14 tuổi đời mà đã được mặc áo Dòng. Phanxicô là Thầy Dòng đầu tiên người Ecuador. Để tôn kính Tổng thần Michael, Phanxicô được đổi tên là Miguel. Vì sức khỏe của Phanxicô kém, các Thầy cho phép em trong thời gian tập được ở chung với cộng đồng tại Cuenca thay vì gửi sang tập viện ở Pháp.

Đến năm 17 tuổi, Thầy Miguel đã viết và xuất bản cuốn sách giáo khoa đầu tiên. Sau đó, Thầy còn viết nhiều sách giáo khoa khác. Nhiều sách giáo khoa của Thầy đã được chính phủ nhận để dùng cho toàn quốc. Hơn nữa, vì các sách của Thầy rất có giá trị về cả mặt văn phạm lẫn ngữ học, Thầy Miguel đã

được tuyển chọn vào Hàn Lâm Viện Ngữ Học vào năm 1892. Là một học giả, một văn sĩ, một thi sĩ, Thầy Miguel quả thật là một người rất thông minh và trời vượt.

Trong khi là một học giả thông minh tuyệt mức, Thầy Miguel cũng là một giáo viên đại tài. Thầy luôn luôn cố gắng tìm cách để làm cho học trò cảm thấy hứng thú trong khi học. Miguel đã viết điều quyết định này trong cuốn sổ tư của Thầy: "Tôi phải tìm mọi cách để làm cho những bài học và bài tập có thể hợp và hứng thú cho các học trò của tôi". Thầy luôn tỏ ra thông cảm và nhân nại, và mặc dù đặt tiêu chuẩn rất cao, Thầy cũng không bao giờ nổi giận, ngay cả với học sinh kém nhất.

Một lần nọ, một Thầy trẻ thấy Thầy Miguel, dù sau nhiều năm kinh nghiệm trong ngành giáo dục, còn miệt mài với một bài học trong một quyển sách thật cơ bản. Thầy trẻ đó nói với Thầy Miguel rằng chắc chắn sau 20 năm dạy học, Thầy không cần phải dọn bài đó nữa. Thầy Miguel đáp:

– Vâng tôi biết, hay ít ra tôi nghĩ rằng tôi biết. Dầu vậy, mỗi năm tôi đều tìm cách để giảng dạy cách hữu hiệu hơn, và tôi thiết nghĩ giả sử tiếp tục dạy thêm 20 năm nữa, tôi vẫn gắng tìm những cách thức mới mẻ và hoàn hảo hơn để giảng dạy.

Là một học giả lỗi lạc và là một nhà giáo dục tận tụy với nghề nghiệp, phải chăng đây là những điều căn bản của việc phong chân phước cho Thầy Miguel? Câu trả lời chắc chắn là không phải. Căn bản sự thánh thiện của Thầy Miguel chính là, trong mọi công việc, ngài đều làm cho Thiên Chúa và để bành trướng vương quốc Chúa Kitô. Một lần ngài viết: "Một trái tim trở nên quảng đại khi trái tim đó cảm thấy hạnh phúc, và nó sẽ luôn luôn cảm thấy hạnh phúc bao lâu tất cả những khát mong của nó được quy hướng về Chúa. Không gì có thể mang lại hạnh phúc cao cả cho bằng làm theo Thánh Ý Thiên Chúa vì lòng yêu mến". Thầy đã viết trong nhật ký rằng: "Con xin hiến dâng trót mình con cho Chúa Giêsu để Chúa sử dụng con theo Thánh Ý Chúa. Con muốn mọi chữ con viết, mọi lời con nói, mọi việc con làm nơi bàn giấy, và tất cả các việc ở trường đều làm vinh danh Thiên Chúa".

Sau khi qua đời, điều dốc lòng trên đã trở thành thước đo mọi hành động lúc sinh thời của Thầy Miguel, và Giáo Hội sau khi đã điều tra về cuộc đời Thầy, đã xác nhận Thầy thực đã sống mục đích cao cả đó.

Thầy Miguel nhận Đức Mẹ làm Đấng bảo trợ đặc biệt trong công việc giảng dạy của mình. Thầy soạn nhiều bài hát, làm nhiều thi phú để tôn kính Đức Mẹ. Lời cầu nguyện của Thầy luôn luôn là: "Xin Mẹ soi sáng cho con biết những điều con phải nói với người ta".

Suốt cuộc sống, Thầy Miguel tin trung với những lý tưởng và mục đích Dòng. Mặc dù phải chịu nhiều đau khổ thể xác do chứng nhức đầu và bị tật nơi chân, cũng như do những bệnh hoạn khác, Thầy không hề than thở một lời. Thầy chỉ thầm lặng dâng hiến những đau khổ của mình để kết hợp với cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Đồng thời, Thầy cũng từ chối xin chuẩn chức bất cứ việc làm nào do luật Dòng đòi hỏi. Các sử gia khi viết về cuộc đời Thầy đều đồng thanh tuyên nhận: ngài thật sự là một người hạnh phúc và vui vẻ, không bao giờ bi quan, chán nản. Sau này, một Thầy bạn đã thú nhận rằng bất cứ khi nào cảm thấy chán nản hay thất vọng, Thầy đều đến gặp Thầy Miguel. Những lúc đó, Thầy Miguel luôn sẵn sàng bỏ qua một bên bất cứ việc gì ngài đang làm để lắng nghe Thầy bạn. Và lần nào Thầy này cũng ra về với tâm hồn vui tươi phấn khởi. Thầy Miguel nói rằng chính Thầy không bao giờ bị mất hạnh phúc hay chán nản, vì "Tôi có một người bạn thật lạ lùng. Tôi làm cho mình trở nên đẹp lòng Thiên Chúa khi tôi không hài lòng với chính mình".

Năm 1888, Thầy Miguel được cử để đại diện các Thầy ở Ecuador dự lễ phong chân phước cho Đấng Sáng Lập Dòng, Thánh Gioan Baotixita La-san. Thầy rất vui sướng vì được tham dự dịp đặc biệt này, và nói rằng chuyến đi của mình đến Rôma giống như "được đưa lên miền Cực Lạc". Trong khi tham dự nghi lễ cảm động đó, Thầy đã có nhiều ý chỉ để nguyện xin, nhưng về sau Thầy thú rằng vì quá xúc động, nên chỉ có thể lập đi lập lại câu: "Lạy Chúa, con cảm tạ ơn Chúa vì tất cả những gì Chúa đã làm cho con. Chúa biết những điều con ước nguyện. Lạy Chúa, con cảm ơn Chúa".

Năm 1905, Thầy Miguel được mời đi Âu Châu để phiên dịch một vài cuốn sách từ tiếng Pháp sang tiếng Tây Ban Nha. Dầu cảm thấy buồn khi xa quê hương, Thầy viết: "Tôi vẫn điềm tĩnh bởi vì tôi làm theo Thánh Ý Thiên Chúa".

Trong vai trò một dịch giả, Thầy đã làm việc đầu tiên tại Pháp, rồi đến Bỉ, và sau cùng ở Tây Ban Nha. Tháng Giêng năm 1910, Thầy bị cảm thương hàn nặng và sau đó biến chứng sang bệnh sung phổi. Đến ngày 7 tháng Giêng,

Thầy xin chịu các Bí tích sau hết. Khi những người chung quanh nói rằng Thầy không thể chết trước khi hoàn thành sự nghiệp, ngài đã mỉm cười đáp lại:

– Nếu công việc tôi đang làm hữu dụng cho Thiên Chúa, Ngài sẽ gọi đến những người khác để hoàn thành và nó sẽ được hoàn thành tốt hơn tôi có thể làm.

Được hỏi là Thầy có cảm thấy buồn khi phải ly trần nơi xứ lạ quê người không, Thầy trả lời:

– Không, tôi vui mừng được chết ở Tây Ban Nha vì đó là ý Chúa muốn.

Ngài qua đời một cách trầm lặng và an bình vào ngày 9 tháng 2, năm 1910, và được an táng ngày hôm sau tại nghĩa trang nơi cư ngụ của các Thầy ở Premia.

Mặc dầu Thầy chết xa quê hương Ecuador, đời sống thánh thiện của Thầy đã được ghi nhớ, và người ta bắt đầu xin phong thánh cho Thầy. Các hồ Sơ cần thiết đã được đệ sang Toà Thánh Rôma năm 1925. Trong lúc đó, quan tài của Thầy đã được chuyển tới một nơi đặc biệt trong một nhà nguyện tập viện.

Ngày 21 tháng 7 năm 1936, Cộng sản Tây Ban Nha khởi loạn cướp phá tài sản tại Premia và đốt nhà nguyện. Hai tháng sau, một thanh niên đã đến toà lãnh sự của người Ecuador ở Barcelona để trình bày một sự việc xảy ra bất thường. Trong dịp tấn công Premia, quan tài của Thầy Miguel đã mở ra và xác vẫn còn nguyên. Người thanh niên này cảm thấy đó là bổn phận của mình phải cho toà lãnh sự biết trong niềm hy vọng rằng hài cốt quý báu đó khỏi bị xúc phạm hay thất lạc. Qua những cố gắng của vị lãnh sự Ecuador, xác Thầy Miguel được kiểm nghiệm, và được xin lại để gởi về quê hương trần gian của Thầy.

Khi đến Ecuador, hài cốt của Thầy được rước về an nghỉ tại tập viện của Dòng ở vùng ngoại ô Quito. Đang khi di chuyển qua đám đông, một em đang đi nặng với tay chạm vào quan tài, em bỏ nặng xuống vệ đường và bước đi với đám đông trước sự kinh ngạc đầy hân hoan vui sướng của những người hiện diện. Từ đó cậu bé này không bao giờ dùng đến nặng nữa, em đã hoàn toàn được chữa lành. Lập tức, các ơn và các phép lạ bắt đầu được phúc trình.

Ngày 30.10.1977, cùng với một Thầy khác, là Thầy Mucian thuộc Malonne, Bỉ quốc, Thầy đã được phong Chân phước. Đến ngày 9 tháng 2 năm 1984, Thầy Miguels Cordero đã được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tôn phong lên bậc Hiển thánh.

Vì lời cầu bầu của Chân Phước Miguel Cordero, xin Chúa ban cho chúng con ơn biết chu toàn bổn phận của mỗi người chúng con, và luôn luôn chu toàn tốt đẹp vì vinh danh Chúa, trong tình mến Chúa.

Chân Phước Isidôrô Giuse Đệ Loor, C.P.

Nên thánh trong công việc bình thường và âm thầm hằng ngày.

(1881 – 1916)

Tất cả các tu sĩ thuộc các dòng tu trong Giáo hội luôn theo đuổi hai mục đích rõ rệt: thứ nhất thánh hoá bản thân, và thứ hai cứu các linh hồn anh chị em đồng loại bằng mọi phương pháp theo sáng kiến riêng của mỗi hội dòng. Đối với các tu sĩ Dòng Thương Khó, ngoài hai mục đích đó còn thêm một mục đích thứ ba, đó là truyền bá lòng sùng kính sự Thương Khó Chúa Kitô.

Để đạt được những mục đích cao cả này, các tu sĩ không cần phải thực hiện những việc lạ lùng hay phải hãm mình nhiệm nhặt. Đường lối dẫn đến sự thánh thiện của họ là vâng theo Thánh Ý Chúa bằng cách tuân theo các luật lệ và vâng lời Bề trên. Do đó, đời sống những tu sĩ tận hiến này là một cuộc đời khiêm nhu ẩn dật.

Trong suốt cuộc đời, Thầy Isidôrô đã sống theo luật sống đó trong sự vâng phục các Bề trên một cách vui vẻ, không phàn nàn. Lúc qua đời vào năm 1916, Thầy không để lại những bút tích tuyệt tác, và người ta cũng không thấy Thầy làm một việc gì lạ lùng. Dù vậy, chỉ 13 năm sau khi Thầy qua đời, hương thơm nhân đức của Thầy đã toả lan, đến nỗi người ta đã nghĩ đến việc xin phong thánh cho Thầy. Đến năm 1952, hơn ba mươi ngàn người đã đến tham dự nghi thức cải mộ và tỏ lòng tôn kính Thầy.

Điều gì nơi con người tu sĩ khiêm hạ này đã có sức thu hút quần chúng như thế? Sự thánh thiện của Thầy Isidôrô được đặt trên nguyên tắc là hết mọi người, tu sĩ cũng như giáo dân, được mời gọi để thi hành Thánh Ý Thiên Chúa một cách khiêm nhường và hăng hái. Thầy Isidôrô tìm thấy sức mạnh để nhận biết và thi hành Thánh Ý Thiên Chúa trong sự cầu nguyện.

Isidôrô đệ Loor là con cả trong một gia đình nông dân tại Bỉ. Cha mẹ Thầy lập gia đình muộn, và với ba mặt con, ông bà đã kiến tạo được một gia đình thật gắn bó và yêu thương. Công việc đồng áng thật cực nhọc đến nỗi ông bà không được tham dự thánh lễ hằng ngày. Isidôrô thay mặt cho cả gia đình trung thành tham dự thánh lễ hằng ngày và cùng với cả gia đình tham dự

thánh lễ ngày Chúa nhật. Isidôrô đã lớn lên trong một gia đình biết kính mến Thiên Chúa và yêu thương tha nhân. Cuối mỗi ngày làm việc, cả gia đình cùng tụ tập quỳ gối lần hạt Mân Côi. Bỏ đọc kinh hằng ngày là điều không thể được trong gia đình của Isidôrô.

Isidôrô đã phụ giúp cha làm công việc đồng áng với khả năng của cậu. Ngoài ra, cậu còn làm những công việc vặt khác giúp đỡ mẹ hoặc chăm sóc cho các em. Bởi vì những nông phu trẻ miền quê ở Bỉ vào cuối thế kỷ 19 không cần thụ huấn nhiều ở trường, nên cậu cũng chỉ được đến trường có 6 năm. Năm lên 12 tuổi, cậu phải nghỉ học để giúp việc đồng áng.

Isidôrô càng lớn, lòng ham ước tận hiến mình cho Thánh Ý Thiên Chúa cũng lớn theo. Cầu nguyện và làm việc là luật sống của cậu lúc ấy.

Vào các Chúa nhật, Isidôrô đi dự lễ sớm, và sau khi về nhà điếm tâm cách vội vã, cậu liền trở lại nhà xứ để dạy giáo lý cho các trẻ em trong xứ. Các buổi trưa Chúa nhật cậu thường đi bộ hàng giờ đến những nhà thờ lân cận để giúp dạy giáo lý. Hết những ai biết Isidôrô lúc ấy đều nói tốt về cậu và tỏ lòng ngưỡng mộ. Mặc dù luôn tỏ ra là người vui tươi, Isidôrô không thích những cuộc nói chuyện bất nhã, thô tục và cậu không bao giờ nhượng bộ trong vấn đề này.

– Người tử tế không được nói những điều đó.

Cậu nhắc cho họ.

– Hãy nghĩ đến Thiên Chúa, Đấng hằng nghe và thấy bạn mọi nơi mọi lúc.

Trong những khi ít công việc ở ngoài đồng, thay vì Isidôrô nghỉ ngơi hay làm những việc hợp với sở thích, cậu trước hết lo những việc sửa sang nhà cửa, rồi sau đó tình nguyện đi giúp những người láng giềng.

Mặc dù luôn ước mơ ơn gọi hoàn toàn tận hiến cho Thiên Chúa, Isidôrô chỉ biết tâm sự điều này với Chúa chứ không dám tỏ cùng ai. Isidôrô biết cha mẹ già cần mình ở nhà. Đến năm 26 tuổi, cậu tham gia việc truyền giáo do một Cha Dòng Chúa Cứu Thế đảm trách. Isidôrô đã bày tỏ với vị linh mục này ước mơ của mình. Vị linh mục đã khôn ngoan khuyên chàng theo ơn gọi của mình bằng cách gia nhập làm tu sĩ Dòng Thương Khó.

Lúc đầu, song thân của chàng cũng lưỡng lự khi nghĩ đến sắp phải mất một người con. Nhưng với niềm ước vọng muốn tuân theo Thánh Ý Thiên Chúa, các ngài đã bằng lòng cho con đi thử nghiệm ơn gọi.

Cha ngài đã không thể cầm lòng được lúc phải chia tay với người con yêu dấu. Trên đường ra nhà ga, bà thân mẫu, đôi mắt đầm lệ, đã nói với con:

– Isidôrô, nếu ở tu viện không hợp cho con thì về nhà liền nhé.

Isidôrô liền thưa với mẹ:

– Mẹ à, đứa con này sẽ không bao giờ trở về nữa đâu.

Mặc dù đã dốc lòng không trở về nhà, tìm được tu viện cả là một vấn đề khó khăn đối với Isidôrô. Nước Bỉ là một quốc gia với hai ngôn ngữ, trong khi Isidôrô chỉ biết nói tiếng Đức (flemish) mà đường đi đến tu viện lại thuộc miền nói tiếng Pháp. Khi đến làng, chàng không thể tìm thấy tu viện. Chàng cố gắng ra dấu và vẽ dấu hiệu của Dòng Thương khó để tìm ra hướng đi. Sau cùng chàng mới gặp một người biết tiếng Đức chỉ đường cho.

Trong những ngày đầu ở nhà dòng, chàng cảm thấy thật lép vế trước sự hiện diện của các linh mục tu sĩ có học thức. Nhưng không bao lâu, lòng tử tế của mọi người đã san bằng mọi ngăn cách, và chàng đã có thể viết thư về nhà khen ngợi sự bình dân gặp thấy trong nhà dòng. "Ở đây tất cả mọi người đều như nhau, từ Cha Bề trên cho đến người thấp hèn nhất: ăn chung, ngủ chung, cùng nghỉ ngơi, cùng giải trí". Isidôrô đã được đổi tên mới là Isidôrô Giuse.

Từ ngày đầu tiên ở tu viện, Thầy Isidôrô đã dốc quyết cố gắng hết sức để chu toàn lề luật cách hoàn hảo và vâng phục tất cả mọi huấn lệnh của các Bề trên, không thắc mắc, không than phiền. Cha Giám tập nhận thấy rõ Isidôrô có những đức tính rất đặc biệt và có một cuộc sống thật nghiêm nhặt. Isidôrô không bao giờ phàn nàn.

Biết rằng luật cấm các Thầy không được hy sinh hãm mình ngoại thường, Isidôrô đã thực hiện những việc ăn năn sám hối nhỏ mọn hầu như không ai biết đến. Trong nhiệm vụ nấu ăn cho anh em Dòng, thay vì làm những món đơn giản, dễ dàng hợp với thực đơn, Thầy luôn cố gắng để dọn những món ăn hợp với sở thích của mỗi người. Thêm vào đó, Thầy đợi cho tất cả mọi người

ăn xong rồi mới dùng những thức ăn còn lại. Một lần nọ, có Thầy để ý thấy khi dùng bánh mì, Thầy Isidôrô lướt "dao quét bơ" trên miếng bánh mì, nhưng thật ra bơ không dính trên bánh mì một tí nào. Thầy làm vậy để che mắt mọi người. Đối với Thầy, những việc hãm mình nho nhỏ này như là những tặng vật dâng lên Thiên Chúa.

Một ngày kia khi Thầy Isidôrô đang cắt cỏ, khí trời đột nhiên trở nên nóng bức khác thường. Một Thầy được sai đi lấy nước lạnh đem ra cho Thầy uống. Isidôrô tử tế cảm ơn Thầy bạn, nhưng về sau quan sát thấy Thầy lén bỏ lại chai nước đầy vào nhà bếp. Mặc dù Thầy thích làm các công việc ngoài trời là những việc ngay từ bé Thầy vẫn yêu thích như chăm sóc vườn tược và làm việc đồng áng, nhưng khi được chỉ định làm bếp hay ở nhà giặt, Thầy không hề phàn nàn hay tỏ ra không thích.

Nếu có thể giúp đỡ ai điều gì thì Thầy Isidôrô liền giúp ngay. Nhưng trái lại, khi Thầy cần thì lại không xin ai giúp cả. Lần kia có hai người tính tình không được chăm chỉ và hăng hái cho lắm được chỉ định giúp Thầy làm bếp. Có khi sau cả buổi mà hai người cũng không gọt đủ số khoai để dùng; lúc khác thì không chịu chu toàn những việc đã được trao phó ở trong bếp. Thay vì phàn nàn, Thầy Isidôrô đã hy sinh làm thay họ, cho đến khi một Thầy khác thấy điều đó không công bằng đối với Thầy Isidôrô nên đã trình bày cho Bề trên biết.

Thầy Isidôrô coi những điều mong ước của Bề trên như những huấn lệnh chính Thiên Chúa trực tiếp ban bố. Một lần trong thời kỳ Đệ I Thế Chiến, các Thầy được khuyên nên dời khỏi tu viện để tránh những nguy hiểm có thể xảy đến. Các Bề trên đã cho hầu hết các Thầy đến nơi an toàn ở Hoà Lan, chỉ để lại một vài người coi tu viện. Khi được hỏi là Thầy muốn ở lại hay muốn đi, Thầy Isidôrô đã can đảm sẵn sàng ở lại dù biết rằng đó là một công việc hết sức nguy hiểm. Một nghĩa cử từng phục anh hùng khác đã diễn ra trên giường chết. Lúc đó, Thầy đã thú nhận với một tu sĩ khác là mình đã sẵn sàng để từ giã cõi đời. Dù vậy Thầy nói:

– Vì các Bề trên không muốn, nên tôi vẫn sống.

Vào mùa hè năm 1911, Thầy Isidôrô đã mắc phải chứng bệnh đau mắt kịch liệt. Tuy các bác sĩ nhận thấy sự đau đớn có thể thật dữ dội, nhưng Isidôrô vẫn không hề nhắc đến mãi cho đến khi chứng bệnh trở nên trầm trọng đến

nổi Thầy không thể chịu đựng được. Sau khi khám nghiệm, người ta khám phá ra là Thầy bị ung thư ở con mắt bên phải và họ miễn cưỡng phải lấy con mắt ra. Sau đó Thầy lại biết thêm là mình cũng bị ung thư ruột và chỉ có thể sống thêm vài năm nữa. Thầy bình tĩnh vui nhận. Thầy viết thư cho song thân: "Phó mặc cho Thánh Ý Thiên Chúa, chúng ta sẽ tiến bước vững vàng. Xin Chúa ban cho con được vui chịu mà không than phiền".

Đến năm 1914, Thầy được trao phó công việc coi cửa tu viện ở Kortrijk. Đây là công việc gây nên nhiều phân tâm nhất và có thể nói là công việc không một tu sĩ nào thích làm. Khi chuông công reo lên, người giữ cửa phải ngừng các công việc mình đang làm, cả khi đang trong giờ kinh nguyện, để ra đón khách. Thầy Isidôro vui vẻ chu toàn công việc này. Vừa khi nghe được tiếng chuông, Thầy liền đi ngay và hân hoan tiếp đón tất cả những ai đến.

Đến cuối mùa hè 1916, sau những năm tháng yếu bệnh, Thầy đã kiệt sức. Chứng bệnh sưng màng phổi biến chứng khiến Thầy phải nằm dưỡng bệnh, và bác sĩ cho biết chứng ung thư đang lan nhanh. Càng gần đến những ngày cuối đời, những trận tấn công càng trở nên đau đớn dữ dội. Sau cùng, Thầy không thể nằm trên giường được nữa; khi cơn đau quá dữ dội, Thầy thường ngồi trên một chiếc ghế và tựa đầu vào chỗ để tay. Tu sĩ y tá được chỉ định chăm sóc Thầy sau này quả quyết rằng không hề nghe một lời nào phàn nàn nơi Thầy Isidôro. "Khi tôi hỏi Thầy về tình trạng sức khỏe của Thầy thì Thầy chỉ đáp rằng Thầy hối tiếc vì không thể cảm ơn Chúa sau khi rước Mình Thánh một cách sốt sắng hơn và Thầy xin tôi giúp". Thầy Isidôro cảm thấy rất rõ sự đau đớn đã khiến Thầy khá phân tâm trong các giờ kinh nguyện, làm cho Thầy không thể tập trung được. Mặc dù trong lúc lâm chung, Thầy được sự an ủi của các tu sĩ cùng Dòng, nhưng Thầy đã không được sự an ủi là gặp được cha mẹ yêu dấu một lần cuối. Dù vậy, Thầy không hề phàn nàn về điều này.

Khoảng một giờ sáng ngày 6 tháng 10 năm 1916, Thầy Isidôro đột nhiên kêu lên:

– Thừa Cha Bề trên, xin Cha cho gọi các anh em trong nhà, vì con sắp chết rồi.

Có một Cha lúc đó đang ở trong phòng nói rằng ngài cảm thấy chưa đến giờ, nhưng vì sự nài nỉ của Thầy Isidôro, toàn thể cộng đồng đã được gọi đến.

Thầy Isidôrô khiêm nhượng xin mọi người tha thứ những lầm lỗi Thầy có thể đã lỗi phạm và hứa sẽ cầu nguyện cho mỗi người khi mình về thiên đàng. Đang khi tựa đầu vào cánh tay Cha Bề trên, Thầy đã êm ái trút hơi thở cuối cùng để ra đi lãnh phần thưởng Chúa ban. Hai ngày sau, nhà dòng đã âm thầm an táng Thầy.

Con số những người đến thăm mộ và xin Thầy cầu nguyện cho ngày càng gia tăng. Trong một thời gian ngắn, nhiều người cầu xin những ơn hồn xác và đã được nhận lời. Chẳng bao lâu, danh tiếng Thầy vượt ra ngoài nước Bỉ, người ta bắt đầu tuôn đến từ các nước tại Âu châu. Việc điều tra của giáo phận đã bắt đầu năm 1950. Hai năm sau, án phong thánh đã được chuyển về Rôma. Đến ngày 30 tháng 9 năm 1984, Thầy Isidôrô Giuse được Đức Gioan Phaolô II nâng lên bậc Chân phước.

Chân Phước Micae Rua, S.D.B.

Cánh tay phải của Cha Thánh Don Bosco.

(1837 – 1910)

Trong khi các Cha dòng Sa-lê-diêng chạy ngược chạy xuôi để tìm Cha Don Bosco, vị thủ lĩnh của Dòng, thì người cộng tác tín nhiệm của Ngài, Cha Micae Rua, lúc đó mới 31 tuổi, đang quần quai trong cơn hấp hối.

Là một trong những học sinh đầu tiên gia nhập dòng mới của Cha Bosco, Micae Rua là một vị giám thị, một viên quản lý, và là người "làm mọi việc" được chỉ định với lòng hăng hái và vui vẻ. Nhưng giờ đây, bác sĩ đã khám phá ra ngài đang mắc chứng bệnh ung thư dạ dày, và quả quyết rằng không thể làm gì hơn được nữa. Cha Angelo Savio đã đem dầu thánh đến phòng bệnh nhân, chờ Vị sáng lập đến để cử hành các bí tích sau hết.

Cuối cùng Cha Bosco đã trở về. Các Cha liền xin ngài đến thăm Cha Rua. Nhưng thay vì đến thăm người anh em đang hấp hối, ngài liền bắt tay vào chương trình thường nhật cho đến sau bữa ăn tối. Khi ngài bước vào phòng bệnh nhân, Cha Rua đau đớn thều thào:

– Nếu đây là giờ phút sau cùng của con, thì xin Cha hãy nói – con sẵn sàng đón nhận bất cứ điều gì!

Cha Bosco ôn tồn trấn an vị linh mục trẻ:

– Micae yêu dấu của Cha, Cha không muốn con chết. Còn rất nhiều việc con phải giúp Cha.

Sau đó ngài chúc cho Cha Rua được ngủ ngon.

Sáng hôm sau, bác sĩ cố gắng để giải thích cho Cha Bosco hiểu bệnh tình trầm trọng của bệnh nhân, Cha Bosco đáp lại:

– Dù bệnh tình có trầm trọng đến đâu cũng không sao, Cha Micae phải phục hồi vì ngài còn nhiều việc phải làm.

Thấy những bình dầu thánh, ngài hỏi xem ai đã đem đến. Khi Cha Savio thưa là mình đã đem đến, thánh nhân liền nói:

– Thật là người kém tin.

Rồi ngài cúi xuống và nói nhỏ cho "Michelino" (Micae bé nhỏ) của ngài rằng:

– Đừng sợ. Ngay cả nếu Cha có ném con ra ngoài cửa sổ lúc này, con cũng sẽ không chết đâu!

Ngài mỉm cười, và vị linh mục trẻ đang yếu bệnh cũng mỉm cười đáp lại như là họ đã chia sẻ một điều nói đùa bí mật.

Quả thật, Cha Micae Rua còn quá nhiều việc phải làm nên ngài chưa thể chết được. Là "cánh tay phải" của Cha Bosco, trên vai ngài phải gánh vác rất nhiều trách nhiệm mà ngài cảm thấy mình có bổn phận phải làm để cộng tác với Vị sáng lập. Mặc dầu với vóc người mảnh khảnh, vị linh mục này đã tiếp tục thi hành nhiều bổn phận, và sau khi Cha Don Bosco từ trần, ngài đã hướng dẫn các Cha, các Thầy dòng Sa-lê-diêng cho đến khi ngài qua đời năm 1910, thọ 73 tuổi. Trong bài giảng phong chân phước cho ngài, Đức Thánh Cha đã tán dương Cha Micae Rua là "một vị linh mục mảnh khảnh hao mòn kiệt sức, một mẫu gương cho sự hiền hậu và tốt lành, luôn chu toàn bổn phận và một đời hy sinh".

Micae sinh tại thành Turin năm 1837, con của một công nhân. Đến năm lên 7, ngài đã gặp Cha Bosco, lúc đó là một vị linh mục mới có 30 tuổi, và Micae đã nhập trường của Cha Bosco. Thân phụ của Micae vừa mới từ trần, và lòng cảm mến đối với Cha thánh đã giúp em cảm thấy bớt trống rỗng vì cái chết của thân phụ. Đối với Micae, Cha Bosco đã trở nên người cha thứ hai.

Vì công việc của ngài, Cha Bosco đã có một vài kẻ thù. Một ngày nọ có người bảo Micae phải tránh xa khỏi ngài. Trong khi vỗ vào đầu Micae, người ấy nói:

– Ông ấy bị bệnh nặng tới đây này.

Micae đã rơi lệ khi nghĩ rằng bạn ngài đang bị bệnh. Nhưng đến Chúa nhật

sau đó, khi thấy Cha Bosco vẫn vui vẻ như thường ngày, Micae cảm thấy bớt lo lắng. Bài học vu oan này khiến ngài nhớ suốt đời. Về sau, Micae luôn cố gắng để tìm sự thật mỗi khi ngài nghe được bất cứ tiếng đồn nào. Dù vậy, những vu oan giá hoạ đó vẫn là thánh giá làm ngài đau khổ nhiều.

Đến năm 10 tuổi, sau khi học xong trường các Sư Huynh, Micae định tìm việc trong xưởng công binh. Khi biết ý định của em, Cha Bosco đã cho tiền học phí để em có thể tiếp tục học, nhờ vậy Micae có thể tiếp tục học hành. Về mặt học vấn, em đã đứng đầu lớp trong cả 2 trường tư em theo học.

Năm 1853, Micae gia nhập chủng viện, và trở nên cánh tay phải của Cha Bosco. Micae được trao phó trách nhiệm giúp cho các học sinh tuân giữ kỷ luật. Cũng như Vị sáng lập, Micae Rua tỏ ra luôn kiên nhẫn và thông cảm. Cha Bosco cũng trao cho Micae trách nhiệm thanh toán các hoá đơn, trong khi ngài đi quyên tiền. Thêm vào những bổn phận này, Cha Bosco xin Micae chép lại quyển sách Lịch sử Nước Ý của ngài. Trong gần hai tháng trời, tất cả các thì giờ rảnh rỗi của Thầy đều được dành cho công việc này.

Trong khi bận bịu thi hành tất cả các bổn phận đó, thầy chủng sinh trẻ này còn phải tiếp tục chương trình học vấn để lãnh chức linh mục. Thầy đạt được điểm tối hảo bằng cách thức dậy lúc 4 giờ sáng và đi nghỉ sau 12 giờ đêm. Chính đây là một phép lạ nhỏ – một người với thân thể mỏng manh, một người chưa bao giờ có một sức khoẻ cường tráng; thêm vào đó, lúc Micae mới được 16 tuổi, thì 7 người trong gia đình Thầy đã được Chúa gọi về. Dù vậy, Thầy vẫn theo đuổi một đời sống thật nghiêm nhặt.

Ngày 25 tháng 3 năm 1855, Micae trở nên một trong những người đầu tiên theo Cha Bosco được tuyên khấn trong tu hội Sa-lê-diêng. Thầy được lãnh chức linh mục ngày 28 tháng 7 năm 1860. Cha Bosco đã viết lời tiên tri sau đây và để trên bàn của Cha Micae trong ngày ngài chịu chức Linh Mục: "... Cha sẽ thấy rõ hơn tôi, tu hội Sa-lê-diêng sẽ vượt quá ranh giới nước Ý và sẽ được thiết lập ở nhiều quốc gia trên thế giới...". Qua công việc của Cha Rua, tu hội đã bành trướng đến những chân trời xa xôi. Một trong các nhà viết tiểu sử đời ngài đã có nhận xét: "Lòng nhiệt thành đối với công việc truyền giáo của ngài thật khôn tả".

Một năm sau khi lãnh chức linh mục, Cha Rua được chỉ định trông coi trường Sa-lê-diêng đầu tiên được thiết lập tại Mirabello. Mặc dù khi mới đến, Cha đã

gặp phải nhiều khó khăn trong vấn đề tài chánh, nhưng Cha Rua đã có thể vượt thắng tất cả. Đến năm 1884, Cha được gọi trở về Rôma và được chỉ định làm tổng phụ tá dòng.

Đến năm 1888, ngài đã có mặt lúc Vị sáng lập và cũng là "người cha thứ hai" của ngài tạ thế. Khi Cha Thánh Don Bosco vừa qua đời, Cha Rua đã vuốt mắt thánh nhân và thì thầm:

– Chúng con vừa mất đi người cha trên dương thế, nhưng từ nay chúng con lại có được một Đấng bảo trợ trên thiên đàng.

Cha Rua cũng cố tu hội trẻ lúc ấy có khoảng 700 tu sĩ. Ngài chỉ thị cho họ phải "trung tín dõ theo phương pháp Cha Don Bosco đã áp dụng và đã truyền dạy".

Được thừa hưởng sức mạnh và lòng yêu mến đối với việc truyền giáo của Cha Bosco, Cha Rua đã lập những tu viện mới tại 8 quốc gia. Ngài sai các nhà truyền giáo ra đi với những lời chỉ dẫn tuyệt hảo, và nhấn mạnh đến sự tôn trọng các phong tục địa phương. Ngài khuyên các tu sĩ Sa-lê-diêng này hãy mặc lấy lối sống của những dân tộc họ đến rao giảng. "Về một số các phong tục man rợ này, cố gắng đừng khinh chê, nhưng theo gương Giáo Hội sơ khai giữa các dân ngoại, hãy cố gắng thánh hoá những phong tục đó, miễn là đừng để nó làm tổn hại đến linh hồn và thân xác". Cha Miace đã đủ can đảm để chấp nhận phần nào cả những tư tưởng khác thường một khi ngài nghĩ rằng nó có phần trong chương trình của Thiên Chúa, Cha đã ủng hộ chương trình thiết lập dòng tu cho các phụ nữ bị bệnh cùi. Ngài nói với vị linh mục có sáng kiến đó:

– Tu hội của Cha là một điều tốt lành, nó phải được tiếp tục và phát triển.

Sự quan tâm và để ý đến mỗi một phần tử Dòng là một dấu chứng nói lên tấm lòng hiền phụ của ngài. Ngài quan tâm đến mọi vấn đề, dù những vấn đề xem ra không mấy quan trọng.

Thánh giá và hy sinh cũng đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của người kế vị Cha Bosco. Lụt lội, động đất và nhiều thiên tai khác hoành hành các xứ truyền giáo. Sự đàn áp các dòng tu trong một vài quốc gia, cũng như sự quấy nhiễu của các nhà chính trị tại một số quốc gia khác đã làm ngài thật

đau buồn. Trong số đó, nỗi buồn lớn hơn cả là những vụ cáo đối với trường Sa-lê-diêng ở gần Genoa. Khi nghe những điều thuật lại này, Cha Rua đã buồn đến rơi lệ. Dù rằng đó chỉ là những điều vu oan, nhưng việc tố tụng này đã làm cho ngài phải đau khổ nhiều.

Ngày 15 tháng 2 năm 1910, Cha Micae Rua đã kiệt lực sau nhiều năm làm việc. Sau cơn bệnh kéo dài gần 2 tháng, Cha Micae Rua đã được Chúa gọi về cách an bình ngày 6 tháng 4.

Dâng hiến trót cả cuộc đời cho công việc giáo dục Kitô giáo là đặc điểm của cuộc đời Cha Micae Rua.

Cuộc đời Ngài phản ánh một tình yêu không giới hạn cho các trẻ em, đặc biệt là những trẻ em nghèo, mồ côi và những trẻ em bị bỏ rơi ngoài đường phố.

Công việc tiến hành xin phong chân phước của giáo phận cho Cha Micae Rua hoàn thành vào năm 1934. Theo thông thường, lễ nghi phong chân phước được ủy cho một vị Hồng Y; nhưng chính Đức Thánh Cha Phaolô VI đã chủ tọa trong lễ nghi phong chân phước cho Cha Micae Rua. Đây là lần thứ hai Đức Thánh Cha Phaolô VI chủ tọa lễ nghi phong chân phước. Lễ nghi được cử hành ngày 29 tháng 10 năm 1973. Trong bài giảng, Đức Thánh Cha đột nhiên ngừng và hỏi mọi người: "Ta đã tuyên bố Cha Micae Rua là chân phước. Các con có mừng không?" Đại thánh đường vang dậy niềm phấn khởi và hân hoan tán thành. Tiếp tục bài giảng, ngài nói: "Những hoa quả lạ lùng của gia đình Sa-lê-diêng... được bắt nguồn từ Cha Bosco, và được tiếp nối bởi Cha Micae Rua. Ngài là người trung tín nhất, do đó khiêm nhường nhất, và đồng thời cũng là người can đảm gan dạ nhất trong những người con của Cha Don Bosco".

Đấng Đáng Kính Carôlô Đệ Foucauld

"Từ giây phút tôi nhận biết Thiên Chúa hiện hữu, tôi liền hiểu là tôi không thể làm gì khác hơn là sống cho duy một mình Ngài".

(1858 – 1916)

Lúc còn ở tuổi niên thiếu, điều làm cho Công tước Carôlô đệ Foucauld cảm thấy vui hơn cả chính là khi có thể làm cho mọi người chung quanh phải kích động sùng sốt. Chàng đã tìm mọi cách để làm mọi người phải kinh ngạc, nhất là vì cách xài tiền phung phí và vì tính ngang tàng của chàng. Mẹ chàng đã để lại cho chàng một gia tài kếch xù, nhờ đó chàng muốn gì được nấy. Chàng rất thích đàn bà, và thường dùng tiền để mua vui với họ. Không ai có thể ngờ rằng, một ngày kia người con trai hoang đàng này đã sẵn sàng bỏ tất cả mọi vui thú trần gian vì lòng yêu mến Thiên Chúa. Những người đương thời đều không thể tin là chàng đã bị lôi cuốn để hiến dâng đời mình phụng sự Thiên Chúa trên rừng vắng như các vị tu hành trong sa mạc thời Giáo Hội Sơ khai.

Từ lúc sáu tuổi, Carôlô đã mồ côi cha mẹ, hai chị em đã được ông nội nuôi nấng. Lúc được 15 tuổi, mấy tháng sau khi rước lễ lần đầu, Carôlô đã sống như người vô tín ngưỡng. Ở trường học, chàng quá lười đến nỗi đã bị đuổi. Đến sau, chàng chịu khó chăm chỉ học hành trong vài tháng để được nhận vào trường võ bị Saint-Cyr. Nhưng khi được nhận, chàng lại ăn chơi quá đỗi đến nỗi khi tới ngày nhập trường, chàng mập đến nỗi không thể tìm được bộ quân phục nào mặc cho vừa. Sau này, Carôlô đã tóm tắt cuộc sống của chàng vào thời gian này trong 4 điều: "Tự kiêu, phù hoa, khô đạo, và làm điều tội lỗi".

Ông nội chàng chết vào năm 1878. Lòng thương nhớ ông tạm thời đã cản ngăn chàng tiếp tục lối sống trụy lạc, nhưng cũng từ ngày ông chết, chàng bắt đầu thực sự "sống". Được thừa hưởng gia tài của ông, chàng bắt đầu dùng tiền để đổi lấy một lối sống phóng dăng. Đến năm 1880, đội lính của chàng được chuyển sang An-giê-ri. Trong chuyến đi này, Carôlô đã đem theo một trong số những cô tình nhân của chàng. Tại An-giê-ri, chàng sống một cuộc đời thật phóng dăng, đến nỗi chàng đã bị đuổi ra khỏi quân đội. Nhưng không bao lâu sau, một cuộc nổi loạn đã bùng lên, chàng đã tình nguyện nhập ngũ và

đã được nhận lại.

Sau 8 tháng chiến đấu một cách anh dũng, chàng đã giải ngũ. Cả một năm sau đó, chàng du lịch tới nước Ma-rốc, tìm hiểu và ghi lại những gì đã góp nhặt được. Nhờ những tài liệu này, chàng đã viết được hai cuốn sách. Đến năm 1885, do hai cuốn sách này, chàng đã đoạt được giải huy chương vàng do Hội Địa Lý Pháp.

Khi về Pháp, Carôlô lại trở lại với nếp sống trác táng cũ. Nhưng cũng trong thời gian này, một người đã bước vào cuộc đời chàng và đã khiến Carôlô phải đổi đời. Tại Balê, Carôlô đã gặp lại một người chị họ lớn hơn chàng 8 tuổi, chị Maria Bondy. Người chị đạo đức này đã từ từ thuyết phục được chàng từ bỏ lối sống cũ.

Vì lòng đạo đức cũng như trí thông minh của người chị họ này, Carôlô bắt đầu đặt lại nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo, vấn đề mà xưa nay chàng vẫn coi chỉ là một chuyện huyền thoại. Chàng bắt đầu đi nhà thờ và cầu nguyện xin Thiên Chúa ban cho chàng được hiểu biết Ngài. Sau cùng, ơn thánh Chúa đã toàn thắng và Carôlô đã trở về lãnh nhận các Bí tích.

Từ ngày Carôlô tìm lại được Thiên Chúa, tôn giáo đã trở nên rất quan trọng đối với chàng. Và từ đó, mỗi ngày chàng mỗi yêu mến Chúa Kitô hơn. Nhắc lại cuộc trở lại của mình, Carôlô nói:

– Từ giây phút tôi nhận biết Thiên Chúa hiện hữu, tôi liền hiểu là tôi không thể làm gì khác hơn là sống cho duy một mình Ngài.

Phương thế chị Maria Bondy dùng để giúp Carôlô trở lại với Thiên Chúa là làm cho chàng cảm thấy mình được yêu mến. Quan niệm đó đã có một ảnh hưởng rất lớn trong cuộc đời của Carôlô. Từ đó, giữa Carôlô và người chị họ này đã phát sinh một tình bạn thiêng liêng. Hơn nữa, vì chị Maria không bao giờ nặng lời với chàng, nhưng chị đã dùng gương sáng để thuyết phục chàng, nên sau này Carôlô đã có ý tưởng muốn lập nên một tu hội làm việc tông đồ không phải bằng việc rao giảng, nhưng bằng gương sáng.

Trước khi trở về Pháp, Carôlô đã đính hôn với con gái của một nhà địa học ở An-giê-ri. Khi đính hôn với Carôlô, chị đã theo đạo Công Giáo; nhưng sau khi bị từ hôn, vì quá buồn nên chị đã bỏ đạo. Carôlô đã tình cờ gặp lại chị

trên đường phố An-giê-ri vào năm 1913. Lúc này chị đã có gia đình, và Carôlô lúc ấy đã là một linh mục. Trong cuộc gặp gỡ này, chị đã cho Cha Carôlô biết là mình đã bỏ đạo. Vì cảm thấy việc chị lìa bỏ Giáo Hội là lỗi của mình, Carôlô đã cầu nguyện cho chị, và sau này chị đã trở về với Đức tin Công Giáo. Mười năm sau khi Carôlô qua đời, trong cuộc điều tra phong thánh cho Cha Carôlô, dù lúc này đã 65 tuổi, bà đã thú thực: "Suốt đời tôi, tôi nhung nhớ Ngài, tôi yêu mến Ngài và tôi sẽ yêu mến Ngài cho đến ngày tôi lìa đời".

Sau khi trở về với các bí tích, Carôlô đã vào dòng khổ tu. Mặc dù sống một đời gương mẫu, Thầy từ từ cảm thấy đây không phải là nơi Chúa gọi mình. Và mặc dù vị linh hướng khuyên Thầy ở lại, Carôlô cảm thấy Thánh Ý Chúa muốn cho Thầy ở nơi khác. Tuy nhiên, Thầy trao sự quyết định trong tay các Bề trên. Đến cuối tháng Giêng năm 1897, mấy ngày trước khi Thầy khấn trọn đời, Cha Bề trên Dòng đã khuyên Thầy Carôlô nên rời khỏi dòng để theo sát Chúa Kitô hơn trong sự khiêm hèn và nghèo khó. Sau đó, Carôlô đã đến Đất Thánh, và tại đây Carôlô đã giúp việc cho các Sơ dòng Thánh Clara Nghèo. Ngài không nói chuyện với một ai trừ khi có việc phải nói; ngài thường nằm ngủ trên đất ở ngoài trời, và ăn uống rất thanh đạm. Công việc thường ngày của ngài là làm vườn và các việc lặt vặt trong tu viện. Sơ Bề trên là người duy nhất biết ngài là ai.

Không lâu sau, giọng nói và tư cách của người giúp việc này đã kéo được sự chú ý của nhiều người. Sau cùng, một người trong làng đã vặn hỏi xem Carôlô có phải là một bá tước không, thay vì trả lời, Carôlô đã vui vẻ đáp lại:

– Tôi chỉ là một ông lính già thôi.

Vì nghĩ rằng Ngài sẽ phụng sự Chúa cách đặc lực hơn trong chức linh mục, Mẹ Bề trên Dòng Clara đã khôn ngoan khuyên Ngài nên làm linh mục. Mặc dầu hơn bao giờ hết, Ngài muốn sống một cuộc đời nghèo khó, ần dật không ai biết đến. Nhưng sau cùng Ngài đã nghe theo lời khuyên của Cha giải tội và Mẹ Bề trên để làm linh mục. Ngài đã chịu chức linh mục năm 1901. Sau mấy tháng, Cha đã vào ần tu trong sa mạc tại An-giê-ri.

Chính tại đây, Cha Carôlô đã nhận ra rằng, cả những người Hồi giáo cũng như những người thờ thần tượng tại Phi Châu đều chưa sẵn sàng để trở lại đạo, lý do là vì họ còn quá lạc hậu và vì họ có những thành kiến không tốt

với Công Giáo. Vì vậy, Cha đã nghĩ rằng mình phải dùng chính cuộc sống để nêu gương cho họ. Chính những gương sáng này về sau đã là động lực khiến nhiều người nhận biết Thiên Chúa.

Cũng trong thời gian này, Anh Carôlô của Chúa Giêsu – đó là danh từ ngài thích mọi người gọi mình – đã nghĩ đến việc viết luật cho hai dòng tu. Mẫu gương cho các phần tử của hai dòng này chính là cuộc sống của Chúa Giêsu tại Nazarét. Họ sẽ sống giữa những người nghèo, chia sẻ những gì họ có, và làm việc hằng ngày để sinh sống. Họ sẽ truyền rao Thiên Chúa bằng chính đời sống gương mẫu của họ.

Dù vậy, khi ngài còn sống, cả sứ mạng tông đồ và công việc lập dòng mới đều đã không sinh kết quả nào đáng kể. Qua suốt mười năm sống trong sa mạc, ngài không làm được cho một người nào trở lại đạo, dù rằng những người bản xứ đều kính phục ngài và coi ngài như một vị thánh. Chương trình lập dòng mới lúc đầu đã thất bại. Chỉ có một người theo ngài, nhưng không lâu sau đã bỏ cuộc.

Năm 1916, trong khi sống giữa vùng Tuaregs, Cha Carôlô de Foucauld đã bị giết. Vào buổi chiều ngày 1 tháng 12 năm 1916, trong khi đang cầu nguyện trước Thánh Thể, Cha Carôlô nghe thấy một tiếng rất quen gọi Ngài ra khỏi nhà. Khi ra đến ngoài, Cha thấy một bọn phản loạn đang đứng chờ bên ngoài để bắt Ngài. Cha biết ngay là mình đã bị phản bội. Trong khi lục lọi căn nhà, họ để lại một thanh niên 15 tuổi canh giữ Ngài. Lúc đó, vì thấy có hai người lính Ả-rập tiến đến gần, Ngài liền ra hiệu cho họ bỏ đi chỗ khác. Hành động của Cha đã làm cho chàng thanh niên canh giữ Ngài hoảng sợ và hắn đã giơ súng bắn Ngài. Viên đạn đã vào óc Cha và Cha chết ngay tại chỗ. Ba tuần sau, người ta đã tìm thấy mặt nhật và Minh Thánh mà Cha Carôlô tôn thờ trước khi Ngài chết đang nằm trên cát.

Cuộc đời Cha Carôlô đã được ví như hạt giống trong Phúc Âm, hạt giống này phải mục nát đi trước khi trở sinh hoa trái tốt tươi. Chỉ hai mươi năm sau ngày Cha Carôlô qua đời, tinh thần của Cha đã được phục sinh qua sự xuất hiện của ba dòng tu trong Giáo Hội: Dòng Tiểu Đệ Chúa Giêsu, Dòng Tiểu Muội Chúa Giêsu, và Dòng Tiểu Muội Thánh Tâm. Phần tử của cả ba Dòng trên cũng đã dùng gương sáng trong cuộc sống hằng ngày để truyền rao Nước Chúa. Về sau, còn có thêm hai Dòng nữa cũng bắt nguồn từ tinh thần của Cha. Sau cùng, chương trình thành lập những hội dòng tông đồ của Cha

Carôlô đã được thực hiện.

Để hiểu hơn về tinh thần của Cha Carôlô, sau đây là vài nét về Dòng Tiểu Đệ Chúa Giêsu, cũng là những nét chính của cả năm hội dòng. Các Tiểu Đệ đã thi hành việc tông đồ bằng sự hiện diện giữa dân nghèo, thay vì bằng lời rao giảng. Họ làm chứng cho Chúa Kitô bằng hành động thay vì bằng lời nói. Đối với các Tiểu Đệ, không gì quan trọng hơn việc cầu nguyện. Họ không nhận các chức lãnh đạo trong xã hội, nhưng tụ tập lại để chia sẻ đời sống cầu nguyện. Sứ mạng của các Tiểu Đệ là trở nên một người bạn và chia sẻ tình bạn của Chúa Kitô cho mọi người. Ngoại trừ một phù hiệu, quần áo và nhà cửa của các Tiểu Đệ hoàn toàn giống như những người dân họ cùng chung sống. Họ chấp nhận một đời sống nghèo khó và không có gì bảo đảm. Thật hơn bao giờ hết, Kitô giáo cần đời sống chứng nhân của họ, nhất là tại giữa những người dân nghèo.

Các Tiểu Muội cũng có đời sống tương tự như vậy. Họ sống đời chiêm niệm giữa thế giới.

Danh tiếng Cha Carôlô de Foucauld ngày nay đã lan tràn khắp Giáo Hội. Sau cuộc điều tra Sơ khởi, Ngài đã được nâng lên Bậc Đáng Kính ngày 13 tháng 4 năm 1978.

Thánh Nữ Maria Soledad Torres Acosta, S.M.

Vị sáng lập Dòng "Các Tớ Nữ của Đức Mẹ".

(1826 – 1887)

Vào một ngày xuân đẹp trời năm 1851, Cha Micae Martinez và vài người bạn cùng đi bách bộ trên đường phố. Trong câu chuyện, một người đã chia sẻ cảm tưởng của mình khi thấy các Sơ thuộc Tu hội Nữ Tử Bác Ái Thánh Vinhson Phaolô, hiện đang coi sóc bệnh viện của thành phố, đã không thể phá lệ một lần để chấp nhận cho một nữ tu y tá đến nhà ông thống đốc để săn sóc cho con gái của ông. Không ai có thể ngờ được, câu nói đó đã trở thành hạt giống nảy sinh một tu hội mới: Dòng Nữ Tớ Đức Mẹ.

Cha Micae, lúc đó đang làm Cha xứ của một họ đạo ở ngoại ô thành phố Madrid, Tây Ban Nha, từ lâu đã nhận thấy một số bệnh nhân nghèo không được ai chăm sóc, vì không có tiền để vào bệnh viện. Ngài liền nảy ra một ý tưởng là sẽ thành lập một tu hội với mục đích đến nhà các bệnh nhân để săn sóc cho họ. Nếu bệnh nhân không có tiền, thì Chúa sẽ liệu.

Ngay sau đó, Cha Micae đã lo liệu để xin những phép cần thiết, và bắt đầu tuyển mộ một số thiếu nữ để thực hiện mục đích của tu hội. Thêm vào đó, vì ngài có lòng sùng kính đặc biệt đối với Đức Mẹ Bảy Niềm Đau, ngài muốn bắt đầu bằng bảy người "tôi tớ" của Đức Mẹ. Người thứ bảy được Cha tuyển mộ là chị Vibiana Torres. Nhưng vì thân hình chị quá mảnh khảnh yếu đuối, nên lúc đầu Cha đã ngần ngại không muốn nhận.

Vibiana sinh ngày 02 tháng 12 năm 1826, là người con thứ hai trong 5 người con của một người sản xuất sữa. Gia đình Vibiana sống trong một khu phố nghèo, tuy gia đình không đến nỗi nghèo lắm. Ngày từ tuổi ấu thơ, Vibiana đã cảm thông nỗi thống khổ của những người nghèo bệnh hoạn, không được chữa trị trong các bệnh viện vì không có tiền.

Dù là một cô bé tinh nghịch, nhưng Vibiana đã sớm được bà hiền mẫu dạy cho có một lòng yêu mến đặc biệt đối với Thiên Chúa và Đức Mẹ. Với lòng yêu mến đó, Vibiana rất thích tụ tập các trẻ em trong xóm làng và tổ chức những cuộc rước tôn kính Đức Mẹ. Sau này, những khi có thể, Vibiana

thường đến thăm những người yếu bệnh trong làng xóm, và thực hiện nhiều việc hãm mình nhỏ bé để cầu cho các linh hồn. Trước mắt mọi người, Vibiana chỉ là một thiếu nữ tầm thường, rất ít người đoán được chiều sâu của đời sống thiêng liêng của cô. Tuy nhiên, nhiều người cũng đã đoán sau này Vibiana sẽ trở thành một nữ tu.

Theo tính tự nhiên, Vibiana dễ thân thiện và rất thích hoạt động, nhưng tận thâm tâm cô vẫn âm thầm ước mong được sống đời chiêm niệm. Dù vậy, Vibiana đã làm cho các bạn phải ngỡ ngàng khi cô xin nhập Dòng Đaminh. Vibiana được nhận vào tu, nhưng vì chỗ trong tu viện có hạn, nên phải chờ cho đến khi có chỗ. mấy tháng trời qua đi trong chờ đợi nhưng vẫn chưa được trả lời, Vibiana bắt đầu cầu nguyện để xin Chúa cho biết Thánh Ý Người: nếu Chúa để sự chậm trễ là có ý thử đức kiên nhẫn, thì cô sẵn sàng đón nhận; nhưng nếu Chúa có ý định khác về cô, thì xin Chúa tỏ cho biết.

Không lâu sau, Vibiana được nghe biết về chương trình của Cha Micae. Lúc này vì nhận thấy hy vọng được vào Dòng Đaminh thật mong manh, nên cô đã nghĩ phải chăng tu hội mới này chính là lý tưởng Thiên Chúa muốn cho mình ôm ấp theo đuổi. Cho dù Vibiana vẫn ước mong được sống đời chiêm niệm, cô cho rằng mình có thể biến phòng bệnh lúc về đêm, trong khi mọi người đang ngủ, thành một hàng rào nội vi cho mình. Thêm vào đó, cô sẽ có cơ hội để tích cực phục vụ Chúa trong các chi thể yếu đau của Người.

Vibiana đã xin gặp Cha Micae, và Cha đã sớm nhận ra tâm hồn chân thành cũng như lòng đạo hạnh của cô, nhưng đồng thời ngài cũng thấy áy náy vì vóc dáng mảnh khảnh yếu đuối của cô; không biết rồi đây cô có kham nổi những khó khăn khổ cực trong khi làm việc tông đồ giúp đỡ các bệnh nhân hay không. Nhưng cuối cùng ngài cũng nhận Vibiana. Cả Cha Micae và Vibiana đã không thể ngờ được rằng, trong số những người tiên khởi, chỉ có Vibiana đứng vững sau những khó khăn khổ cực trong thời gian đầu của tu hội.

Thế là ngày Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, 15 tháng 8 năm 1851, Vibiana, lúc ấy 25 tuổi, cùng với 6 người khác đã long trọng tuyên khấn ba lời khuyện Phúc Âm Khiết tịnh, Khó nghèo, và Tuân phục, nhận áo Dòng, và được đổi tên mới. Vibiana được đổi tên là Sơ Maria Soledad.

Với tất cả lòng hăng hái, Sơ Soledad bắt đầu phụng sự Thiên Chúa qua những

chi thể yếu đau của Chúa. Chị Nữ tu này đã đến từng nhà bệnh nhân để săn sóc họ, dù người đó ở trong biệt thự sang trọng hay túp lều nghèo nàn. Lúc nào cũng thế, Sơ luôn cố gắng đem tình thương của Chúa và khả năng y tá của mình để săn sóc các bệnh nhân. Vì là con người, nên trong những ngày đầu, Sơ đã phải kinh hãi trước những triệu chứng của một số tật bệnh. Thêm vào đó, nhiều lần Sơ đã phải run sợ khi đứng trước một xác chết. Nhưng sau này, nhiều lần chính Sơ đã nói chuyện với các tập sinh khi họ phải đối diện với nỗi lo sợ này; Sơ an ủi họ bằng cách cho họ biết điều sợ hãi đó là tự nhiên đối với mọi người. Nhờ sự tự chủ can trường, Sơ đã thắng vượt những mối lo sợ và kinh hãi đó.

Không bao lâu sau, tu hội mới bắt đầu gặp rất nhiều khó khăn. Bà Bê trên tiên khởi bỏ Dòng; không những thế, bà còn muốn phá đổ mọi công việc của Dòng. Đồng thời nhà Dòng lại rất nghèo. Nhiều ngày, bữa tối các Sơ chỉ có canh tỏi và bánh mì. Đến năm 1856, một cuộc cách mạng đã bùng lên ở Tây Ban Nha, và ông thống đốc thành Madrid đã ra lệnh cho các Sơ phải mặc thường phục. Với lệnh đó ông có ý muốn giải tán Dòng. Nhưng không lâu sau, chính ông đã mắc bệnh dịch tả. Trong dịp đó, ông đã xin một nữ tu của hội Dòng đến săn sóc cho mình. Sau khi chứng kiến tấm lòng bác ái quên mình của các Sơ, ông đã rút lại lệnh bắt các Sơ mặc thường phục.

Cũng trong năm 1856, vì Cha Micae tin rằng ngài được soi sáng để đi truyền giáo, nên ngài đã quyết định ra đi. Sơ Soledad đã xin Cha để được vào số những Sơ được theo phụ giúp Cha. Nhưng ngài đã từ chối và nói:

– Soledad, Sơ hãy ở lại, vì nếu Sơ đi, Dòng sẽ bị tan rã.

Và ngài đã đặt Sơ vào chức vụ Bê trên Tổng quyền của Dòng.

Mẹ Soledad đã vượt qua được nhiều gian nan thử thách nhờ sự kiên trì trong đức ái, đức khiêm nhu và sự lãnh đạo khôn ngoan khéo léo. Đời sống trong Dòng lúc đó rất nghèo khó, nhưng Mẹ vẫn thường nói với các Sơ:

– Đừng băn khoăn về căn nhà dưới đất này, trong khi chúng ta có một ngôi nhà tốt đẹp trên Thiên đàng. Chúng ta nghèo, nhưng hãy để đức ái thúc bách chúng ta. Chúng ta phải chia sẻ những của Thiên Chúa ban với những người nghèo khổ của Người.

Mẹ Soledad đã dùng nhiều giờ trong ngày để xin Chúa ban thêm nhiều ơn gọi mới cho Dòng. Mẹ đã nguyện xin với Chúa, "Xin Chúa ban cho con thêm nhiều người tôi tớ hăng hái, để họ trở nên những vị tông đồ chăm sóc những người yếu đau". Đối với chị em, Mẹ thường khích lệ họ về ý nghĩa của các việc tông đồ mà họ đang thực hiện: "Các con hãy làm việc với nguyện vọng làm vinh danh Thiên Chúa và đem ơn cứu rỗi đến cho các linh hồn".

Lúc này, danh hiệu của Mẹ Soledad là "Mẹ Giám đốc", nhưng có lẽ nếu gọi là người tôi tớ thì đúng hơn. Mẹ đã làm mọi công tác như các chị em trong Dòng, không tìm một địa vị cao trọng trong bất cứ công việc gì. Hằng tuần, các Sơ ra bờ sông để giặt quần áo. Sau này, các Sơ đã thuyết phục được Mẹ Soledad đừng đi giặt với các Sơ nữa, vì việc này không thích hợp với một người lãnh đạo của Dòng. Để thay thế, Mẹ đã âm thầm ở nhà, lượm củi và nấu bữa chiều cho chị em.

Tu hội mới này đã trải qua quá nhiều khó khăn, đến nỗi vị linh hướng đã ngần ngại không muốn giúp các Chị viết bản luật dòng, vì sợ rằng không bao lâu tu hội sẽ tan. Sau khi cầu nguyện để biết Thánh Ý Chúa, trong một thị kiến, Cha đã bị khiển trách vì sự do dự vô căn cứ. Thế là Mẹ Soledad đã được diễm phúc để sống tới ngày thấy Dòng được Giáo hội chính thức châu phê hiến pháp vào năm 1876.

Ngay từ đầu, Mẹ Soledad đã đặt hội dòng dưới sự che chở của Đức Mẹ là sức khỏe các bệnh nhân. Con cái thiêng liêng của Mẹ ngày nay vẫn còn tuân giữ truyền thống tốt đẹp đó.

Hội dòng đã phát triển và đứng vững suốt thời kỳ bệnh dịch hoành hành và trong cuộc cách mạng. Mới đầu, các tu viện đã từ từ được thành lập ở Tây Ban Nha. Đến năm 1875, nhóm nữ tu đầu tiên đã vượt biển sang hoạt động tông đồ ở Cuba. Hiện nay, Dòng Tôi Tớ Đức Mẹ đang phục vụ các bệnh nhân tại 21 quốc gia trên thế giới.

Mẹ Soledad đã mắc bệnh phổi năm 1887, và sau đó đã âm thầm qua đời tại Nhà Mẹ sau khi lãnh nhận Bí tích sau hết. Lúc đầu Mẹ được an táng ở nghĩa trang trong phần đất của nhà Dòng. Nhưng ngày 18 tháng 1 năm 1893, xác Mẹ đã được cải táng và đưa về Nhà Mẹ. Các Sơ đã sung sướng khi nhận ra di thể Mẹ vẫn còn nguyên vẹn. Không những thế còn chảy ra máu tươi, và mọi người hiện diện đều được thấy một hương thơm dịu dàng. Nhưng vài năm

sau, xác Mẹ chỉ còn lại có xương.

Mẹ Maria Soledad đã được Đức Thánh Cha Piô XII phong Chân Phước năm 1950, và được Đức Thánh Cha Phaolô VI phong Hiển Thánh năm 1970.

Chân Phước Damianô De Veuster, SS.CC.

Vị Tông đồ và người Cha của bảy con phong cùi.

(1840 – 1889)

Khi Thầy Damianô vượt trùng dương để đến hải đảo Hawaii vào năm 1863, có lẽ Thầy đã không thể ngờ được rằng chính trong miền đất truyền giáo này, sức khỏe và đức tin của Thầy sẽ gặp phải rất nhiều thử thách. Dù vậy, sau nhiều năm chịu đựng biết bao trở ngại và thiếu thốn, Thầy vẫn luôn sẵn sàng thưa tiếng "xin vâng" với tất cả những điều Thiên Chúa muốn thực hiện nơi thầy.

Trong gia đình, ngài được gọi là Jef. Ông thân sinh là một thương gia buôn bán lúa thóc. Jef sinh ngày 3 tháng 1 năm 1840, trong một xóm nhỏ, ngày nay là thành phố Tremeloo, Bỉ quốc. Khi đến tuổi cấp sách đến trường, Jef cũng được theo học như các trẻ em khác, nhưng đến năm 13 tuổi thì cậu phải phụ giúp cha và hai ông anh làm ruộng trong phần đất của gia đình.

Khi Jef được 18 tuổi, cha chàng quyết định cho chàng đi vào ngành buôn bán lúa gạo. Nhưng vì ông bà biết rằng chàng không đủ trình độ học thức, hơn nữa, vì ngành này cần phải biết tiếng Pháp, nên ông bà đã cho Jef vào học nội trú tại trường Walloon. Chính ở đây, lần đầu tiên Jef được ơn thúc đẩy muốn theo ơn gọi tu trì. Nhưng nhiều trở ngại đang đón chờ chàng.

Về vấn đề học vấn, Jef tự biết là mình không thể theo kịp những người cùng tuổi. Thêm vào đó, ba trong tám anh chị em của chàng đã đi tu, nên chàng biết rằng gia đình chàng mong chàng bước vào ngành thương mại để phụ giúp cha. Trong mấy tháng tiếp theo, Jef đã phải gạt ý tưởng đi tu qua một bên. Nhưng sau cùng, Jef đã thưa với cha mẹ, và các ngài đã đồng ý cho chàng bước theo con đường chàng tin rằng đó là Thánh Ý Chúa. Sau đó, chàng được ông anh là Pamphile khuyên nên nhập Dòng Thánh Tâm, nơi Pamphile đang là một tập sinh.

Jef đã xin nhập Dòng Thánh Tâm, và nhờ sự giúp đỡ của anh Pamphile, chàng đã được chấp nhận. Vì không biết tiếng Latinh và cũng không thạo tiếng Pháp, nên Jef chỉ được nhận là một tập sinh để sau này trở thành một sư

huynh thay vì trở thành linh mục như lòng Jef hằng ao ước. Dù vậy Jef không thất vọng. Thầy bắt đầu học tiếng Latinh, Hy Lạp, và triết học. Khi trở thành một phần tử của Dòng, Thầy đã nhận tên mới là Damianô.

Lúc này, không những Thầy Damianô là một thanh niên cường tráng, khỏe mạnh, mà cũng là một con người rất khôi hài. Thầy đã giữ mãi được tính khôi hài này trong trót cuộc đời. Cũng chính vì những đặc tính đó, nên anh em Dòng cũng như các giáo sư đã đặt cho Thầy một mỹ hiệu là: "Le bon gros Damianô" (Anh chàng Damianô to con tốt lành).

Đến năm 1863, nhà Dòng quyết định gửi một số tu sĩ đến Hawaii để giúp việc truyền giáo tại đây. Thầy Pamphile đã được chọn vào số những người được sai đi. Nhưng trước ngày khởi hành, Thầy Pamphile đã bị sốt rét nặng, và đã phải bỏ ý định đi truyền giáo. Thầy Damianô đã đệ đơn xin Bề trên cho phép đi thay anh. Lời thỉnh cầu của Thầy đã được chấp nhận. Thầy liền vội vã về từ già gia đình trước khi bắt đầu cuộc hành trình vượt đại dương kéo dài trong 4 tháng rưỡi.

Tại Hawaii, Thầy Damianô đã theo học tại Đại học Ahumanu, ở Oahu, để hoàn tất chương trình chuẩn bị lãnh chức linh mục. Thầy đã chuyên cần học hành đến nỗi trong 4 năm, Thầy đã hoàn tất một chương trình học đòi phải mất 10 năm mới có thể xong.

Lúc đó, Hawaii chưa phải là một thuộc địa của Hoa Kỳ. Đây chỉ là một lãnh thổ có vua cai trị và cũng là một cánh đồng truyền giáo. Lãnh thổ này gồm có một số đảo, mỗi đảo lại được chia ra nhiều vùng, và mỗi vùng thường có vài linh mục truyền giáo hoạt động. Tám tháng đầu, Cha Damianô phục vụ tại miền Puna. Sau đó Cha được trao phó coi sóc hai vùng Kohala và Mamakue. Miền này rộng lớn đến nỗi ngài phải mất 6 tuần dùng ca-nô và ngựa mới có thể viếng thăm hết một vòng. Cha Damianô đã dùng 8 năm đầu ở Hawaii để truyền giáo cho dân Hawaii, giúp mục vụ cho các tín hữu, xây nhiều nhà thờ, đồng thời học tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và thổ ngữ Hawaii. Cha đã gặp rất nhiều khó khăn đối với tiếng Hawaii. Vì sự khó khăn này, lắm lúc ngài đã làm cho dân Hawaii không thể nín cười, nhất là mỗi khi ngài lấy khăn tay ra để lau mũi trong lúc nghĩ cho ra đúng từ để nói.

Đối với việc truyền giáo cho người Hawaii, ngài cảm thấy dân chúng rất thích các nghi thức bề ngoài, nên họ cần phải có nhiều nhà thờ, được trang

hoàng đẹp đẽ và lộng lẫy. Nhưng, cũng như tại các xứ truyền giáo khác, ngài không thể tìm đâu cho ra tiền để thực hiện như ý muốn. Dù vậy, Cha đã dùng số tiền ngài có, để mua các vật liệu, và với sự trợ giúp của dân chúng, không bao lâu Cha đã xây được một số nhà thờ.

Cũng vào thập niên 1860, chứng bệnh phong cùi đã lan đến các hải đảo Hawaii, nhất là qua bệnh đậu mùa. Trong lịch sử nhân loại, không có bệnh nào gây nên hoang mang kinh sợ và gây nhiều hiểu lầm cho bằng bệnh phong cùi. Ngày nay, chỉ có một trong bốn loại chính của phong cùi bị coi là bất trị, nhưng thực ra cả loại này cũng có thể chữa khỏi, hay ít là cầm hãm được bằng thuốc sulfone, nếu được chữa trị ngay khi mới mắc phải. Năm 1970, người ta đã tìm ra được một phương pháp mới rất công hiệu trong việc chữa trị bệnh phong này.

Nhưng vào thời đó, không ai biết đích xác bệnh phong cùi là thế nào. Và vì không có cách chữa trị, nên các bệnh nhân bị nó hành hạ thật ghê sợ: toàn thân bị đau đớn, và chẳng bao lâu thân thể bị biến dạng. Cũng vì không biết đích xác, nên nhiều giả thuyết đã được đưa ra về cách truyền nhiễm của nó, trong đó gồm có cả ho lao và giang mai. Giả thuyết nào cũng cho là bệnh này có thể bị truyền nhiễm. Ngày nay chúng ta biết là nó có truyền nhiễm, nhưng ít ra phải có sự đụng chạm liên tiếp trong khoảng thời gian từ 3 đến 30 năm; và đối với một số người, cả sau thời gian này cũng không bị nhiễm. Chính vì sự thiếu hiểu biết đó và vì sợ hãi, vua Kamehameha V đã ra lệnh cho tất cả mọi người cùi phải được chuyển đến đảo Molokai.

Dù một số người hiểu biết đã sẵn sàng ra đi, một số gia đình khác đã không thể chịu mất đi người thân yêu của họ. Thế là cảnh sát đã được lệnh truy lùng tất cả những người này.

Không lâu sau, Molokai đã được tiếng là một bãi tha ma vô trật tự. Những người vừa bước lên đảo đều được bảo cho biết: "Ở đây không có pháp luật". Những người con bị cha mẹ bỏ rơi đã được "dân" Molokai nhận về làm đầy tớ trong nhà. Các thiếu nữ đã bị bó buộc làm điếm để sống qua ngày. Và khi thân thể đã quá biến dạng, thì bị đuổi đi. Trộm cắp, say sưa, và cãi lộn là chuyện rất thường xảy ra trên đảo.

Tất cả những điều đó xảy ra cũng chỉ vì không có cảnh sát để giữ trật tự, không có linh mục để cử hành các bí tích và giúp ổn định đời sống luân lý, và

không có bác sĩ, y tá để giúp chữa trị. Cho dù lúc đó chính phủ có cung cấp thực phẩm và quần áo, nhưng không đủ cho mọi người.

Dầu vậy, trên đảo cũng có một nhóm nhỏ người Công Giáo thành tâm. Chính họ đã xin Đức Giám Mục cho linh mục đến để cử hành các Bí Tích. Họ đã gây quỹ để mua dụng cụ xây nhà thờ, và một thầy đã được gọi đến để trợ giúp họ trong việc này. Khi trở về với Đức Giám Mục, thầy đã đem theo lá thư thỉnh cầu xin Đức Cha cho một linh mục ở lại với họ. Sau cùng, Đức Cha đã đồng ý. Cha Damianô và 3 linh mục khác được chỉ định thay nhau đến để phục vụ. Mỗi linh mục sẽ ở 3 tháng tại Molokai, sau đó lại trở về nhiệm sở cũ. Cha Damianô được sai đi đầu tiên.

Molokai không phải là một nơi tốt để sinh sống, nên vị linh mục trẻ này đã phải kinh hãi vì cuộc sống ở đây. Nhất là cảnh tượng da thịt rữa nát của người cùi toả ra một mùi hôi thối như thây ma. Nhiều lần, Cha đã phải nhắc nhở chính mình rằng, trong ngày Khán Dòng, mình đã nằm dưới tấm khăn mờ, với lời hứa sẽ chết cho thế gian và sống cho Chúa Kitô. Cha vẫn nhớ lời Chúa Kitô: "Ta nói thật cùng các con, hễ các con làm bất cứ sự gì cho một trong những anh em nhỏ bé nhất của Ta, là các con đã làm cho chính Ta".

Vừa đặt chân lên Molokai, Cha Damianô liền nhận ra là ngài phải tìm cách để cung cấp nhu cầu vật chất cho dân, để họ có thể mở lòng đón nhận sự trợ giúp tinh thần. Với lòng hăng hái sẵn có, ngài liền bắt tay vào việc.

Dù với bao hy sinh và cố gắng, việc làm của ngài đã gặp phải nhiều chống đối, nhất là về phía những thành phần thuộc ban y tế của đảo, nhóm này hầu hết là những người ghét đạo Công Giáo. Nhưng vì ý kiến chung của mọi người, nên họ không thể đuổi Cha Damianô đi được. Vì thế, họ đã nghĩ ra một cách là đặt ra cho ngài hai sự lựa chọn, một là phải rời đảo ngay, hai là phải ở lại vĩnh viễn, chứ không được đi về, để khỏi truyền bệnh cùi sang người khác. Họ nghĩ rằng chắc chắn ngài sẽ bỏ đi ngay. Nhưng họ đã lầm, vì Cha không chịu bỏ đi. Cha sẽ ở lại bao lâu Thánh Ý Chúa còn muốn Cha ở lại. Và ngài đã ở lại 16 năm, tức là cho đến lúc ngài tắt thở vì bệnh cùi.

Trong suốt thời gian phục vụ tại Molokai, một trong những thánh giá nặng nhất Cha phải vác là không thể lãnh nhận Bí tích Hoà giải, vì không còn vị linh mục nào khác trên đảo. Truyện kể rằng, có một lần Cha đã chèo thuyền ra một chiếc tàu trên đó có một vị linh mục. Ngài đã xin để vị linh mục được

phép vào bờ để ban phép giải tội cho ngài. Nhưng lời yêu cầu của Cha đã bị từ chối, thế là Cha đã phải xin lãnh nhận bí tích giải tội ngay tại chỗ, bằng cách xưng thú tội to tiếng để vị linh mục trên tàu có thể nghe được.

Cũng trong thời gian ở Molokai, Cha Damianô đã xây dựng nhiều nhà thờ cũng như nhiều nhà cửa cho dân chúng. Ngài đã xin các tổ chức Kitô giáo, Công giáo cũng như Tin lành, trợ giúp về tài chính. Ngoài ra ngài cũng luôn sẵn sàng phân phát đồ ăn và áo mặc cho mọi người. Chính tay ngài đã băng bó vết thương cho bệnh nhân, thử những cách chữa trị mới, xây dựng các nhà mồ cho trẻ em. Để các bệnh nhân có việc làm, Cha đã lập các hiệp hội, các đoàn thể. Và khi có người chết, không những Cha cầu nguyện cho họ mà còn đóng quan tài để chôn cất họ.

Ngài đã hết mình phục vụ nhóm người xấu số này, nhưng vì tính hăng hái và thái độ cứng rắn của Cha, cũng như vì lòng ghen tị của những người ngoài Công Giáo, và vì thiếu phương tiện truyền thông, Cha đã gặp phải nhiều chống đối. Tuy nhiên, Cha cũng đã làm cho nhiều người phải thán phục, nhất là trong những năm cuối đời của ngài. Cả những anh em trong Dòng của ngài cũng đã lên tiếng phản đối ngài. Chính điều này đã làm cho Cha phải đau khổ nhiều hơn là chứng bệnh cùi hành hạ thân thể.

Trong những năm cuối đời, Cha Damianô đã có thêm được một số người trợ giúp trong việc săn sóc các bệnh nhân. Trong số đó có "Thầy Giuse" Ira Dutton. Thầy Dutton đã đến Molokai vào năm 1886 để phụ giúp Cha, và Thầy đã ở lại đây trong suốt 44 năm trường. Thầy có ý đến đây để đền bù lại những tội lỗi trong thời niên thiếu. Ngoài ra có Thầy James Scott, người Ái Nhĩ Lan, là một y tá, Thầy đã đến giúp Cha trong 8 tháng cuối đời của Cha. Thêm vào đó có linh mục Lambert Conrady đã đến đảo Molokai năm 1888. Sau khi Cha Damianô qua đời, Cha Conrady đã trở thành một bác sĩ, và sang Trung Hoa để làm việc trong một trại cùi tại đó. Nhưng niềm an ủi lớn lao nhất cho Cha Damianô là mấy tháng trước ngày Cha qua đời, 3 nữ tu Dòng Phanxicô đã đến để thay Cha săn sóc các em mồ côi. Trong thời gian này, một chương trình đã được hoạch định để xây cất một khu vực mới cho các trẻ nữ; và một trong những lời yêu cầu cuối cùng của Cha Damianô là xin các Sơ săn sóc cả các trẻ nam.

Sau khi Cha chết, nhiều người đã thi nhau đả kích cuộc sống của Cha. Nhưng cũng có người bênh vực Cha. Sau khi đọc một bài báo kịch liệt đả kích lỗi

sống của Cha Damianô, văn sĩ Robert Louis Stevenson, một tín hữu phái Tin lành Calvin, đã viết một bài dài và thật cảm động để biện hộ cho Cha.

Tuy nhiên không ai có thể chối cãi được rằng Cha Damianô đã thực hiện được nhiều công trình để giúp người cùi tại Molokai. Hơn thế nữa, mọi người cùi trên thế giới phần nào cũng phải mang ơn Cha, vì gương hy sinh anh hùng của Cha đã khiến thế giới phải chú ý đến những con người khốn cùng này, và nêu gương cho nhiều người noi theo.

Án phong thánh cho Cha Damianô đã được chính thức chuyển về Rôma năm 1955, đến năm 1977, Cha đã được tuyên phong lên bậc Đáng Kính. Và Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã đích thân đến Brussels, Thủ đô Bỉ quốc, để cử hành lễ phong Chân Phước cho Cha Damianô de Veuster vào ngày 4 tháng 6 năm 1995.

Đẳng Đáng Kính Augustô Czartoryski, S.D.B.

Người thừa kế ngai vàng của Hoàng tộc Balan.

(1858 – 1893)

"Xin trân trọng giới thiệu cùng quý vị, đây hoàng tử Augustô Czartoryski, người thừa kế hoàng tộc Balan, cháu của Nữ hoàng đương kim nước Tây Ban Nha". Hoàng tử Augustô đã được đào tạo trong những trường nổi danh nhất của Âu châu, là người sẽ thừa hưởng gia tài cha ông để lại, và dĩ nhiên cũng là người lãnh đạo phong trào tại ngoại lo việc giải phóng quê hương khỏi ách kìm kẹp của người Nga. Thế nhưng, một cuộc hội ngộ đã biến đổi cuộc đời hoàng tử.

Vào năm 1883, vị hoàng tử tuần tú 25 tuổi này đã gặp một linh mục người Ý tại một thánh đường ở Balê. Dù chưa bao giờ gặp nhau, vị linh mục khách đó đã liền lên tiếng:

– Thừa hoàng tử, đã từ lâu, tôi mong ước được làm quen với hoàng tử.

Thật kinh ngạc! chàng không hiểu tại sao vị linh mục này lại biết mình. Sau lần hội ngộ đó, hoàng tử thường xuyên giúp lễ cho cha.

Vị linh mục đó chính là Cha Thánh Don Bosco. Ngài đã được ơn tiên tri và đã nhìn thấy trước cuộc hội ngộ này trong một thị kiến. Cả trước khi gặp mặt, ngài đã biết trước Augustô sau này sẽ trở thành một tu sĩ Dòng Sa-lê-diêng; dù vậy Cha đã dùng bốn năm liền sau đó để thử thách ơn gọi của Hoàng tử Augustô.

Hoàng tử Augustô Czartoryski là con trưởng của Hoàng tử Ladislav người Balan, và Công chúa Amparo, ái nữ của Nữ Hoàng Maria Christina nước Tây Ban Nha. Augustô sinh tại Balê năm 1858. Ngay từ nhỏ, Augustô đã mắc phải chứng bệnh sưng phổi, căn bệnh này đã từ từ làm hao mòn sức khỏe của Augustô. Khi Augustô mới 4 tuổi, bà mẫu thân là Công chúa Amparo đã qua đời vì bệnh phổi. Rất có thể vì tiếp xúc với căn bệnh này ngay từ tuổi nhỏ đã có ảnh hưởng trên Augustô, vì cũng chính căn bệnh độc hại đó đã kết liễu cuộc đời Augustô lúc mới được 35 xuân xanh.

Vì cuộc chiếm đóng của người Nga trên nước Balan từ năm 1795, cha mẹ Augustô đã phải sống lưu vong tại Balê. Dù thế, trong những năm thơ ấu của Augustô, cả gia đình thường đi tham quan các nơi tại Âu châu, nhất là hoàng cung nước Tây Ban Nha. Trong những năm chàng tại trường học, các giáo sư cũng như những vị cô vẫn đã sớm nhận ra Augustô là một con người đạo đức, trong trắng, và nhất là tinh thần cầu nguyện của hoàng tử thật đáng ca ngợi. Cũng trong thời gian đó, Augustô bắt đầu chán ngán với những cuộc liên hoan mà chàng thường phải tham dự; thay vào đó, Augustô ưa thích đời sống thanh lặng và cầu nguyện.

Vì những đức tính đó, khi đã đến tuổi thành niên, hoàng tử đã làm cho thân phụ phải thất vọng, vì ông vẫn hằng mong ước cho con đi vào ngành binh nghiệp. Trái lại, hoàng tử đã thừa với cha là muốn vào Dòng Sa-lê-diêng, dù phải từ bỏ mọi của cải thuộc về gia đình Czartoryski, dù phải từ bỏ quyền thừa hưởng gia tài của nữ hoàng Maria Christina, dù phải bỏ đi tất cả những gì đã được huấn luyện từ trước đến nay trong ngành chính trị, và nhất là cho dù phải chấp nhận đời sống khó nghèo và vất vả trong khi phục vụ những người nghèo, và những thanh thiếu niên xấu số. Hoàng tử Augustô sẵn sàng từ bỏ tất cả.

Thế là ngày 24 tháng 5 năm 1884, Hoàng tử Augustô đã đến thành phố Tôrinô gặp Cha Thánh Don Boscô để xin nhập Dòng Sa-lê-diêng. Nhưng hoàng tử thật ngỡ ngàng và sửng sốt khi nhận được câu trả lời của Cha. Ngài đã từ chối không nhận Augustô! Ngài khuyến khích quyết định làm linh mục của hoàng tử, nhưng khuyên hoàng tử hãy gia nhập những Dòng có học thức như Dòng Tên, hay Dòng Carmelô, vì ngài cho rằng ơn gọi Dòng Sa-lê-diêng thực sự là quá khắc khổ đối với Augustô. Thêm vào đó, công việc thường ngày của Dòng là phục vụ những người nghèo và thất học, dĩ nhiên đây không phải là công việc của một hoàng tử.

Dù câu trả lời của Cha thật dứt khoát, trong bốn năm kế tiếp, Augustô nhiều lần trở lại xin Cha tiếp nhận mình; nhưng hết lần này đến lần khác, Cha vẫn từ chối. Sau cùng, lúc hoàng tử đã 29 tuổi, Cha Don Bosco đề nghị hoàng tử hãy xin lời chỉ bảo khôn ngoan của Đức Thánh Cha Lêô XIII. Hoàng tử Augustô đã đến Rôma, và xin được tiếp kiến Đấng Đại Diện Chúa Kitô. Sau khi hoàng tử đã bày tỏ nỗi khó khăn của mình và xin tôn ý của Đức Thánh Cha, hoàng tử đã ra về với lá thư của Đức Thánh Cha, trong đó có lời chỉ thị

cho hoàng tử gia nhập Dòng Sa-lê-diêng.

Sau khi đọc lời chỉ thị của Đức Thánh Cha, Cha Don Bosco liền nói:

– Augustô, hoàng tử có thể gia nhập hội dòng, và Cha ước ao con hãy là một tu sĩ Sa-lê-diêng cho đến chết. Don Boscô sẽ chết trong một thời gian ngắn. Nếu sau khi Cha chết đi, người kế vị Cha muốn sa thải con vì bất cứ lý do nào, thì con chỉ cần thưa lại là Cha Don Boscô muốn con ở lại, vậy là đủ rồi. Cha quả quyết với con, sau đó vị này sẽ không làm phiền con nữa. Cha đã muốn thử sự trung kiên của con, và giờ đây Cha thật hạnh phúc để nói với con rằng, con sẽ thuộc về chúng ta cho đến chết.

Hoàng tử Augustô đã hân hoan gia nhập Tập Viện Dòng trước một số đông quan khách trong một nghi thức trọng thể chưa từng có. Augustô đã lãnh nhận Áo Dòng từ tay Cha Don Boscô tại Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. Trong số quan khách thuộc hàng quý tộc gồm có nhiều thân nhân của Augustô: các hoàng tử, công chúa, quận công từ Tây Ban Nha, Balan, Pháp, và Đức. Trong phép lành trọng thể cuối nghi thức do Cha thánh lập Dòng đọc, địa vị trần thế của hoàng tử đã không được nhắc đến, dù đó là một điều rất quan trọng trong thế kỷ 19, thay vào đó, Augustô đã được chúc lành như một linh hồn đã được cứu chuộc bởi Máu Châu Báu của Chúa Giêsu Kitô.

Dù đã được nhập Dòng Sa-lê-diêng, Augustô vẫn còn gặp phải rất nhiều chống đối. Là cháu của nữ hoàng Isabella, người đang cai trị Tây Ban Nha, Augustô được gia đình thân nhân rất quý mến và nhớ thương. Vì thế trong 6 năm kế tiếp, cha ngài, mẹ ngài, và dì ngài đã tìm mọi cách để chống đối. Nhiều lần nhà mẹ của Dòng tại Turinô đã nhận được những cánh thư trong đó thân nhân ngài đã nêu lên những lý do khiến họ không tán thành ơn gọi của Augustô. "Sức khỏe của cháu quá giòn mỏng để có thể chịu được nếp sống khắc khổ này... Cháu đã bị ép buộc và bị ảnh hưởng quá độ... Cháu chưa suy nghĩ đủ, chưa đủ giờ để đi đến quyết định này... Cháu đã hành động theo cảm tình nhất thời". Mỗi lá thư được gửi đến, đều được trả lời rằng: "Với ơn chuẩn đặc biệt, hoàng tử luôn được tự do về nhà, nếu chính hoàng tử yêu cầu điều đó". Nhưng đó là điều Augustô sẽ không bao giờ làm.

Ơn gọi của Augustô vào Dòng Sa-lê-diêng thật là một biến cố hy hữu. Cho dù lòng nhiệt thành có thể gác bỏ mọi biên giới, nhưng quả là ít kẻ sang giàu, và

còn ít hơn nữa, những người xuất thân từ đền đài vua chúa, đã dám dâng hiến cuộc đời cho việc tông đồ trong Dòng Sa-lê-diêng, một việc tông đồ chú trọng đặc biệt đến những người nghèo và vô học. Dù xuất thân từ hàng quý phái, Augustô đã chọn một cuộc sống như mọi người. Dù sang giàu hơn nhiều người dám mong ước, Augustô đã vui sướng ôm ấp cuộc đời dâng hiến cho đức nghèo. Quả thật, thời đó, trừ Dòng Phanxicô, không tu hội nào chia sẻ kiếp sống nghèo với những người họ phục vụ cho bằng Dòng Sa-lê-diêng. Augustô đã sẵn sàng từ bỏ cuộc sống giữa các đền đài xa hoa của Âu châu để đổi lấy một căn nhà nghèo hèn và thanh đạm. Thêm vào đó, dù mọi anh em trong Dòng sống bình dân với nhau, nhưng dù là một tập sinh, tuổi đời của Augustô đã vượt xa nhiều anh em Dòng. Đặc biệt là đối với một người có một quá khứ như Augustô, sự đổi thay để tháp nhập vào cuộc sống này thật là không dễ. Nhưng vì sự quyết tâm muốn tuân theo Thánh Ý Chúa, Augustô đã có thể vượt qua mọi thử thách. Với sự kiên tâm bền chí trong ơn gọi, và với một lòng khát khao chiếm được sự thánh thiện bằng mọi giá, Thầy Augustô đã được lãnh chức linh mục ngày 2 tháng 4 năm 1892.

Nhưng tiếc thay! Cha Augustô đã không thể tham gia vào đời sống cộng đoàn trong tu viện và tích cực tham gia việc tông đồ được, vì sức khỏe của Cha bắt đầu suy giảm mau chóng. Trong năm sau đó, Cha đã phải trải qua giai đoạn cuối cùng của bệnh phổi. Nhưng cũng như Cha đã mau mắn chấp nhận lời mời gọi gia nhập Dòng Sa-lê-diêng, Cha cũng đã vui nhận điều thất vọng này, vì biết rằng đời linh mục của mình sẽ thật ngắn ngủi. Cha đã dâng lời cầu nguyện cũng như những đau khổ phải chịu để cầu cho các linh hồn được ơn cứu rỗi.

Trước kia, đã có lần Cha Thánh Don Bosco hứa rằng vào một ngày gần đây, Dòng Sa-lê-diêng sẽ hoạt động tại quê hương Balan của Cha Augustô. Giờ đây, tấm gương can đảm và trung kiên của vị linh mục trẻ này đã khiến bao người quảng đại đáp lại ơn gọi tu trì, đến nỗi trong một năm trước khi Cha Augustô qua đời, hơn một trăm người Balan từ khắp nơi trên Âu châu, đã theo gương của Cha gia nhập Dòng Sa-lê-diêng.

Ngày 8 tháng 4, Cha Augustô đã về cùng Cha trên trời, trên môi đang thăm thẳm câu:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Chúa của con.

Cha mới chịu chức linh mục được một năm.

Đến năm 1895, người kế vị Cha Don Boscô, thể theo lời mời đã cho một số tu sĩ Dòng đến một đền thánh nhỏ tại Oswiecim, hay theo một tên thông dụng hơn bằng tiếng Đức, Auschwitz. Ở đây cũng như trong nhiều nơi khác tại Balan, Dòng Sa-lê-diêng cũng phải gánh chịu thánh giá mà Giáo Hội Balan đang bị bắt bớ vì chính phủ đàn áp. Trong thời gian học tại đại chủng viện, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng đã học chung với các tu sĩ Dòng Sa-lê-diêng tại một giáo xứ của Dòng Sa-lê-diêng ở Debniki, ngoại ô của thành Krakow. Cha Thánh Don Boscô đã không quên lời hứa của Ngài.

Đơn xin phong thánh cho Cha Augustô đã được đệ lên Toà Thánh năm 1941, và năm 1979 Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã ra sắc lệnh chính thức tuyên dương nhân đức anh hùng của Cha. Sắc lệnh này là bước đầu có thể dẫn đến việc phong chân phước cho Cha Augustô Czartoryski.

Chân Phước Agostina Pietrantonì, S.C.S.J.A.

Vị Tử Đạo vì đức Bác Ái.

(1864 – 1894)

Giáo Hội đã phong Chân Phước cho Sơ Agostina không những vì cái chết thâm cảm của Sơ, mà cũng vì đời sống bác ái âm thầm trong khi phục vụ những bệnh nhân nghèo khổ. Dù rằng sau khi chết, báo chí đã tôn nhận Sơ là "vị tử đạo vì đức bác ái Kitô Giáo", nhưng Giáo Hội đã tuyên phong Sơ lên bậc Chân Phước dưới tước hiệu "Đồng Trinh" thay vì "Tử Đạo".

Livia Pietrantonì sinh năm 1864, là người con thứ hai trong mười anh chị em thuộc một gia đình Công Giáo, với mức sống trung bình đối với miền đó. Ông nội của Livia cũng sống chung với gia đình ông bà Pietrantonì. Mỗi tối, cha của Livia hướng dẫn gia đình đọc Kinh Mân Côi, sau đó là hát các bài thánh ca hay học hỏi về giáo lý. Thường cũng có một số người hàng xóm cùng tham dự.

Ngay từ tuổi nhỏ, Livia đã được tặng cho biệt hiệu là "cô giáo". Tại trường học, Livia là một học sinh gương mẫu, cho dù Livia thường bị khiển trách vì nghỉ học mà không có lý do. Bị phê là "không lý do", nhưng thực sự Livia nghỉ học là vì phải giúp mẹ săn sóc cho cha cô đang mắc bệnh sưng khớp xương, chứng bệnh này đã làm cho ông hầu như bị tê liệt kinh niên. Từ lúc 7 tuổi, Livia đã bắt đầu phải làm việc để giúp vào tài chính của gia đình.

Dù Livia là một người trầm lặng và nhút nhát, em cũng có rất nhiều bạn. Livia có một ảnh hưởng tự nhiên trên họ, nên họ thường đến với em để bàn hỏi nhiều vấn đề, cả những vấn đề rất tầm thường. Đối với các em, Livia đã tỏ ra là "một người mẹ nhỏ" thật đảm đang. Một trong những người em của Livia đã nói: "Ở nhà, tôi không nhớ có lần nào chị Livia đánh hay giận bất cứ người nào trong chúng tôi".

Từ tuổi nhỏ, Livia đã được huấn luyện để làm việc. Ở nhà Livia giúp đỡ các em, chăm nom gia súc, làm việc ngoài đồng, và còn khá thông thạo trong nghề làm giấy. Cũng có kỳ Livia và một số bạn bè đã đi Trivoli để giúp hái trái cây Ôliu. Đây là một công việc thật khó khăn, không những đòi kiên

nhẫn mà còn rất vất vả nặng nhọc. Cha mẹ của các cô bạn luôn sẵn sàng cho con họ đi, vì biết rằng Livia là một con người có ý thức và đáng tin cậy. Trong 4 năm, Livia đã giúp vào việc xây con đường chính từ Orvinio đến Poggio Maiano. Dù Livia được trả lương rất thấp cho công việc nặng nhọc này, nhưng không bao giờ em than trách một lời.

Thời gian trôi qua thật mau, Livia đã trở thành một thiếu nữ duyên dáng và khoẻ mạnh, khiến cho nhiều chàng trai lưu tâm chú ý. Một trong những chàng trai đó sau này đã nói: "Tôi đã làm quen với cô trong mấy tháng. Dù biết là không có hy vọng, tôi vẫn quyết định sẽ bày tỏ tình yêu của tôi... Thật không phải dễ để có thể gặp riêng cô... Một chiều nọ, tôi tình cờ gặp cô trên đường. Lúc đó cô đang đọc sách. Cô dừng lại, hơi lúng túng. Rồi cô lấy từ trong sách một tấm hình Chúa Giêsu. Cô cho tôi xem, rồi nói 'Đây là người tôi sẽ kết hôn với,' Tôi liền trả lời, 'Tôi đã biết, và cô thật sự xứng đáng với Người'".

Dù nhiều lần được mẹ khuyên nên lập gia đình, và ở gần nhà, nhưng Livia vẫn nhất quyết trung thành với ước mộng trở thành một nữ tu. Đến năm 21 tuổi, Livia đã bày tỏ nguyện vọng này với người cậu, lúc này là một Thầy Dòng. Thầy hứa sẽ giúp cô khi Thầy tin rằng cô thực sự có ơn kêu gọi trong bậc tu trì. Dù các bạn tìm mọi cách để thuyết phục Livia bỏ ý định này, nhưng Livia vẫn nộp đơn xin nhập Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Gioan Antida vào năm 1886. Lúc đầu Livia bị từ chối, nhưng sau đó các vị hữu trách đã xét lại, và Livia đã được nhập vào Tập viện tại Rôma. Livia đã chào biệt gia đình, rồi quỳ xuống xin cha mẹ và ông nội chúc lành. Khi đã ra ngoài và đóng cửa lại, Livia đã quay lại hôn lên cửa và làm một dấu Thánh giá lớn trên cửa. Rồi, đưa tay gạt những giọt lệ trên mắt, Livia liền bước lên xe, và sẵn sàng bước vào một cuộc sống mới.

Sơ coi sóc nhà thờ còn nhớ Livia là một người luôn vui cười, luôn vâng phục, và luôn phụng sự Chúa trong vui tươi. Một lần nọ, Sơ Giáo tập đã hỏi xem đối với Livia, điều gì là khó khăn nhất, và Livia đã trả lời:

– Đối với Chúa mọi sự đều quá bé nhỏ. Em sẵn sàng làm mọi việc cho Ngài.

Sau thời gian Tập, Livia được đổi tên mới là Agostina, và được cử giúp việc y tá tại bệnh viện Santo Spirito. Bệnh viện này đã có một lịch sử thật vẻ vang, nơi đã ghi dấu chân biết bao đáng thánh, nhưng trong thời của Sơ Agostina,

phong trào tục hoá đã tước bỏ hết đặc tính tu trì của nó. Các tượng Thánh Giá đã bị tháo cất đi, và các nữ tu phải tuân theo rất nhiều luật lệ, một trong những khoản luật là các Sơ phải giữ, là không được nói về Thiên Chúa với các bệnh nhân. Nhưng Sơ Agostina không cần lời nói để trao ban Thiên Chúa cho các bệnh nhân: hành động của Sơ là những lời nói hùng hồn hơn cả về tình yêu của Sơ dành cho Thiên Chúa. Xem ra mọi người đều nhận ra điều đó.

Sau một thời gian ngắn, Sơ Agostina mắc phải bệnh phổi, nhưng sau khi chịu phép Xức dầu, Sơ đã bình phục. Sau đó, Sơ lại xin phép trở lại phục vụ trong khu vực phổi, để các Sơ khác khỏi bị nhiễm lây bệnh này.

Thái độ của những bệnh nhân trong khu vực này thật là đáng sợ; những hành động thô tục và phạm thượng rất thường xảy ra, nhiều khi đã phải mời cảnh sát can thiệp. Vì thế, Sơ Agostina có khi đã phải hứng chịu những sỉ vả, khạc nhổ, và có một lần kia Sơ còn bị đánh trọng thương. Nhưng Sơ vẫn không sợ hãi những công việc mình phải đảm trách. Không những thế, Sơ còn bênh vực các bệnh nhân:

– Họ không xấu, nhưng chỉ vì họ bị bệnh. Bởi vậy, ta phải xót thương họ. Quý vị nên giúp tôi cầu nguyện cho họ.

Vì thế, trong mọi lúc, Sơ luôn kiên nhẫn và vui tươi, cho dù các bệnh nhân có hành động khiếm nhã đến đâu cũng thế.

Để có ơn trợ lực trong lúc giúp đỡ những bệnh nhân ương ngạnh, Sơ Agostina đã hướng mắt lên Đức Mẹ. Sơ đã viết thư cho Đức Mẹ và "gởi" lá thư đó sau một tấm hình Đức Mẹ trong một căn phòng nhỏ gần khu vực phổi. Một trong những lá thư đó, Sơ viết: "Lạy Mẹ rất thánh, xin Mẹ hãy cứu vớt con người bất hạnh đó, con đã không thể thay đổi tấm lòng chai đá của ông ta, và con hứa sẽ làm thêm hai hay ba đêm để tôn kính Mẹ".

Sơ Agostina có lòng sùng kính đặc biệt đối với Đức Mẹ, và việc sùng kính Sơ thích nhất là kính Mân Côi, đây là việc sùng kính Sơ thực hiện hằng ngày. Thêm vào đó, Sơ dành rất nhiều giờ để cầu nguyện. Vì đối với Sơ, cầu nguyện không những là một bổn phận, mà còn là một nhu cầu sống, tương tự như hơi thở. Chính Sơ đã chân nhận rằng nhờ đời sống cầu nguyện, Sơ mới có đủ nghị lực để đứng vững trong khi phục vụ tại khu vực này.

Dù Sơ Agostina rất hăng hái làm việc, nhiều khi còn làm thay cho những nữ tu yếu bệnh, Sơ cũng có những giây phút nghỉ ngơi. Một lần nọ, trong khi cùng với một Sơ khác về Nhà Mẹ, khi về đến nhà, Sơ Agostina nói sẽ chờ Sơ kia trong nhà nguyện. Chiều hôm đó, lúc Sơ kia trở lại, Sơ Agostina nói:

– Tôi được một giấc ngủ thật ngon trước Chúa Giêsu.

Tuy nhiên, Sơ Agostina thích làm việc hơn là nghỉ ngơi. Buổi chiều trước khi qua đời, Sơ Agostina đã nói lời tiên tri sau đây với chị em Dòng, "Sau khi chết, chúng ta sẽ nằm xuống nghỉ rất dài, nên chúng ta phải đứng bao lâu chúng ta còn sống. Bây giờ chúng ta hãy làm việc; một ngày nào đó chúng ta sẽ nghỉ".

Sơ Agostina đã tuyên khấn trọng thể ngày 23 tháng 9 năm 1893. Sau đó, Sơ trở lại làm việc trong khu vực "khủng khiếp" kia. Nhiều bệnh nhân trong khu vực này đã đến từ các trại tù. Một trong những người đầu đảng của nhóm chuyên môn phá rối này là Giuseppe Romanelli, một người đã bốn lần bị tòa kết án. Khi mẹ và chị em ông đến thăm, Sơ Agostina tỏ ra niềm nở ân cần tiếp đón họ, có khi còn bố thí cho họ. Nhưng khi Giuseppe bị đuổi vì hạnh kiểm xấu, hắn đã đổ hết lỗi cho Sơ Agostina, dù rằng Sơ không dính dáng gì đến chuyện này. Sau đó, hắn mấy lần viết thư đe dọa Sơ. Dù biết rằng hắn là một con người nguy hiểm, Sơ vẫn bình tĩnh tiếp tục chu toàn nhiệm vụ.

Sáng thứ ba ngày 13 tháng 11 năm 1894, Sơ Agostina đang phụ giúp một bệnh nhân mà Sơ đã hứa sẽ giúp đỡ. Sơ đi cùng với bệnh nhân đó ra khỏi khu vực và đi vào một con đường nhỏ. Đột nhiên, Giuseppe xuất hiện trước mặt Sơ. Với con dao trong tay, hắn liền xông đến đâm Sơ. Người bệnh nhân đi với Sơ liền thất thanh kêu cứu. Trong khi các bệnh nhân và y tá chạy đến, tên sát nhân kia đã chạy thoát thân. Sơ Agostina lúc này đang nằm trên đất, thều thào lời sau cùng:

– Lay Mẹ, xin giúp con.

Một nữ tu cùng với vài nhân viên bệnh viện đã khiêng Sơ về đặt lên giường. Mẹ Bề trên đã đến bên giường lay nhẹ Sơ, và hỏi Sơ đã tha thứ cho kẻ ám hại Sơ chưa. Dù không thể nói ra lời, Sơ Agostina đã gật đầu và cười. Tiếp sau đó, Sơ trút linh hồn.

Liên sau đó, các nhà báo, phóng viên, nhiếp ảnh đổ xô đến bệnh viện, họ nói:

– Chúng tôi muốn thấy vị tử đạo.

Vì thấy rằng không thể di chuyển xác Sơ Agostina đi chỗ khác, một nữ tu đã đặt một cành huệ lên tay và một vòng hoa hồng trắng trên đầu Sơ Agostina. Sau cuộc thử nghiệm được thực hiện vào ngày hôm sau, lễ an táng đã được cử hành vào ngày 15 tháng 11 năm 1894. Thành phần tham dự gồm có đại diện của chính quyền địa phương, của các bệnh viện, và các dòng tu, nhất là một số đông thường dân, họ đến để tôn kính một vị tử đạo vì đức bác ái.

Giuseppe đã bị bắt trong ngày lễ an táng Sơ Agostina. Dù gia đình Sơ Agostina đã xin ân xá, Giuseppe vẫn bị kết án chung thân. Không đầy một năm sau, ông đã chết trong tù, sau khi đã trở về làm hoà với Chúa Kitô và lãnh nhận các phép sau hết.

Thủ tục xin phong thánh cho Sơ Agostina được bắt đầu từ năm 1936; đến năm 1945, sắc lệnh điều tra phong thánh cho Sơ được ban hành. Sơ Agostina đã được Đức Thánh Cha Phaolô VI tuyên phong lên bậc Chân Phước năm 1972.

Đấng Đáng Kính Anrê Beltrami, S.D.B.

Tận tụy hết khả năng để phục vụ ngành giáo dục.

(1870 – 1897)

Với trí thông minh và thân hình đẹp trai, Anrê Beltrami thật có lý để tự tin và có quyền hy vọng là chàng sẽ thành công mỹ mãn trên đường sự nghiệp. Nhưng Anrê có cái nhìn nào đối với ước mộng và sự hãnh diện đó? Chàng đã cho mộng ước của đời mình là "hư danh," còn đối với sự kiêu ngạo của mình, chàng viết, "Đối với tôi, mỗi cản trở chính cho đường thánh thiện là kiêu ngạo. Tôi sẽ chiến thắng nó". Dù vậy, trong cuộc chiến đấu giữa những giá trị trần tục và giá trị đạo đức, tâm hồn Anrê đã phải trải qua một cơn phiền muộn trong khi tìm kiếm một hướng đi cho cuộc đời. Với sức mạnh của tinh thần cầu nguyện, Anrê đã vượt qua được những ngày tháng chiến đấu cam go đó. Sau cùng, Anrê đã đi đến quyết định là chàng phải dùng những tài năng Trời cho để phụng sự Chúa trong việc phục vụ những người nghèo trong Tu hội Sa-lê-diêng. Trước mắt thế gian, tu hội này chẳng có gì khác để cho các phần tử ngoài sự nghèo khó cùng cực, và một đời hầu như không ai biết đến trong việc dạy dỗ các học sinh trung và tiểu học. Nhưng trên phương diện tinh thần, Anrê nhận thấy tu hội này đã tạo cho chàng một cơ hội để đạt tới sự thánh thiện. Mỗi tham vọng của chàng là "trở nên một vị thánh, và phải thật mau chóng."

Anrê Beltrami sinh ngày 24 tháng 6 năm 1870, tại một làng nhỏ gần bờ hồ Orta, nước Ý. Trong những năm đầu, Anrê học tại trường làng, sau đó gia nhập trường thương nghiệp tại viện đại học Conti ở Omegna. Dù Anrê được điểm cao, ngành thương mại cũng không mấy hấp dẫn đối với chàng.

Ngay từ tuổi ấu thơ, Anrê đã có một tấm lòng thật quảng đại, và thêm vào đó, là một người có ý chí mạnh mẽ và quả quyết; nhưng Anrê cũng lại rất dễ nổi nóng. Dù vậy, nhờ ảnh hưởng của các giáo sư tu sĩ Dòng Sa-lê-diêng, Anrê đã tận lực cố gắng để có thể hoàn toàn tự chủ được. Từ từ, nhờ lòng sùng kính và yêu mến đặc biệt đối với Mẹ Maria, một tinh thần tuân phục và kiên nhẫn thấm sâu đã thay thế cho những lỗi lầm của thời niên thiếu. Tại trường đại học, Anrê luôn đứng đầu lớp. Khả năng lãnh đạo bẩm sinh đã làm cho Anrê đương nhiên trở thành mẫu gương và có ảnh hưởng không thể chối cãi

trên các sinh viên khác.

Đến năm 16 tuổi, Anrê quyết định trở thành một linh mục Dòng Sa-lê-diêng. Chính Anrê đã viết, "tham vọng của tôi là sẽ tận tâm tận lực trong việc phục vụ những trẻ em cùng cực, những trẻ vô học nhất và bị hắt hủi nhất". Ngày 4 tháng 11 năm 1886, Anrê là một trong 100 tập sinh được mặc áo Tập trong nghi thức nhập tập viện sau cùng do Cha Thánh Don Bosco chủ sự. Vị Linh mục lão thành đã nhắc từng tập sinh, trong khi ngài trao áo dòng cho từng người:

– Hãy cởi bỏ con người cũ, và mặc lấy con người mới.

Dù đã vào tập viện, Anrê vẫn không ngừng phải chiến đấu. Ở đây, Thầy phải chiến đấu trong việc thanh tẩy tâm hồn khỏi những ước muốn trần tục để có thể hoàn toàn lo phụng sự một mình Thiên Chúa. Trong quyển sổ của Thầy, Thầy đã viết những lời quyết định sau đây, "Tôi sẽ không bao giờ nói về mình... Tôi sẽ không tự quả quyết ý kiến của tôi là hay... Tôi sẽ không nói lại khi bị khinh thường... Tôi sẽ xin Bề trên sửa bảo tôi không cần phải nương tay, cả khi ở nơi công cộng..". Tôi nhất quyết. Tôi nhất quyết. Tôi nhất quyết. Thái độ tích cực đó của Thầy Anrê đã trở thành tiêu chuẩn cho cuộc đời Thầy.

Cha giám tập đã có nhận xét sau đây về Thầy Anrê, "Đức khiêm nhu của Thầy thật là chân thành. Không một chút tự ái, Thầy đã thực tâm tự trách vì những lầm lỗi của mình. Thiên Chúa đã để cho Thầy Anrê phải trải qua nhiều gian nan thử thách thật lớn lao. Những thử thách đó đã làm cho Thầy phải đau khổ rất nhiều, nhưng với sự trợ lực của ơn thánh, Thầy đã lướt thắng tất cả và vẫn tiếp tục cuộc chiến với một lòng can đảm không hề nao núng".

Được hướng dẫn bởi một khát vọng muốn hiểu biết, Thầy Anrê bắt đầu học thần học. Những điều Thầy học được trước kia về văn chương giờ đây trở thành nền tảng vững chắc giúp Thầy dễ dàng hơn trong việc học triết học và nhân chủng học. Trong hai năm chuyên tâm học tập, Thầy đã tỏ ra là một sinh viên ưu tú tại Đại học Turinô. Ngay khi còn đang trong thời gian học, Thầy đã được nhờ giúp những sinh viên khác về văn chương và triết học. Sau này, Thầy dạy triết tại Valsalice, dạy Latin và Ý ngữ cho các tập sinh tại Foglizzo. Thầy hăng say làm việc và học hành đến nỗi Thầy đặt hết tâm hồn vào đó. Vì quá kiệt sức, vào mùa hè năm 1888, Thầy phải về nghỉ tại một

trường của Dòng tại Lanzo.

Trong kỳ nghỉ đó, Thầy Anrê đã có dịp kết thân với một tu sĩ cùng Dòng. Mẫu gương thánh thiện của người bạn đồng tu đó đã có một ảnh hưởng lớn trên Thầy. Thầy Anrê và Thầy Augustô Czartoryski, thuộc hoàng tộc Balan, đã trở nên đôi bạn thân, một tình bạn siêu nhiên vượt trên mọi tình bạn tự nhiên khác. Lúc này, Thầy Augustô đang trong thời gian chữa bệnh phổi; vì thế, rất có thể Thầy Anrê đã bị nhiễm lây bệnh này qua những giao tiếp với Thầy Augustô.

Đến năm 1891, Thầy Anrê mắc phải chứng bệnh xuất huyết ở phổi, nhưng Thầy vẫn có thể hoàn tất chương trình thần học. Mặc dù biết rõ bệnh trạng của mình, Thầy từ chối không chịu dưỡng bệnh, trái lại vẫn cố gắng tiếp tục hoạt động bao lâu còn có thể. Vì nhận thấy con người tu sĩ trẻ này không còn nhiều thời giờ để sống, Bề trên Dòng đã xin và được phép chuẩn đặc biệt để Thầy được lãnh chức linh mục trước tuổi ấn định. Thầy Anrê thụ phong linh mục ngày 8 tháng 11 năm 1893 tại Turinô, trong một nhà nguyện tư, nơi Cha Don Bosco vẫn thường dâng Thánh Lễ trong cơn bệnh cuối cùng của Ngài.

Nguồn vui Cha Anrê được hưởng trong ngày thụ phong đã theo Cha trong suốt 4 năm cuối cùng của cuộc đời, đến nỗi mọi người chung quanh đều có thể cảm nhận được điều đó. Cho dù sức khoẻ đang tàn dần, Cha vẫn tiếp tục dâng Thánh Lễ hằng ngày và chu toàn mọi bổn phận thiêng liêng theo luật Dòng. Thêm vào đó, Cha đã dùng nhiều giờ để tôn thờ Chúa Giêsu Thánh Thể, và tự hiến như của lễ đau khổ dâng lên Chúa để cầu nguyện cho các linh hồn tội lỗi. Dù rất đau đớn mỗi khi lên cơn ho, Cha vẫn cố hết sức che dấu điều đó.

Thêm vào những công việc trong Dòng, Cha Anrê tiếp tục viết một số tác phẩm, đặc biệt là sách truyện các Thánh. Trong số đó, đặc biệt hơn cả là hạnh thánh Magarita Maria Alacoque, Thánh Gioan Baptist de la Salle, và Thánh Stanislaô Kostka. Tác phẩm "Rạng đông của các Vì Sao" của Cha trình bày đời sống thời niên thiếu của 33 vị thánh anh hùng. Cuốn tiểu sử của Cha về Napoléon, được xuất bản sau khi Cha qua đời, đã được liệt vào danh sách những tác phẩm học sinh trung học nên đọc. Trước khi qua đời, Cha đã bắt đầu viết một bài bình luận về toàn bộ tác phẩm của Thánh Phanxicô Salê.

Đến cuối tháng 12 năm 1897, mấy lần bị xuất huyết đã báo hiệu cho Cha biết

số ngày trên trần gian của Cha gần hết. Trong cuốn nhật ký của Cha, trong ngày Cha qua đời có ghi lại những lời sau đây: "Suốt năm tiếng đồng hồ tôi đã quỳ trước Nhà Châu nài xin ơn cải thiện cho các tội nhân và mọi người ngoại đạo. Trong tâm hồn, tôi đang hiện diện trên đồi Golgotha, nài xin năm Vết Thương của Chúa Cứu Thế trở nên những mạch suối tình thương tràn chảy khắp năm châu".

Sáng sớm ngày 30 tháng 12 năm 1897, sau một cơn đau tim, Cha Anrê đã từ biệt cõi đời.

Tiến trình phong thánh cho Cha Anrê đã được tiến hành mau chóng. Cuộc điều tra cấp giáo phận đã bắt đầu năm 1911. Đến năm 1939, Dòng Sa-lê-diêng chính thức đệ đơn xin phong thánh cho Cha. Ngày 15 tháng 12 năm 1966, Cha Anrê Beltrami được nâng lên bậc Đáng kính.

Chân Phước Maria Droste Zu Vischering

Người vận động xin Đức Thánh Cha hiến dâng thế giới cho Thánh Tâm Chúa.

(1863 – 1899)

Đối với Sơ Maria Droste zu Vischering, lòng yêu mến Thánh Tâm Chúa không phải là một cảm tình mơ hồ hay một việc sùng kính thuộc cảm giác. Lòng mến đó là một thực tại của cuộc sống. Chính vì thế, Sơ ước ao có thể hướng dẫn mọi người trên thế giới đến với "Nguồn mạch Tình Yêu" này. Ba năm trước khi Sơ qua đời, trong một cuộc xuất thần, Thiên Chúa đã cho Sơ biết là Ngài muốn toàn thể thế giới được dâng hiến cho Thánh Tâm Chúa, và Ngài muốn Sơ hãy xin Đức Thánh Cha thực hiện điều đó. Tuân theo Thánh Ý Chúa, tháng 6 năm 1898 Sơ đã xin Đức Thánh Cha Lêô XIII dâng hiến thế giới cho Thánh Tâm Chúa. Và đến tháng Giêng năm 1899, theo lời yêu cầu của Chúa, Sơ lại xin Đức Thánh Cha một lần nữa. Trong thời gian này, Sơ thưa với Cha giải tội:

– Sứ mạng của con ở trần gian sẽ hoàn tất ngay khi việc dâng hiến đó được thực hiện.

Maria mở mắt chào đời ngày 8 tháng 9 năm 1863 tại Munster, Đức. Song thân của Maria là Bá tước Clement Droste zu Vischering và nữ Bá tước Helen von Galen Droste zu Vischering. Cả hai xuất thân từ một dòng tộc sùng đạo và rất trung thành với Giáo hội Công Giáo.

Ngay từ thiếu thời, Maria đã khác với bảy anh chị em ở điểm em có một ý chí cương quyết, có lẽ vì đó mà tính tình của Maria khá nóng nảy, nhưng cũng lại có một tâm hồn nhạy cảm và dễ thông cảm với người khác.

Maria lớn lên trong một gia đình giàu có tại dinh thự Darfield. Tại đây, Maria được ở trong một căn phòng khang trang lộng lẫy; so sánh với căn phòng cực kỳ đơn giản sau này tại tu viện Chúa Chiên Lành ở Munster, thì cả là một trời một vực. Dù vậy, Maria sẵn sàng đổi cuộc sống sang trọng đó để ôm ấp cuộc đời đơn bạc và vất vả.

Năm 15 tuổi, Maria đến học tại trường của các Nữ tu Dòng Thánh Tâm ở Riedenburg. Đối với thời gian tại đây, sau này Maria đã kể lại: "Chính ở đây, tôi bắt đầu hiểu rằng, tình yêu mến đối với Thánh Tâm Chúa nếu không có tinh thần hy sinh thì đó chỉ là một ảo tưởng trống rỗng".

Từ ngày lãnh nhận bí tích Thêm Sức lúc 12 tuổi, Maria bắt đầu ước ao được sống trong bậc tu trì. Nhưng sau khi mãn học năm 1881, vì sức khoẻ quá yếu, cô không thể gia nhập bất cứ Dòng tu nào. Thay vào đó, cô khấn tư giữ đức trinh khiết và sống một đời sống trong thanh vắng và cầu nguyện tại gia đình.

Đến năm 1888, sức khoẻ của cô đã khá hơn, nên cô lại có ý muốn xin vào Dòng. Sau khi làm quen với một cô bạn bất hạnh tại một bệnh viện, Maria cảm thấy có ơn gọi vào Dòng Bác Ái Chúa Chiên Lành. Sau này cô viết, "tư tưởng này (phải vào Dòng Chúa Chiên Lành) đến với tôi rõ ràng đến nỗi từ giây phút đó tôi đã tin phục và quyết định".

Việc tông to chính yếu của các nữ tu Dòng Chúa Chiên Lành là phục vụ và giúp đỡ những người khổ đau do gia đình hay xã hội gây nên và cần sự săn sóc và tình thương đặc biệt. Công việc của họ là phòng ngừa, phục hồi và bảo vệ những người thiếu tình thương đó. Các Sơ cố gắng đem lại cho những người được phục vụ một niềm tự tin nơi chính mình và phẩm giá một người con của Thiên Chúa.

Ngày 10 tháng 1 năm 1889, Maria bắt đầu năm Tập, và lãnh nhận tên mới là Maria Thánh Tâm. Hai năm sau, vào ngày 29 tháng 1 năm 1891, Sơ tuyên khấn trọn đời. Là một nữ tu trẻ, thêm vào đó, với một ý chí cương quyết, một tâm hồn hiền hoà, và một tinh thần vui tươi, Sơ Maria đặc lực phục vụ những thiếu nữ đã được trao phó cho Sơ. Nhưng Sơ đã qui mọi thành công trong việc tông đồ của mình cho Thánh Tâm Chúa. "Chính Thánh Tâm Chúa Giêsu là lý do gây nên những thành quả tôi đạt được nơi các thiếu nữ này, và những khi tôi gặp phải những trường hợp khó khăn thì chính Người đã san bằng mọi khó khăn. Khi bạn kêu xin cùng Thánh Tâm Chúa cầu cho một linh hồn, Người sẽ không từ chối bạn, dù đôi khi Người có đòi nhiều cầu nguyện, hy sinh và đau khổ".

Đến năm 1894, Sơ Maria được chỉ định đi phục vụ tại Lisbon, Bồ Đào Nha. Dù Sơ rất nhớ nhà và nhớ mọi người quen thân ở Munster, nhưng qua cuốn sổ tay của Sơ, chúng ta được biết trong những tháng ngày đó, Sơ đã đến với

chính Chúa để tìm sự an ủi: "Con đã từ bỏ tất cả, vâng lạy Chúa, con đã từ bỏ tất cả, để con có thể yêu mến Chúa cho đến giây phút cuối cùng cuộc đời con, và với hết nghị lực con, con có thể loan truyền lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa".

Tại Bồ Đào Nha, Sơ Maria, tuy mới có 31 tuổi, được chỉ định làm Bề trên tu viện Chúa Chiên Lành ở Oporto. Lúc đó, tu viện đang cần một người lãnh đạo có khả năng. Hoàn toàn quên mình, Sơ Maria đã cầu nguyện trong tin tưởng và đã toàn thắng. Một vị tu viện trưởng Dòng Benedictô có dịp quen biết Sơ, sau này đã nói: "Tôi thật kinh ngạc về cách lãnh đạo của vị Bề trên quá trẻ tuổi này". Sự điều hành khôn ngoan của Sơ đã làm cho tu viện trở thành trung tâm phát huy tinh thần đạo đức trong vùng.

Năm 1896, tức hai năm sau khi đặt chân đến Bồ Đào Nha, Sơ Maria mắc phải chứng bệnh đau xương sống, bệnh này đã làm cho Sơ phải hết sức đau đớn và dần dần bị tê liệt. Nhưng bất chấp những đau đớn, Sơ vẫn tiếp tục làm Bề trên điều hành tu viện. Cũng trong thời gian này, Chúa cho Sơ biết ý định của Ngài muốn cho thế giới được dâng hiến cho Thánh Tâm Chúa, và truyền cho Sơ xin Đức Thánh Cha Lêô XIII làm việc này. Tháng 5 năm 1899, Đức Thánh Cha Lêô viết Thông điệp "Annum Sacrum," trong đó có lệnh truyền dâng hiến thế giới. Trước đó, Sơ Maria đã tiên đoán là Sơ sẽ chết ngay khi việc dâng hiến được thực hiện. Ngày 8 tháng 6 năm 1899, hai bản thông điệp đã đến tay Sơ; ngay sau đó, lúc 3:05 chiều, Sơ âm thầm phó linh hồn trong tay Chúa. Ngày 11 tháng 6 năm 1899, Đức Thánh Cha Lêô XIII long trọng dâng toàn thể thế giới cho Thánh Tâm Chúa Giêsu.

Thủ tục xin phong thánh cho Sơ Maria Droste zu Vischering được bắt đầu năm 1921, đến năm 1942, Toà Thánh chính thức mở cuộc điều tra. Trong dịp cải táng năm 1944, thân xác của Sơ Maria vẫn còn nguyên vẹn. Sơ được nâng lên bậc Đáng Kính năm 1964, và được Đức Thánh Cha Phaolô VI phong Chân Phước năm 1975.

Chân Phước Angela Truszkowska, C.S.S.F

Một đời phục vụ những người nghèo khổ và bị bắt bớ.

(1825 – 1899)

Vừa nghe thấy tiếng đập cửa, Mẹ Angela vội vã chạy ra mở cửa; đứng ngoài cửa là một anh lính trẻ đang kinh hoàng đến cực độ. Vừa thấy Mẹ, anh liền nài xin:

– Xin Sơ cho con chỗ để ẩn núp.

Không đủ giờ để đem anh lính này đến nơi chốn an toàn trong hốc tường đặc biệt, vì Mẹ đã nghe thấy tiếng giày của công an đang chạy ngoài đường. Mẹ nói với anh:

– Theo tôi ngay!

Dừng lại trước những thùng rác lớn, Mẹ bảo anh nhảy vào thùng lớn nhất. Mẹ liền mau tay đồ vào thùng rác đó hết thùng này đến thùng khác những tấm băng thấm đầy máu đã được dùng để băng bó vết thương. Không bao lâu, anh lính đã xui đi dưới đồng băng sa thải của một ngày làm việc trong bệnh viện của các nữ tu Dòng Felician.

Sau khi nghe tiếng gõ cửa thứ hai, Mẹ Angela chậm rãi bước ra mở cửa. Một công an lực lưỡng hùng hổ bước vô nhà và bắt đầu cẩn thận khám xét. Một lúc sau, một tên công an tiến lại bên thùng rác và mở tung nắp thùng rác ra, và thọc tay vào thùng, nhưng khi hắn thấy những gì nằm trong thùng rác này, hắn vội rút ngay tay ra. Thất vọng vì không tìm thấy tội phạm, họ bỏ đi. Nhờ tài trí lanh lẹ của Mẹ Angela, người lính trẻ kia đã may mắn thoát chết.

Mẹ Maria Angela Truszkowska là Vị sáng lập Dòng Nữ Felician ở Balan, một chi nhánh của đại gia đình Phanxicô. Mẹ đã sống, làm việc, và chết trong một thời điểm buồn thảm nhất của lịch sử Balan. Từ năm 1795 đến 1918, xét về mặt chính trị, Balan không còn hiện hữu, và đã bị xoá tên khỏi bản đồ Âu Châu. Trong 123 năm, người dân Balan đã phải hứng chịu biết bao sầu khổ không tả xiết, trong khi quốc gia họ bị ba nước Nga, Phổ, và Áo cai trị, mỗi

nước một vùng. Năm 1830, dân Balan nổi lên chống lại nhà cầm quyền Nga. Cuộc nổi loạn này đã khiến cho Nga trả đũa một cách dã man. Ruộng nương bị tịch thu, những người thuộc hàng quý phái bị lưu đầy, người Công Giáo Rutheniann bị bắt bớ; không những thế, họ còn định Nga-hoá cả dân tộc Balan. Trong lần nổi loạn thứ hai xảy ra năm 1863, người Nga trả đũa một cách tàn ác hơn, trong đó có việc triệt hạ các dòng tu. Nhưng giữa tất cả những bắt bớ và khó khăn, Dòng Felician vẫn đứng vững và lớn mạnh dưới sự hướng dẫn của Mẹ Angela.

Zophia Kamilla Truszkowska sinh ngày 16 tháng 5 năm 1825 tại Kalisz, Balan. Zophia là con đầu lòng trong 4 người con của ông Giuse và bà Giosepha Truszkowska. Gia đình Truszkowska là một thành phần thuộc hàng quý tộc Balan và là một gia đình Công Giáo đạo hạnh. Ông Giuse là một luật sư biện hộ trong toà án ở Kalisz. Vì sinh thiếu tháng, nên bé Zophia rất yếu ớt, và vì bác sĩ không hy vọng bé sẽ sống được, nên bé liền được rửa tội tại nhà. Dù vậy cha mẹ bé nhất quyết cố gắng giữ bé sống, nên mẹ bé đã làm chiếc máy hô hấp để kéo dài sức sống của em, và đồng thời hai ông bà đã thành khẩn van xin Đức Mẹ Czestochowa cho con được sống.

Tấm lòng từ mẫu của Mẹ Maria không thể từ chối niềm tin mạnh mẽ đó, và bé Zophia đã được sống. Với tấm lòng biết ơn, bà Giosepha đã truyền lại cho Zophia lòng yêu mến đặc biệt đối với Đức Mẹ, và lòng mến này theo thời gian cứ lớn mạnh hơn lên mãi.

Không bao lâu sau, Zophia đã trở thành một đứa trẻ thông minh, luôn đặt ra nhiều câu hỏi về mọi vấn đề. Cha mẹ em đã mượn một cô giáo về để dạy em. Cô giáo này có một ảnh hưởng mạnh mẽ trên em, cả về mặt đạo đức cũng như trong việc học vấn. Mỗi lần đi đạo, thầy trò thường kết thúc bằng việc viếng Chúa Giêsu Thánh Thể.

Ngay từ thời niên thiếu, Zophia dường như đã nhận thức được và cảm thương với mọi nỗi khốn cùng của tha nhân. Trong khi đi đạo với cô giáo, Zophia thường lấy những đồng xu em đã được người khác cho em, và vui vẻ cho những người ăn xin và những người không may mắn em gặp trên đường.

Khi Zophia lên 12 tuổi, em theo gia đình chuyển về Warsaw, và ở đó em được vào học tại một trường tư. Tại đây, Zophia tỏ ra trội vượt trong vấn đề tư cách và học vấn. Thêm vào đó, một thầy giáo còn công khai gọi em là "bé

cung," tuy rằng điều này làm cho em rất xấu hổ.

Lúc 16 tuổi, Zophia mắc phải chứng bệnh phổi, nhưng cũng may là được chữa trị ngay trong thời gian đầu. Zophia được cha mẹ cho sang Thụy Sĩ cùng với cô giáo với hy vọng tại đây sức khỏe của Zophia sẽ khá hơn. Tại đây, vẻ đẹp của núi đồi đã gây nên một ấn tượng mãnh liệt trên tâm hồn cô và đồng thời lòng cô thầm ca tụng kỳ công vĩ đại của Thiên Chúa, và cũng chính nơi đây, Zophia như cảm thấy mình thực sự muốn trở thành một nữ tu. Khi trở lại Warsaw, Zophia tỏ cho cha mẹ biết ước vọng của mình, nhưng cả hai ông bà đều kịch liệt phản đối ý muốn vào Dòng của cô, nên cô đành phải sống âm thầm trong bầu khí gia đình, tiếp tục học hành và cầu nguyện.

Ngoài việc cầu nguyện và học hành, Zophia còn đề giờ phụ với cha mẹ trong việc chăm sóc các em, và giúp các em trong vấn đề học vấn. Zophia đâu ngờ những việc đó đang sửa soạn cho lý tưởng mai này của cô trong vai trò người thầy và người mẹ của vô số các trẻ mồ côi.

Trong thời gian này, Zophia cũng làm một quyết định là sẽ là người đầu tiên đến nhà thờ tham dự Thánh Lễ. Cùng với Valerie, em cô, trong mấy tuần liền, từ sáng sớm đã lén ra khỏi nhà. Nhiều hôm hai chị em phải đứng chờ lâu giờ ở ngoài trời băng tuyết lạnh giá vì cửa nhà thờ vẫn còn khoá. Nhưng lòng sốt sắng của hai chị em đã sớm bị ngăn chặn vì bị người coi nhà bắt gặp, và người này được cha cô ra lệnh không bao giờ được cho hai cô ra khỏi nhà trước 5 giờ sáng.

Cái chết của em Valerie, lúc mới được 16 xuân xanh, đã gây một ấn tượng mạnh mẽ trên Zophia. Đứng suy ngẫm trước quan tài của Valerie, Zophia nghĩ tới cuộc đời thật quá ngắn ngủi, và sự vô cùng của cuộc sống mai sau. Vì thế, Zophia đã thưa chuyện với Cha giải tội, và quyết định xin vào Dòng chiêm niệm các nữ tu Dòng Thăm Viếng, nhưng khi cô xin phép cha mẹ, thì bà mẹ chỉ biết khóc thương con, còn ông bố thì kịch liệt phản đối. Cũng trong thời gian này, cha cô bị bệnh nặng, thế là Zophia trở thành một y tá tận tình chăm sóc cho cha. Và khi cảm thấy ước vọng đi tu làm cho cha phải đau khổ nhiều, cô đã hứa với cha là sẽ không tỏ ý định đi tu cho đến khi ông qua đời. Sau đó, cô cùng cha sang Đức tìm cách chữa trị tại suối nước khoáng tuyền ở Salzbrunn, và các thành phố lớn ở Đức. Tại Vương Cung Thánh Đường Cologne, Zophia nhận thấy Thiên Chúa không gọi cô vào Dòng Thăm Viếng, tuy nhiên cô vẫn chưa biết Thánh Ý Chúa sẽ định đoạt cho mình thế nào;

nhưng từ đó, cô nói rằng tâm hồn cô tràn đầy bình an và hoàn toàn phó thác.

Trở lại Warsaw, ông Joseph bắt đầu có ý định cho Zophia tiếp xúc với xã hội, với hy vọng cô sẽ tìm được một người bạn đời tốt. Cô vâng theo ý muốn của cha mẹ, tham dự các buổi tiệc tùng và dạ hội. Nhưng vì tính tự nhiên rất nhút nhát và thích đời sống âm thầm, nên những lúc này thật là một thử thách lớn cho cô. Trong nhiều buổi dạ vũ, Zophia thường tìm một người em họ và cũng là người bạn thân, Clothilde Ciechanowski, và cả hai cũng tìm chỗ thanh vắng để bàn những chuyện hợp sở thích của họ. Clothilde cũng cảm thấy muốn vào dòng kín, nhưng cũng bị gia đình phản đối.

Sau một mùa đông bận rộn trong các cuộc dạ hội liên hoan, mùa hè năm đó, Zophia và Clothilde đến nghỉ hè tại nhà nghỉ hè của gia đình ông nội của Clothilde ở Grojec. Ở đây, hai cô dùng thì giờ để dạy giáo lý cho các trẻ em trong làng, và may quần áo cho những người nghèo trong xứ đạo. Tối đến, khi mọi người trong nhà đã đi ngủ, Zophia mới tìm được giờ để cầu nguyện. Một buổi sáng nọ, cô giáo cũ của cô, lúc này vẫn theo ở với gia đình cô, tình cờ thấy Zophia đang nằm ngủ trên sàn nhà vì hăm mình. Theo gương thánh Phanxicô Assisi, Zophia quyết định không nằm trên giường. Vì nhận ra lòng đạo đức của Zophia, và vì biết rằng cha mẹ cô sẽ cực lực phản đối nếu việc hăm mình này của cô bị họ biết được, nên cô giáo của Zophia giữ kín chuyện đó. Ngoài việc nằm ngủ trên sàn, Zophia còn làm nhiều việc hăm mình khác, nhưng tất cả đều được làm cách kín đáo trong âm thầm.

Một tối nọ, trong khi Zophia đang cầu nguyện trước ảnh Đức Mẹ Czestochowa trong phòng riêng, không biết vì sao áo cô và khung ảnh Đức Mẹ đã bắt lửa từ cây nến và bị cháy. Khi cô giáo của Zophia ngủ thấy mùi cháy, bà liền đi tìm chỗ cháy, và khi thấy áo Zophia và khung ảnh đang cháy, bà liền gọi người đến chữa lửa. Không hiểu lúc đó Zophia đang ngủ hay đang chìm đắm trong cầu nguyện, nên đã không biết là mình đang bị cháy. Khi dập tắt được ngọn lửa, mọi người thật kinh ngạc khi thấy cả Zophia và tấm ảnh Đức Mẹ đều không bị hề hấn gì, trong khi áo và khung ảnh lại bị thiêu rụi. Mọi người đều cho đây là hiện tượng lạ, và từ đó cả gia đình có lòng sùng kính rất đặc biệt đối với bức ảnh này.

Một thời gian sau, vì Zophia không còn nói đến việc đi tu nữa, nên ông Joseph cho phép Zophia được chăm sóc những người bần cùng trong khu phố nghèo ở Warsaw, và quảng đại giúp đỡ hai đứa trẻ mồ côi do Zophia chăm

sóc. Sau này, con số đó lên đến sáu, và Zophia cùng với Clothilde trở thành hai phần tử đầu tiên của Tu hội Thánh Vinhson Phaolô mới thành lập. Theo sự đề nghị của Cha giải tội, Zophia cũng xin nhập Dòng Ba Phanxicô, và nhận tên mới là Angela. Lúc này Angela (Zophia) đã 29 tuổi. Với sự trợ giúp về tài chính của Cha và với số tiền xin được, Angela cùng với Clothilde lập một viện mồ côi, và nhà trọ cho những phụ nữ không nhà hay bị bỏ rơi. Ngày 21 tháng 11 năm 1885, Angela cùng với Clothilde công khai tận hiến cho Đức Mẹ, theo như Thánh ý của Chúa Giêsu, Con Mẹ.

Gương phục vụ của hai người đã lôi kéo nhiều thiếu nữ khác từ những gia đình giàu có ở Warsaw gia nhập. Vì tất cả đều gia nhập Dòng Ba Phanxicô và sống đời sống cộng đồng, nên vị cố vấn quyết định cho họ mặc áo Dòng; thế là năm 1857, mười Chị được mặc áo Dòng Phanxicô. Trong thời gian này, vì các nữ tu trẻ này thường đưa các trẻ mồ côi do họ coi sóc đến một thánh đường của Dòng Capuchin được dâng kính Thánh Felix, nên dân thành từ đó bắt đầu gọi họ là các Sơ Dòng Felician, và tên ấy đã đi liền với tu hội mới cho đến ngày nay. Năm 1860, tu hội được vào sổ bộ ở Vatican, và Đức Thánh Cha Piô IX đã chúc lành cho tu hội mới này. Sơ Angela được chỉ định làm Bề trên tiên khởi của tu hội.

Tại tu viện, Mẹ Angela vẫn giữ vai trò là mẹ và là thầy của các trẻ mồ côi. Mẹ cũng là người bạn, y tá, và người an ủi đối với những phụ nữ cao niên. Thêm vào đó, Mẹ thường tìm giờ đi thăm những người cùng khổ trong khu phố nghèo, đem đến cho họ sự trợ giúp an ủi về tinh thần cũng như vật chất.

Không bao lâu, vì quá nhiều người đến xin nhập tu hội, Mẹ Angela càng ngày càng phải dùng thêm giờ để huấn luyện các phần tử của Dòng. Chỉ trong 4 năm, các Sơ đã có thể mở được 27 trường học tại các làng mạc trong phần đất người Nga chiếm đóng. Ban ngày, các em nhỏ đến học tại trường, ban tối người lớn tụ tập để học giáo lý.

Các nữ tu sống với Mẹ Angela từ thuở ban đầu đều xác nhận rằng Mẹ đòi hỏi rất nhiều nơi họ, nhưng Mẹ vẫn cho mỗi người những sự trợ giúp tinh thần và những chỉ bảo để giúp họ đặt lý tưởng đời họ trên một nền tảng vững chắc. Năm 1860, một chi nhánh chiêm niệm của Dòng Felician được thành lập. Tu viện này có 12 nữ tu sống đời chiêm niệm để đền tạ cũng như cầu nguyện cho công việc của cộng đoàn Dòng, trong khi các nữ tu khác tiếp tục công việc tông đồ. Mẹ Angela là một trong 12 nữ tu chiêm niệm đầu tiên ấy, nhưng sau

3 năm, vì vai trò của Mẹ phải coi sóc cả hai nhánh buộc Mẹ phải trở lại làm việc với các nữ tu hoạt động.

Đến năm 1863, một cuộc nổi loạn bùng lên chống lại người Nga. Trong dịp này, các nữ tu Felician lo săn sóc các binh lính Balan bị thương, và sau khi cuộc nổi loạn bất thành, họ giúp che giấu những người tị nạn chính trị. Một bức tường bí mật của bệnh viện đã được biến thành nơi tạm trú cho những người bị lùng bắt đó.

Trong một bức thư gửi cho các Sơ trong thời gian này, Mẹ Angela viết những lời đầy an ủi, khuyến khích, và đề nghị các Sơ hãy "giúp đỡ tất cả mọi người không trừ một ai, dù bạn hay thù hãy coi họ như nhau... Mọi người đều là anh chị em của chúng ta".

Không lâu sau, những người Nga nghĩ rằng các Sơ Felician đã tham gia vào cuộc nổi loạn, nên Nga hoàng ra lệnh giải tán Dòng cùng với nhiều Dòng tu khác. Công an vũ trang đã đột nhập tu viện, ra lệnh cho các Sơ phải mặc thường phục, và trong ba ngày phải rời khỏi tu viện. Còn các Sơ chiêm niệm thì được phép đến tu viện Thánh Bernadinô ở Lowics để tạm trú, trong số đó có Mẹ Angela. Trước khi rời Warsaw, Mẹ đã lo cho các Sơ tìm được nơi tạm trú trong số các họ hàng thân quyến của họ.

Trong một thời gian ngắn, không ai được phép giúp tiền của cho các Sơ tại tu viện Thánh Bernadinô. Công an được lệnh canh gác cửa, không cho ai đem đồ ăn và những vật dụng cần thiết khác đến cho các Sơ. Một tối nọ, khi các Sơ vừa xuống đến phòng ăn để dùng bữa tối, món duy nhất họ thấy trên bàn là một bình nước. Ngồi vào ghế, Mẹ Angela và các Sơ cùng nhìn nhau và cười. Sau đó, Mẹ Angela bắt lên kinh Magnificat (Ngợi Khen) và kinh Te Deum (Tạ Ơn), mọi người cùng chung lời tạ ơn Thiên Chúa trước khi dùng bữa tối bằng nước lã.

Về phần các Sơ bị phân tán các nơi, họ chỉ còn cách là làm việc trong âm thầm. Chính điều này làm cho Mẹ Angela phải đau khổ nhiều. Sau cùng, vào năm 1865, Vua Franz Josef cho phép các Sơ được sống trong vùng người Áo của nước Balan. Mẹ sung sướng kêu gọi tất cả các Sơ tụ hfdở tại Krakow, và Mẹ đến gặp họ vào tháng 5 năm 1886.

Mặc dầu Mẹ Angela vẫn tiếp tục lãnh nhận trách nhiệm điều khiển cộng

đoàn, sức khoẻ Mẹ bắt đầu suy giảm từ từ và sau này tai Mẹ gần như điếc. Vì vậy đến năm 1869, Mẹ đã từ chức Bề trên, và nhận việc chăm sóc khu vườn của tu viện.

Dù đang mang bệnh, Mẹ vẫn tiếp tục làm việc. Vào năm 1873, Mẹ Angela mở rộng tầm hoạt động của Dòng trong việc giúp đỡ các sinh viên đang theo học tại các đại học ở Krakow. Một phòng ăn được thiết lập để cung cấp thực phẩm cho các sinh viên nghèo; thêm vào đó còn giúp họ có những học cụ cần thiết, và y phục tối thiểu để họ có thể tiếp tục theo học. Để công việc này được hữu hiệu hơn, Mẹ đã cầu xin sự trợ giúp của các thần thánh trên trời, nhất là Thánh Antôn. Mẹ có lòng sùng kính đặc biệt với Thánh Antôn, nhưng thay vì chỉ khoanh tay âm thầm cầu xin với ngài, Mẹ đã dành nhiều giờ chuyện vãn với Thánh nhân trước một bức ảnh của Ngài trong tu viện. Có người tình cờ nghe được những câu Mẹ thân thưa với Thánh Antôn kể rằng trong lúc đó, giống như Mẹ đang nói chuyện với một người nào đó trong phòng. Một bữa nọ, Mẹ đi đi lại lại trước bức ảnh, và trách khéo Thánh Antôn vì chậm trễ trong việc giúp đỡ một sinh viên trẻ. Người sinh viên này cần một bộ quần áo mới để mặc trong ngày thi. Không có bộ quần áo này thì không được thi. Trong khi Mẹ đang đi lại, thì có tiếng chuông gọi cửa. Trước cửa là một người đàn ông với bộ quần áo mới trên tay:

– Thưa Sơ, mấy lão thợ may ngớ ngẩn thế nào, lại may cho tôi bộ quần áo này quá nhỏ. Sơ nghĩ có người nào có thể dùng được không?

Vào năm 1874, Hoa Kỳ xin các Sơ sang phục vụ những người Balan di trú đang sống tại quốc gia này. Thế là vào ngày 24 tháng 10, Mẹ Angela sung sướng chúc lành cho năm nữ tu đầu tiên dấn thân vào cánh đồng truyền giáo mới của Dòng.

Đến năm 1899, Mẹ Angela mắc phải chứng bệnh ung thư dạ dày, vì thế trong mấy tuần cuối đời, Mẹ không thể ăn gì được. Đức nhẫn nại anh hùng không than phiền của Mẹ khiến cho các bác sĩ phải thán phục, đến nỗi một bác sĩ đã nói:

– Chỉ có một thánh nhân mới biết chịu đau khổ như vậy.

Mẹ âm thầm trở về nhà Cha ngày 10 tháng 10 năm 1899, và được mai táng trong nhà nguyện bên cạnh Tu Viện Nhà Mẹ tại Krakow.

Sau khi Mẹ qua đời, nhiều người đến viếng ngôi mộ của Mẹ và cầu xin sự cầu bầu của Mẹ. Sau đó không lâu, vì rất nhiều ơn lạ xảy ra nhờ lời chuyển cầu của Mẹ Angela, nên năm 1949, cuộc vận động xin phong Chân phước cho Mẹ được bắt đầu. Đức Hồng Y Karol Wojtyla, Tổng Giám Mục Krakow, hiện nay là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, đã chính thức mở cuộc điều tra năm 1967. Cũng chính Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nâng Mẹ Angela Truszkowska lên bậc Chân phước ngày 18 tháng 4 năm 1993.

Thánh Nữ Gemma Galgani

Một viên bảo ngọc của Trời cao.

(1878 – 1903)

Trong lịch sử nhân loại, Thiên Chúa đã kêu gọi một số linh hồn quảng đại dâng hiến cuộc đời để đền tội thay cho nhân loại vì đã xúc phạm đến Đấng Tạo Hoá và Cứu Chuộc của loài người. Một trong những người đã ôm ấp cuộc đời trở thành của lễ hy sinh đền tội đó là Thánh nữ Gemma Galgani, người Ý. Gemma có thể từ chối lời mời gọi của Thiên Chúa, nhưng Thánh nữ đã tự ý theo gương Đức Mẹ Maria để trả lời: "Này tôi là tớ nữ của Thiên Chúa".

Bé Gemma Galgani sinh ngày 12 tháng 3 năm 1878 tại một thôn quê gần thành Lucca, Ý. Trong tiếng Ý, "Gemma" có nghĩa là viên ngọc quý. Lúc mới sinh, mẹ của Gemma lo lắng là tên này không phải là tên của một vị thánh, nhưng một linh mục bạn của bà an ủi rằng rất có thể một ngày nào đó, bé sẽ trở thành một "viên ngọc quý của Thiên Đàng".

Ngay từ bé, Gemma đã có một lòng yêu mến đời cầu nguyện, và chính Gemma công nhận đó là nhờ công lao của người mẹ hiền, dù bà chết lúc Gemma còn bé, đã soi dẫn cho em có một lòng ao ước được hưởng Thiên Đàng, và dạy dỗ em về Thiên Chúa.

Ngày 17 tháng 6 năm 1887, Gemma được Rước lễ lần đầu. Sau này, chính Gemma viết, "Tôi không thể diễn tả được những gì xảy ra giữa Chúa Giêsu và tôi trong lúc đó. Ngài đã làm cho linh hồn tôi cảm được Ngài cách mạnh mẽ. Ngay lúc đó, tôi nhận ra nguồn vui Thiên Đàng thật khác với những thú vui trần gian, và tôi bị chìm đắm bởi ước vọng muốn làm cho cuộc kết hợp giữa Thiên Chúa và tôi được kéo dài cho đến đời đời".

Một lần nọ, Mẹ Bề trên của các nữ tu tại trường Gemma đang theo học xin cô giáo và cả lớp của em cầu nguyện cho một người đang hấp hối mà vẫn từ chối lãnh nhận các Bí Tích. Sau giờ cầu nguyện đó, Gemma đã lên thưa nhỏ với cô giáo:

– Ôn đó được nhận lời rồi.

Quả thật, chiều hôm đó mọi người được tin là người đó thực sự ăn năn trở lại, và lãnh nhận ơn an ủi của Đức Tin trước khi qua đời.

Nhiều lần trong cuộc đời, Gemma được lãnh nhận nhiều ơn lạ thường và cảm nghiệm nhiều cuộc gặp gỡ thần bí. Nhiều lần những biến cố này đã gây nên sự hiểu lầm, và từ đó là những lời chế nhạo. Là một người nhạy cảm, Gemma đã phải chấp nhận nỗi khổ tâm này, nhưng Gemma sẵn sàng chịu tất cả để đền tạ Chúa, và tưởng nhớ lại ngày xưa, chính Chúa cũng đã bị nhạo báng và hiểu lầm.

Dù là một học sinh thông minh, Gemma cũng phải bỏ dở việc học trước khi hoàn tất chương trình học, vì mắc một chứng bệnh kinh niên. Sau này, Gemma còn bị một số bệnh nan trị khác.

Thân phụ Gemma là dược sĩ, với nghề này, ông dư sức để nuôi sống gia đình. Nhưng vì lòng rộng rãi sẵn sàng giúp đỡ những người nghèo khó, nên không lâu sau, gia đình bắt đầu phải sống trong cảnh túng thiếu. Thêm vào đó, sau cái chết của ông vào năm 1897, Gemma và những người con khác của ông phải sống côi cút không một đồng dính túi. Gemma thật buồn vì cái chết của cha, nhưng đối với hoàn cảnh túng bấn của mình, Gemma không tỏ ra buồn phiền là mấy. Ngay hôm an táng cha cô, một số người chủ nợ đã đến lấy đi vài đồ vật còn lại trong nhà, điều này làm cho tâm hồn Gemma cũng cảm thấy phiền muộn, nhưng cô luôn giữ được sự bình tĩnh và chấp nhận tất cả.

Theo gương cha, Gemma có một lòng yêu thương bao la đối với người nghèo, nên mỗi lần đi đâu, nhiều người liền đến xin giúp đỡ. Khi có của gì, Gemma sẵn sàng cho hết, và khi chính cô cũng bị túng cực, thì cô trao ban cho họ tình bạn hữu. Nhiều lần, quên hoàn cảnh của mình, Gemma đã khóc thương cho số phận khổ sầu của họ.

Sau cái chết của người cha thân yêu, tuy mới có 19 tuổi, Gemma đương nhiên trở thành người mẹ của bảy người em. Sau này, khi vài người em của cô đã có thể chia sẻ trách nhiệm với cô, Gemma đến chung sống với một người dì trong một thời gian ngắn. Tại đây, dù Gemma luôn tỏ tình yêu mến đối với chú dì, nhưng cuộc sống quá bận rộn với những giao tế xã hội của họ làm cho Gemma không được vui. Và vì họ là một gia đình khá giả, nên họ cũng muốn

Gemma chia sẻ những niềm vui của họ. Cũng trong thời gian này, có hai thanh niên ngỏ ý xin cưới Gemma, nhưng hơn bao giờ hết, lúc này cô muốn được yên tĩnh và chỉ nói chuyện và cầu nguyện với một mình Thiên Chúa.

Một thời gian sau, Gemma trở về nhà, và cô liền bị bệnh sung màng óc. Từ từ Gemma không thể nghe được nữa, và bắt đầu rụng tóc. Thêm vào đó, chân tay hoàn toàn bị tê liệt. Đối với trần gian, thật là vô phương cứu chữa. Gemma bị liệt giường hơn một năm. Trong suốt thời gian yếu bệnh, điều làm cho Gemma phải buồn khổ hơn cả là đã làm phiền đến thân nhân của cô. Không bao lâu, tin đồn về nữ bệnh nhân anh hùng này đến tai mọi người trong phố, nên nhiều người đã đến để an ủi khuyến khích cô. Với nụ cười tươi và những lời nhã nhặn, Gemma vui vẻ đón tiếp mọi người.

Thêm vào những bệnh tật, Gemma cảm thấy như luôn bị ma quỷ cám dỗ, nên cô cầu xin sự phù trợ của Thánh Gabriel Possenti, Dòng Thương Khó (lúc đó mới là Chân Phước). Thánh Gabriel hiện ra với Gemma một đôi lần, hứa sẽ trợ giúp cô và gọi cô là "em". Qua lời cầu bầu của ngài, Gemma được lành bệnh cách lạ lùng.

Trong một lần hiện ra với cô, Thánh Gabriel đặt dấu hiệu của Dòng Thương Khó trên người Gemma. Khi Gemma tỏ ý muốn gia nhập một dòng tu, Ngài nói Gemma hãy thực hiện lời khấn để trở thành một nữ tu, nhưng đừng thêm điều gì vào lời khấn này. Thánh Gabriel có ý nói với Gemma rằng dù sau này cô sẽ sống cuộc sống của một nữ tu, nhưng cô sẽ không bao giờ gia nhập một dòng tu nào. Quả thật, sau này, Gemma đã bị từ chối gia nhập đời sống tu trì vì sức khỏe cô quá yếu. Gemma dâng mỗi thất vọng này lên Chúa như một của lễ hy sinh.

Được ơn tiên tri, Gemma tiên đoán sau này một tu viện của Dòng Thương Khó sẽ được thiết lập tại Lucca; hai năm sau khi Gemma qua đời, lời tiên tri này thành sự thật. Và khi tự biết rằng mình sẽ không được gia nhập Dòng Thương Khó, Gemma nói: "Dòng Thương Khó không muốn tiếp nhận tôi; nhưng vì tôi muốn ở với họ, nên sau khi chết tôi sẽ được ở với họ". Ngày nay, xác của Gemma vẫn được lưu giữ tại tu viện Dòng Thương Khó ở Lucca.

Ngày 8 tháng 6 năm 1899, Gemma được một điềm báo từ trong tâm hồn cho biết sắp được lãnh nhận một ơn đặc biệt. Gemma thưa với Cha giải tội về vấn

đề này, và sau đó đã lãnh nhận ơn xá giải. Sau này, Gemma thuật lại với Cha linh hướng như sau: "Hôm đó là chiều ngày thứ Năm, tự nhiên con cảm thấy trong nội tâm thật phiền muộn vì mọi tội lỗi của con; sự phiền muộn này mạnh mẽ đến nỗi cả sau này, không bao giờ con cảm được như vậy nữa; mỗi đau khổ đó làm cho con cảm thấy như con phải chết ngay tại chỗ. Sau đó con cảm thấy tất cả sức mạnh của linh hồn con được dồn vào việc cầu nguyện. Trí khôn của con hầu như không còn biết sự gì khác ngoài tội lỗi con, và những tội lỗi đó đã xúc phạm đến Chúa thế nào... Lúc đó trong con đầy đặc những tư tưởng; những tư tưởng đó là đau khổ, yêu mến, lo sợ, hy vọng, và an ủi."

Trong khi xuất thần, Gemma được thấy người Mẹ trên trời của cô, Mẹ đã bao bọc Gemma trong tà áo của Mẹ. Ngay lúc đó, theo lời tường thuật của Gemma: "Chúa Giêsu xuất hiện với các vết thương rộng mở của Người; tuy máu không trào đổ ra, nhưng có ngọn lửa. Ngọn lửa này đã đụng đến tay, chân, và trái tim con. Con cảm thấy như đã ngã xuống và đã chết, nhưng Mẹ đã nâng đỡ con và gìn giữ con dưới áo Mẹ. Con đã ở trong tình trạng đó suốt mấy giờ đồng hồ liền. Rồi Mẹ hôn lên trán con, và cuộc thị kiến chấm dứt. Lúc đó con đang quỳ, và cảm thấy chân, tay, và trái tim con đau đớn dữ dội. Con chỗi dậy bước lên giường, lúc này con mới thấy máu chảy ra từ những chỗ con đau nhức. Con băng bó cẩn thận bao nhiêu có thể, và với sự trợ giúp của Thiên thần Bản mệnh của con, con đã nằm được lên giường".

Hôm sau, Gemma bọc tay mình bằng đôi găng tay, và dự Thánh Lễ như thường. Sau đó, Gemma cho một người đi xem những dấu thánh.

– Dĩ hãy xem, Chúa Giêsu đã làm gì nơi cháu.

Mỗi buổi chiều thứ Năm, Gemma lại xuất thần, và các dấu thánh lại xuất hiện. Những dấu thánh này lưu lại cho đến trưa thứ Sáu hay sáng thứ Bảy, cũng lúc này máu mới hết chảy và vết thương mới đóng lại, chỉ để lại một vết trắng ở vết thương. Sau này, một trong những Cha linh hồn của Gemma đã nại đến khoa học, và nhờ một bác sĩ kiểm soát những dấu thánh. Và như Gemma đã thấy trước, viên bác sĩ chỉ coi đó là triệu chứng của một chứng bệnh nào đó, hoặc chỉ là sự ảo tưởng của một linh hồn quá sốt sắng.

Các dấu thánh này tiếp tục xuất hiện cho đến ba năm trước khi Gemma qua đời. Vì lúc này, Cha linh hồn ngăn cản cô không được lãnh nhận hiện tượng phi thường này, và qua lời cầu nguyện của cô, hiện tượng này đã chấm dứt,

nhưng vết trắng vẫn còn lại trên da cho đến ngày Gemma chết.

Nhờ sự giúp đỡ của Cha giải tội, Gemma đã đến sống với gia đình ông Giannini. Ở đây, cô được tự do hơn ở nhà để sống đời sống thiêng liêng. Cô rất biết ơn gia đình này, vì hơn một lần, trong cơn xuất thần, người ta được nghe cô cầu nguyện cho gia đình này. Gemma vui vẻ làm mọi việc trong nhà và giúp vào việc dạy dỗ các em nhỏ.

Rất nhiều tài liệu về các lời nói của Gemma trong cơn xuất thần vẫn còn được lưu giữ. Trong tình trạng xuất thần này, linh hồn được tan hoà trong Thiên Chúa đến nỗi mất hết mọi cảm giác bình thường. Cha giải tội và một người thân của cô là Cecilia thường được nghe những lời của Gemma và viết xuống những lời đó.

Có lần Cha Germanô nghe được Gemma tranh biện với sự công bằng của Thiên Chúa và phần rỗi của một linh hồn. Đây là một vài lời của cô: "Con không tìm sự công bằng của Chúa, nhưng tìm tình thương xót của Chúa. Con biết ông ấy làm cho Chúa phải rơi lệ; nhưng... Chúa không được nghĩ đến tội của ông ấy; Chúa phải nghĩ đến Máu Chúa đã đổ ra. Và, lạy Chúa Giêsu, xin Chúa hãy trả lời, Chúa hãy nói với con là Chúa đã cứu tội nhân của con". Gemma thực sự đã kêu tên người mà cô đang cầu nguyện cho. Một lúc sau, Gemma vui mừng hơn hờ kêu lên:

– Ông ấy đã được cứu rồi! Lạy Chúa Giêsu, Chúa đã toàn thắng, Chúa luôn toàn thắng.

Sau đó, Gemma hết cơn xuất thần.

Cha Germanô vừa ra khỏi phòng, thì nghe có tiếng gõ cửa, và được người nhà cho biết là có một người lạ mặt muốn gặp ngài. Vừa thấy cha, người lạ mặt liền quỳ xuống với hai hàng lệ tuôn rơi, ông thưa với cha:

– Thưa cha, con muốn được lãnh ơn xá giải.

Sự xuất hiện và lòng thông hối của người lạ mặt làm cho Cha phải kinh ngạc, vì người đó chính là tội nhân mà Gemma nhắc đến trong cơn xuất thần.

Ngoài những lần xuất thần, Gemma còn thường xuyên được gặp Thiên thần

Bản mệnh của cô, những cuộc gặp gỡ này thường rất thân mật. Có khi ngài bảo vệ và an ủi cô, lúc khác ngài khuyên bảo cô, và đôi khi ngài cũng khiến trách cô nặng lời vì những lỗi lầm của cô bằng những lời như, "Ta thật xấu hổ vì em". Và cũng có lần, người ta nghe thấy cô tranh luận với Thiên thần bản mệnh của cô, đến nỗi Cha linh hướng của cô nhắc cô phải luôn nhớ là mình đang nói chuyện với một Thiên sứ, nên luôn phải có sự kính trọng. Hầu hết các trang trong tập nhật ký của cô đều có nhắc đến Thiên thần. Trong một đoạn, Gemma viết, trong gần nửa tiếng đồng hồ ma quỷ liên tiếp đánh lên vai tôi. "Sau đó, Thiên thần bản mệnh của tôi đến và hỏi tôi bị gì vậy; tôi nài xin Ngài đêm đó hãy ở lại với tôi, và ngài nói, 'nhưng ta phải ngủ chứ', tôi liền trả lời, 'không được, Thiên thần của Chúa Giêsu không được ngủ.' Ngài liền cười và nói, 'dù vậy, ta cũng phải nghỉ chứ, em định cho ta nghỉ ở đâu'. Tôi xin Ngài ở gần tôi. Rồi tôi lên giường. Sau đó Ngài lấy cánh của Ngài bao phủ tôi, và đứng ở phía đầu tôi. Mãi đến sáng Ngài vẫn còn đó."

Một trong những việc lạ lùng nhất xảy ra trong đời của Gemma là nhiều lần cô đã nhờ Thiên thần Bản mệnh của cô đi làm vài việc cho mình, thường là để chuyển một lá thư hay đem tin đến cho Cha Germanô, lúc đó đang ở Rôma. Thường thì Thiên thần Bản mệnh của Cha lại đem những câu trả lời của Cha đến cho cô. Vì thấy việc này quá khác thường, nên nhiều lần Cha Germanô xin Thiên Đàng cho ngài một dấu để biết việc này có hợp với Thánh Ý Chúa không. Sau khi Gemma chết, ngài viết: "Không biết tôi đã phải thử đến bao nhiêu lần! Nhưng không bao giờ cuộc thử nghiệm của tôi bị thất bại, và vì thế hết lần này đến lần khác, tôi phải nhận rằng, hiện tượng này cũng như những hiện tượng phi thường khác xảy ra trong cuộc đời của cô, xem ra như Thiên Đàng đã vui sướng trong cuộc vui ấy với người tớ nữ đáng yêu và ngây thơ này".

Trong khi điều tra về cuộc đời của cô, mọi người đều làm chứng rằng những thái độ của Gemma không có gì là giả tạo. Sau mỗi lần xuất thần, cô trở lại bình thường và tiếp tục sống trong yên tĩnh. Hầu như không ai biết đến những việc hy sinh đền tội nhiệm nhặt của cô, cả những người rất thân thiết với cô. Chỉ có vài người chung quanh cô được hân hạnh biết cô là một người đặc sủng với Thiên Chúa.

Mặc dầu rất nhiều biến cố xảy đến với cô, Gemma đã hiểu được niềm vui chân thật của con đường sống của cô, cô nói, "Thánh giá và đau khổ chỉ là

không, khi chúng ta kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu".

Đến tháng Giêng năm 1903, Gemma được biết là đã mắc bệnh phổi. Sau khi biết bị bệnh phổi, cô đến sống trong một căn phòng nhỏ gần nhà ông Giovanni, để tránh sự nguy hiểm cho gia đình ông. Trong bốn tháng trời, Gemma can đảm chịu bệnh, không một lời than trách. Với sự trợ giúp của Cha xứ, Gemma qua đời trong âm thầm ngày 11 tháng 4 năm 1903. Sau này, vị linh mục trên đã làm chứng: "Tôi đã hiện diện bên giường nhiều người hấp hối, nhưng tôi chưa thấy ai chết như Gemma, không một dấu hiệu báo trước, không một giọt lệ, và hơi thở vẫn đều hoà. Gemma chết với một nụ cười vẫn còn trên môi, đến nỗi tôi không thể tin rằng cô đã chết".

Năm 1917, Giáo quyền bắt đầu tra xét cuộc đời của Gemma, và năm 1933, cô được phong Chân phước. Sắc lệnh chấp nhận phép lạ để phong thánh được tuyên bố ngày Chúa nhật Lễ Lá 26 tháng 3 năm 1939. Gemma được tôn phong Hiển thánh ngày 2 tháng 5 năm 1940, chỉ 37 năm sau khi qua đời.

Chân Phước Laura Vicuna

Dâng hiến mạng sống để cứu người mẹ khỏi truy lạc.

(1891 – 1904)

Laura Vicuna sinh trưởng trong một xã hội cũng như ngày nay, nhiều cặp vợ chồng sống trong tội lỗi. Lúc chết, Laura mới có 13 tuổi, nhưng ngay từ tấm bé, em đã hiểu được cuộc sống tội lỗi của mẹ em. Khi nhận thấy rằng không gì có thể làm cho mẹ em cắt đứt mối giây ràng buộc này, em đã tự ý dâng hiến cuộc đời cho Thiên Chúa để cầu nguyện cho người mẹ thân yêu của em.

Laura Vicuna sinh tại Santiago, Chí Lợi, ngày 5 tháng 4 năm 1891. Cha em là một người lính thuộc gia đình quý phái. Ba tháng trước ngày Laura sinh ra, một cuộc cách mạng và nội chiến bùng nổ, nên ông Vicuna đã cùng với vợ là bà Mercedes và đưa con đầu lòng phải tị nạn chính trị tại vùng núi Andes.

Không lâu trước ngày sinh nhật thứ ba của Laura, và sau khi em của Laura là bé Julia chào đời, ông Vicuna qua đời, để lại người vợ goá nuôi dưỡng đoàn con thơ. Bà Mercedes đưa các người con gái bà đến thành phố Las Lajas, với hy vọng ở đây bà có thể tìm được việc làm nấu nướng hoặc giặt quần áo. Tại đây, bà gặp ông Manuel Mora, chủ một doanh trại lớn của vùng đó. Ông Manuel tình nguyện giúp đỡ bà, nhất là về tài chính, để con cái bà có thể đi học tại trường do các nữ tu Dòng Sa-lê-diêng (Nữ Tử Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp) coi sóc. Để đền đáp công ơn ông, bà Mercedes chấp nhận để làm vợ lẽ của ông.

Khi Laura được 8 tuổi, do sự đề nghị của một linh mục Dòng Sa-lê-diêng, bà Mercedes cho 2 chị em Laura đi học tại Junin. Đối với Laura, cuộc sống ở trường học thật hạnh phúc. Ở đây, Laura được học về Thiên Chúa và tình yêu của Người, và được dạy phải đáp trả tình yêu này bằng đức bác ái với chị em học sinh tại trường. Tại trường, Laura trôi vượt chúng bạn về thể thao, và là bạn của mọi người. Em giúp những bạn học nhỏ tuổi hơn em trong những công việc hằng ngày như dọn dẹp giường chiếu, chải tóc, hay may vá quần áo. Đôi khi em đóng vai sứ giả hoà bình mỗi khi những trẻ khác cãi lộn với nhau. Nếu Julia em của em có gì lầm lỗi, Laura nhẹ nhàng sửa lỗi cho em. Laura thực sự là mẫu gương cho mọi trẻ khác phải cố gắng noi theo. Thêm

vào đó, em đứng đắn đoan trang và thông minh hơn những trẻ khác cùng tuổi. Ngay từ nhỏ, em đã có một sự hiểu biết sâu xa đối với đời sống cầu nguyện, thêm vào đó, vì có khiếu "lãnh đạo," nên em có thể tạo một bầu khí vui tươi sôi sảng nhiệt thành nơi các bạn bè.

Ngay kỳ nghỉ hè đầu tiên, em đã có thể nhìn ra lối sống tội lỗi của mẹ em. Thêm vào đó, ông Manuel thường hay say rượu, và trong những lúc này ông thường đòi ôm hôn Laura, em phải cố gắng lắm mới thoát khỏi bàn tay của ông. Sau khi biết được chuyện này, mẹ em yêu cầu ông đừng đụng đến con bà. Ông đã giữ như lời bà xin, nhưng trừ lúc ông say rượu. Nên những lúc ông say rượu, Laura phải tìm mọi cách để xa tránh ông.

Laura được Rước lễ lần đầu lúc 10 tuổi. Bà Mercedes đã đến Junin để tham dự buổi lễ; chính trong buổi lễ này, Laura nhận ra là mẹ em không chịu các bí tích. Và em cũng đã sớm nhận ra là mẹ em không được vui cho lắm. Nên em thường dâng lên Chúa lời nguyện này: "Lạy Chúa Giêsu, con mong muốn mẹ con biết Chúa nhiều hơn và được hạnh phúc".

Trong thời gian này, Laura ham muốn đời sống thánh thiện của các nữ tu. Các Sơ đã can đảm từ già quê hương xứ sở và dâng hiến đời sống để phụng sự Chúa trong các nơi truyền giáo. Laura âm thầm hy vọng một ngày nào đó có thể theo gương các nữ tu này và trở thành một nữ tu. Có lần Laura nói: "Tôi muốn làm tất cả những gì tôi có thể để làm cho Thiên Chúa được hiểu biết và mến yêu". Một trong những lời nguyện của em là: "Lạy Chúa của con, con muốn mến yêu và phụng sự Chúa suốt đời con". Một lần nọ, lúc Laura được 11 tuổi, Đức Cha John Cagliero đến thăm trường em đang theo học, và Laura xin Đức Cha để được trở thành một nữ tu Dòng Sa-lê-diêng. Đức Cha liền cười và nói:

– Hỡi con, hãy chờ một thời gian nữa.

Nhưng Laura không muốn chờ. Nhiều lần Laura xin Cha giải tội của em cầu nguyện cho em và xin Chúa cho biết Thánh Ý Chúa đối với việc em muốn trở thành một nữ tu Dòng Sa-lê-diêng. Vị linh mục này rất thông cảm với em, và đồng ý là em thật sự có ơn gọi sống đời tu trì, nhưng cả hai đã giữ bí mật chuyện này.

Mùa hè năm 1901, Laura trở về nông trại để nghỉ hè. Hơn bao giờ hết, ông

Manuel tỏ ra càng để ý đến Laura hơn, vì ông thường nịnh hót và hay làm phiền em. Với lời cầu nguyện và luôn thận trọng, em quyết chí bảo vệ đức trinh khiết của em. Hằng ngày, em luôn xin Chúa:

– Lạy Chúa, xin đừng để con làm mất lòng Chúa.

Dù tìm mọi cách để tránh né, nhưng ngày kinh hoàng kia cũng đã đến; Laura bị ông Manuel bắt gặp đang ở một mình. Ông tiến lại gần, và tính làm những điều không hay, Laura phải cố gắng lắm mới thoát khỏi tay ông, rồi em chạy ra ngoài. Dù thoát thân, nhưng Laura biết là ông Manuel sẽ không chịu bỏ qua. Đúng như Laura đã tiên đoán, mấy hôm sau, trong một cuộc hội làng, ông Manuel tiến lại bên Laura, và mời em vũ với ông. Laura đã thẳng thắn khước từ, bất chấp lời đe dọa của ông Manuel và lời khuyên của mẹ em. Tối hôm đó, Laura phải tìm một chỗ thanh vắng để lẩn trốn, trong khi đó, ở nhà, ông Manuel tràn đổ cơn giận của ông trên người mẹ không may của em. Để trả thù, ông không chịu tiếp tục trả tiền học phí cho Laura, nhưng các Sơ tại trường biết được những gì đã xảy ra, nên sẵn sàng cho các em được học miễn phí. Nhưng vì bà Mercedes cảm thấy hổ thẹn với tấm lòng bác ái của các Sơ, nên chỉ cho Laura tiếp tục học, còn giữ em Julia ở nhà với bà.

Đến lễ Phục Sinh năm 1902, Laura được Đức Cha Cagliero cho chịu phép Thêm Sức. Sau đó, Laura nhận thấy em chưa dâng lên Thiên Chúa của lễ hy sinh cao trọng nhất để cầu cho mẹ em, nên Laura xin Cha giải tội để được phép dâng hiến chính mạng sống em cho Thiên Chúa xin ơn cải thiện cho mẹ em. Nhận thấy mình đang đối diện với đứa trẻ trước đây đã được lãnh nhận biết bao ơn phúc thiêng liêng, vị linh mục cho phép em làm như điều em xin.

Vào mùa đông năm 1903, Laura bị bệnh. Mẹ em xin em hãy trở về nhà với bà, nên Sơ giám đốc nói với Laura:

– Mẹ con cần con hơn là con cần mẹ con. Con nên về.

Tại nông trại, thay vì khoẻ hơn nhờ khí hậu trong lành và sự giúp đỡ của thân nhân, thì sức khoẻ của Laura mỗi ngày mỗi trầm trọng hơn. Trong lúc này, em cảm thấy của lễ hy sinh của em đã được Thiên Chúa chấp nhận, nên em không nghĩ là em sẽ khoẻ lại.

Lúc đầu, không mấy lúc ông Manuel ở trong nông trại, nhưng mỗi khi ông

về, Laura nhận thấy ông rất lạnh nhạt với mẹ em, nhất là trong những lúc ông say rượu, ông nhìn Laura bằng một cặp mắt trong đó nói lên một khát vọng bất chính. Bà Mercedes cũng nhìn ra điều đó, nên dù bị đe dọa, bà cũng đã cùng với các con của bà dọn đến Junin, và mượn một căn nhà nhỏ để ở.

Đêm hôm 14 tháng 5 năm 1904, ông Manuel, với lòng tức giận, và say sưa trong rượu chè và dục tình, đã vào phố, và muốn nghỉ đêm tại nhà mẹ con bà Mercedes. Với một cái roi trên tay, ông bắt bà Mercedes phải bằng lòng cùng với các con của bà trở về nông trại với ông.

Dù với thân hình rất mệt mỏi và xanh xao, Laura nhất quyết tuyên bố:

– Nếu ông ở lại, con sẽ đi.

Không chờ câu trả lời, cô bước ra ngoài.

Ông Manuel tức đến điên người. Ông liền đứng lên theo em ra ngoài, thấy nguy hiểm, bà Mercedes thất thanh bảo Laura chạy lẹ đi. Laura định chạy đến nhà các Sơ để trú thân, nhưng đến giữa đường thì bị ông Manuel đuổi kịp. Ông đánh, ông đá em, trong khi em nằm trên mặt đường kêu cứu. Có mấy người gần đó liền chạy ra, ông liền khiêng người em lên và định đặt lên lưng ngựa của ông, nhưng khi thấy nguy hiểm, ông lại ném em xuống đường, rồi bỏ đi.

Laura bị đánh bất tỉnh. Sức tàn của em còn kéo dài được 7 ngày, trong khi mẹ và em của Laura ngày đêm săn sóc cho em. Sau cùng, em tỏ cho mẹ em biết một bí mật mà em đã giấu mẹ từ lâu:

– Thừa mẹ, con sẽ chết, nhưng con rất vui mừng để hy hiến cuộc đời con cho mẹ. Con đã xin Chúa điều này.

Bà Mercedes quỳ sụp xuống đất khóc nức nở. Bà rất biết nỗi lòng của con bà; bà liền xin Laura tha thứ cho bà, cũng như xin Chúa ơn tha thứ. Bà hứa sẽ sống một cuộc đời mới. Sáu giờ chiều ngày 22 tháng 11 năm 1904, Laura qua đời. Ngay sau đó, bà Mercedes đến nhà thờ xin lãnh ơn hoà giải. Nhờ người con gái dũng cảm của bà, bà đã trở về làm hoà với Thiên Chúa.

Dự án phong chân phước của địa phận được bắt đầu ngày 19 tháng 9 năm

1955, và Laura Vicuna đã được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II phong Chân phước ngày 3 tháng 9 năm 1988.

Thánh Nữ Rosa Đệ Lima

"Lạy Chúa, xin gia tăng đau khổ cho con – Cùng với các đau khổ, xin tăng bội tình yêu cho trái tim con".

(1586 – 1617)

Năm 1533, phần đất Peru màu mỡ ở Nam Mỹ, được tìm thấy bởi một nhóm người Tây Ban Nha dưới sự lãnh đạo của ông Phanxicô Pizarro. Peru trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và thủ đô ban đầu đặt tại Cuzco, sau dời về Lima, "kinh thành các vua".

Chính tại đây, ông Gaspar de Flores, người Tây Ban Nha, đã cưới người vợ bản xứ là bà Maria d'Olivia. Ông bà sinh được mười người con. Ngày 20.4.1586, một bé gái chào đời. Vì quá yếu ớt nên bé đã được Rửa tội ngay tại nhà. Người ta lấy tên thánh của mẹ đỡ đầu là bà Isabel de Herrera và đặt tên cho bé là Isabella. Ít tuần sau, cha mẹ đưa con tới nhà thờ Thánh Sebastien để Cha sở, là Cha Don Antonio Polanco, làm phép bù cho bé. Sau này bé lãnh phép Thêm sức do Đức Cha Toribio, Tổng Giám Mục thành Lima. Trong dịp đặc biệt này, bà Maria d'Olivia thấy có một bông hồng lạ ở trong nôi con, nên tên thánh khi chịu phép Thêm sức của bé đã được đặt là Rose (Hong).

Bé Hồng có bộ tóc xoắn rất xinh. Hồi chừng 4-5 tuổi, khi đang chơi với người anh tinh nghịch, bé đã bị cậu ném bùn dơ lên tóc. Bé kêu lên cảnh anh, nhưng cậu ta chẳng những không ngưng, mà còn cảnh cáo:

– Sao mày hô hoán lên thế! Mày không biết rằng lửa Hoả ngục sẽ thiêu rụi bộ tóc của những người kiêu ngạo chỉ để ý đến bộ tóc đẹp như của mày sao?

Nghe anh cảnh cáo thế, Bé oà lên khóc. Nhưng cũng từ đó bé đổi hẳn thái độ. Bé lấy kéo cắt ngay đi những lọn tóc quăn óng ả, và từ đây không để tính tự ái ngăn cản ước muốn vào Thiên Đàng của bé. Khi biết được chuyện, ba má đã la rầy bé về việc cắt tóc, nhưng bé nhẫn nhục chịu la và nhận hình phạt.

Có lẽ cô Hồng đã đọc truyện Thánh Catarina Siena, và chịu ảnh hưởng nhiều về đời sống thánh thiện của vị Thánh nữ Tiến sĩ này. Thật vậy, từ khi lên

mười, cô bé đã từng cảm nghiệm được Tình yêu Chúa mãnh liệt. Mỗi lần quỳ trước Thánh Thể, cô bé như được bao phủ bằng sự hiện diện đích thực của Chúa. Cũng chính vì thế, vào thời gian này, cô bé đã tự ý và âm thầm khăn giữ Đức Khiết Trinh để chứng tỏ lòng luôn luôn yêu mến duy một mình Chúa Giêsu.

Bé Hồng lây cái tính sợ bóng tối của bà thân mẫu: cả hai mẹ con không bao giờ dám tới chỗ tối. Tuy sợ bóng tối, nhưng khi cầu nguyện, thì cô bé lại thích ở một mình trong bóng tối, vì lúc ấy cô được hoàn toàn hướng về Chúa mà không bị ai thấy. Một đêm kia Hồng nán lại cầu nguyện lâu hơn tại một cái chòi ngoài vườn. Bà mẹ sợ có chuyện gì xảy ra cho con gái, mà bà lại sợ tối, nên đã nhờ chồng dẫn ra. Khi thấy cha mẹ tới, Hồng ngưng cầu nguyện, đứng dậy và xin lỗi cha mẹ. Trong lúc về, cô tự nghĩ, "Mặc dầu má cũng nhát như mình, thế mà má cảm thấy an toàn khi có ba ở gần. Vậy sao mình lại sợ bóng tối khi biết chắc chắn có Chúa Giêsu, Bạn Trăm Năm luôn ở bên?" Bị cảm kích bởi ý tưởng đó, Hồng đã sửa được tính nhát, không còn sợ bóng tối nữa.

Trong cảnh nhà đông con, ông thân sinh lại buôn bán thua lỗ, nên gia đình phải sống trong cảnh thiếu thốn. Hồng phải cuốc đất trồng bông và thường đem bông ra chợ bán. Cô tỏ ra thành thạo trong việc bán bông. Anh cô, Fernand, là người thông cảm và hiểu em mình có khiếu buôn bán khác với các em khác. Khi Hồng tới tuổi trưởng thành, có nhiều chàng mong được xe duyên với cô. Vì vậy, ông bà thân sinh đã quan tâm nhiều đến việc chọn bạn trăm năm cho con, nhưng Hồng một mực từ chối. Cũng vì nhất định từ chối việc kết hôn mà Hồng suốt hơn mười năm đã lãnh biết bao cay đắng, bao khổ đau từ mọi phía. Song song với việc từ chối kết hôn, cô nhất quyết xin cho được nhập Dòng ba Thánh Đaminh lúc 20 tuổi, và đã tự ý khăn sống Khiết trinh trọn đời.

Từ thời thơ ấu, khi mới lên 4-5 tuổi, Hồng đã can đảm dẹp tự ái và hy sinh cắt đi những lọn tóc xinh xắn, nên cô đã được Chúa ban cho hiểu biết con đường dẫn tới Chúa là những đau khổ và hy sinh, hy sinh những gì ưa thích nhất và can đảm gánh chịu những gì trái ý nhất. Bài học đó, cô đã từng học được qua những lần cầu nguyện lâu giờ, khi nhìn ngắm tượng Chúa chịu nạn, với mào gai, với những vết thương đâm máu xé nát toàn thân! Vì thế, để nên giống Chúa, cô đã xoay xở tìm mọi cách hy sinh. Chẳng hạn, nhiều lần chỉ ăn

bánh mì với chút nước lã; cũng nhiều khi không ăn uống gì cả. Càng lớn lên, cô càng tìm nhiều cách phạt xác. Cô lấy những cây có chất hoá học đốt cháy để bôi lên mình, làm cho cháy da; hoặc tìm những cây có lông ngứa, cọ xát vào mình để chịu ngứa mà không gãi suốt ngày; hoặc dùng roi đánh tội đến chảy máu. Khi được phép cha mẹ, cô đã dọn ra sống tại cái chòi ngoài vườn. Ở đây, cô làm một giường bằng gạch và rễ cây lộn cộm, khiến thân xác không thể tìm thấy thoải mái trong giấc ngủ. Khi bà thân mẫu muốn cô đội một vòng hoa, cô theo lời mẹ, nhưng đã độn một ít gai nhọn ở trong vòng. Bên cạnh chòi, cô làm một nhà nhỏ để thường xuyên săn sóc những người già yếu không được ai săn sóc thuốc thang, cơm nước.

Đề thương công hy sinh nhiều của cô, Chúa Giêsu và Đức Mẹ hiện ra với cô nhiều lần. Chúa hiện ra với dáng vóc và trạc tuổi cô. Hồng rất tôn kính, mến yêu và phởn thác nơi Đức Mẹ. Có những đêm kéo dài với hy sinh, cô thường xin Đức Mẹ đánh thức kịp giờ tham dự Thánh lễ. Mỗi sáng khi thức dậy, cô được thoáng thấy gương mặt Đức Mẹ trong ánh bình minh. Ngoài ra, Hồng còn được Thiên thần Bản mệnh thường xuyên hiện ra để cùng cầu nguyện với cô, an ủi hoặc dạy cô tập nhân đức.

Càng lớn tuổi Hồng càng tìm mọi cách hy sinh và phạt xác cách dững cảm hơn. Để noi gương Chúa Giêsu và cảm thông sự thương khó của Người, cô thường vác một cây thập giá nặng ở ngoài vườn, và thường dùng xích sắt đánh phạt mình. Suốt đời cô mang trên ngực lời tâm niệm và cầu nguyện này: "Lạy Chúa, xin gia tăng đau khổ cho con – Cùng với các đau khổ, xin tăng bội Tình yêu cho trái tim con". Cô đã được Tình yêu Chúa thiêu đốt và thúc bách, đến nỗi chỉ nói về Chúa. Khi nhìn thấy cô hoặc nghe cô nói, người ta thấy như những lưỡi lửa từ cô thấu nhập vào người nghe. Hiện tượng này cũng thường xảy ra khi người ta thấy cô chầu Thánh Thể và khi cô rước lễ.

Chúa đã ban nhiều đặc ân cho Hồng, nhưng đời cô cũng bị bao phủ bằng đau khổ từ lúc bốn, năm tuổi. Quý dũ cũng được phép bủa vây cô bằng nhiều thứ cám dỗ, và nó chỉ giảm bớt cám dỗ khi nào cô chịu giảm bớt hãm mình hoặc ươn ái kéo dài giờ ngủ. Trong một thời gian khá lâu, cô bị các linh mục kiểm tra và các bác sĩ khám nghiệm những hiện tượng siêu nhiên nơi cô. Nhất là suốt ba năm cuối đời, cô bị chính quyền quản thúc, dưới sự chèn ép của Don Gonzalo de Massa và bà vợ ông ta. Tại đây, cô chịu mọi cực khổ trong cơn bệnh cuối đời. Nhưng càng đau khổ, cô càng cầu nguyện và luôn lặp lại: "Lạy

Chúa, xin gia tăng đau khổ cho con – Cùng với các đau khổ, xin tăng bội tình yêu cho trái tim con". Trong thời gian bị quản thúc, Hồng từ giã cõi đời ngày 24.8.1617, lúc mới 31 xuân xanh. Rất nhiều người đã đến viếng xác cô trong nhiều ngày, trước khi tiễn đưa cô đến phần mộ.

Mãi sau khi cô Hồng qua đời, dân thành Lima mới hiểu biết và cảm nghiệm sâu xa ảnh hưởng cuộc sống của cô. Họ hết lòng tôn kính cô. Khi quan tài của cô tiến vào phố nhà thờ chính toà, mọi người than khóc tiếc thương cô pha lẫn niềm hân hoan chung của dân thành. Sau cùng di hài của cô được an táng nơi Tu viện dòng Đaminh tại Lima. Vì đã xảy ra nhiều phép lạ và nhiều người được chữa lành khi cầu nguyện trên mộ cô, nên xác cô được di về thánh đường Thánh Đaminh. Ngày nay, xác cô được tôn kính trong một nhà nguyện riêng. Rosa đệ Lima được Đức Giáo Hoàng Clementê X phong thánh ngày 30-8-1671. Thánh Nữ được tôn kính khắp miền Mỹ châu thuộc Tây Ban Nha. Thánh Nữ thường được trình bày với biểu hiệu gồm một cái neo, một triều thiên hoa hồng, và một đô thị. Đặc biệt Thánh Nữ được tuyên xưng làm bảo mạng của Miền Nam Mỹ và của quốc gia Phi Luật Tân.

Thánh Nữ Vicenta Lopez

Ngay từ tuổi thơ đã nhận ra mình có ơn gọi phục vụ trong ngành giáo dục.

(1847 – 1890)

Từ tuổi ấu thơ, Vicenta đã là một đứa trẻ rất đặc biệt. Theo ngôn ngữ ngày nay thì em được kể vào loại "thần đồng". Không những em vượt xa những trẻ em khác về trí thông minh, em còn là một đứa trẻ thật đạo đức, nhất là lòng mến Chúa yêu người. Lúc mới 7 tuổi em đã trở nên người bạn thân với một bà cô đã 46 tuổi đời. Cùng nhau, hai người đã thực hiện công việc bác ái đặc biệt đối với những trẻ nữ sống kiếp tội tở trong thành phố Madrid.

Vicenta Maria Lopez chào đời vào mùa xuân năm 1847, và cũng là người con duy nhất còn sống sót của đôi vợ chồng một luật sư. Vì thế, tất cả tình thương mến của cha mẹ đều đổ dồn vào Vicenta. Em được ba má rất mực cưng chiều, đến nỗi láng giềng hàng xóm nghĩ rằng thế nào rồi em cũng sẽ hư.

Lúc mới ba tuổi, em bắt đầu chính thức theo học; và cũng từ tuổi ấy em bắt đầu đọc và học giáo lý Công giáo. Đến năm sáu tuổi, Vicenta bắt đầu tập viết và học toán. Để giúp cho em mở mang trí khôn, ông thân sinh cho em đọc các tác phẩm của Thánh Têrêxa Avila. Nhờ đó, tuy mới sáu tuổi đầu, em đã có thể quy tụ các trẻ con nhà nghèo trong làng để dạy giáo lý cho chúng. Đối với Vicenta, có thể nói đây là khởi đầu một đời chuyên lo việc giáo dục.

Trong năm 1854, ba má Vicenta đã đưa em đến thăm một bà cô tại Madrid, bà Eulalia. Không bao lâu hai người đã trở nên đôi bạn thân. Cũng trong chuyến viếng thăm này, Vicenta đã nhận ra ơn gọi tông đồ của mình.

Vào giữa thế kỷ 19, nhiều thiếu nữ từ thôn quê đổ về Madrid để kiếm việc làm gia nhân cho các nhà giàu. Lúc đến nơi, họ là những người đói rách, dơ bẩn, lo sợ mọi thứ, và rất nhớ nhà. Phần đông đều mù chữ và cũng không có một khả năng đặc biệt nào. Trong khi tìm chỗ làm, họ phải ở bất cứ chỗ nào có thể tá túc; cũng vì thế, họ thường sa vào nhiều dịp tội.

Bà Eulalia đã lập một nhà gọi là Casita để giúp đỡ những thiếu nữ đó. Vicenta thường đến giúp bà tại trung tâm này. Nhiều năm sau, Vicenta kể lại

kinh nghiệm đầu tiên trong đời làm việc tông đồ: "Lần đầu tiên tôi đến trung tâm Casita và thấy những trẻ nữ tại đây, tôi liền tự nhủ trong lòng, giúp đỡ và dạy dỗ những kẻ bé nhỏ này sẽ là nguồn vui và là công việc của tôi; và những người đầy tớ bé nhỏ không được ai giúp đỡ này, suốt đời sẽ là bạn của tôi".

Đến năm 10 tuổi, Vicenta đến Madrid ở với hai ông bà Eulalia, một phần để giúp bà Eulalia trong việc tông đồ, phần khác để có thể tiếp tục theo học. Vicenta thật vui mừng vì quyết định này. Từ đây, em có thể luôn ở bên các trẻ nữ để giúp đỡ họ. Em là một học sinh rất giỏi và cũng rất siêng năng học hành. Tại đây, không những em học các môn thông thường, mà học cả công việc may vá, học đàn pianô, và một số việc thủ công khác như làm hoa giấy, v.v.

Cũng từ đây, tình bạn thiêng liêng giữa bà Eulalia và Vicenta mỗi ngày mỗi thêm khăng khít. Dù bà Eulalia đã quá tuổi bốn mươi và Vicenta chỉ là một trẻ nhỏ, lòng mến yêu Thiên Chúa đã liên kết hai người trong một tình bạn thiêng liêng. Một tình bạn đã tồn tại qua bao nhiêu thăng trầm suốt cuộc đời của đôi bạn vong niên, một già một trẻ này: đau khổ vì sự mất mát người chồng và người bạn khi ông Eulalia qua đời, chia ly khi Vicenta quyết định sống đời tu trì trong khi bà Eulalia, lúc này đã 68 tuổi, không thể theo đuổi đời tu trì, và cái chết của bà Eulalia vào năm 1877.

Như câu nói của người xưa, "vị thánh buồn là vị thánh đáng buồn", Vicenta là một người có tính tình rất vui tươi. Một ngày nọ, đang khi đau răng, trong một lá thư Vicenta đã viết: "Em vẫn khỏe. Chiếc răng hàm xem ra nó vẫn còn sống, nhưng chắc ngày mai em sẽ lên án tử hình cho nó". Ngày hôm sau khi nhổ chiếc răng đó, Vicenta lấy làm lạ vì không thấy đau đớn gì cả, "nhưng thiệt là đau, khi phải trả bốn chục đồng cho nha sĩ".

Một trong những gánh nặng Vicenta phải gánh chịu suốt cuộc đời là bệnh tật. Vicenta rất thường bị lên cơn sốt rét. Sau này, khi những tật bệnh đó khiến Vicenta quá đuối sức, Chị thường cố gắng dấu những bệnh tật đó đi hoặc không nói đến sức khỏe của Chị. Thực ra, Vicenta quá bận rộn với việc phục vụ người khác, đến nỗi đâu có còn giờ để nghĩ cho mình. Khi được mười lăm tuổi, Vicenta viết thư cho mẹ: "Mẹ đến ở với chúng con, thế nào mẹ cũng khỏi bệnh. Trí tưởng tượng đóng một vai trò rất lớn trong những bệnh tật. Ở đây có nhiều cái làm cho chia trí đến nỗi không còn giờ để suy nghĩ nữa". Đối với Vicenta, "chia trí" đây chính là lo cho những khổ đau của người

khác.

Đối với Vicenta cũng như những cô gái thuộc hàng quý phái trong thời đó, họ phải quyết định một là sống đời hôn nhân, hai là sống đời tu trì. Không ai được theo đuổi một ngành chuyên nghiệp nào, mặc dù Vicenta có dư khả năng để trở nên một bác sĩ, luật sư, hay giáo sư. Vicenta từ từ nghĩ rằng mình có ơn gọi để theo đuổi bậc tu trì. Dù vậy, khi đã đến tuổi lập gia đình, họ hàng thân thuộc cũng gán ghép Chị cho vài người. Trong số đó, một chàng thanh niên với rất nhiều tính tốt đã được họ để ý hơn cả. Nhưng vì họ thấy Vicenta có một đời sống cầu nguyện sâu xa, và thích làm việc bác ái, nên họ sợ Chị sẽ từ chối. Để chắc ăn, họ đã cử một người chị họ đến kể cho Vicenta tất cả những tính tốt của anh chàng. Câu trả lời của Vicenta đã làm họ chung hững:

– Thưa chị, em không lấy một ông vua, và em cũng không lấy một vị thánh.

Sau đó, với phép của Cha linh hướng, Vicenta đã khấn tư giữ đức Khiết tịnh và sẽ vào Dòng. Lúc đó, Vicenta được 19 tuổi.

Cũng quãng thời gian đó, trong khi Vicenta cân nhắc ơn Chúa gọi, và tìm một dòng tu để gia nhập, công việc giúp các trẻ nữ bước vào giai đoạn chuyển tiếp. Bà Eulalia trao công việc này cho một dòng tu, và vì đó, mục đích ban đầu của công việc tông đồ này đã bị thay đổi. Dù sự đổi thay này không có gì là xấu, nhưng bà Eulalia muốn giữ lại mục đích ban đầu của bà. Sau cùng, để được như lòng ước muốn, trung tâm Casita vẫn được trao cho dòng tu nọ, còn bà Eulalia và một người em của bà bắt đầu một trung tâm khác.

Vì bắt đầu lại, Vicenta đóng một vai trò rất quan trọng. Chị là người trẻ nhất và cũng hăng hái nhất trong việc giúp đỡ các trẻ nữ. Cùng một lúc, Chị là quản lý, thư ký kiêm giám thị. Trong những năm trước đó, Vicenta thỉnh thoảng về sống với gia đình một thời gian, rồi lại trở về giúp trung tâm. Nhưng từ ngày có trung tâm mới, Chị quyết định ở lại luôn để làm việc.

Dù tiếp tục giúp các trẻ nữ, Vicenta biết rằng mình cũng có ơn gọi đời tu trì. Gia đình của Chị sẽ vui mừng nếu Chị vào Dòng Thăm Viếng. Vicenta rất ước ao được theo đuổi ơn gọi sống đời tu trì, nhưng đồng thời Chị không muốn bỏ công việc bác ái. Để xin ơn Chúa soi sáng trong quyết định này, Vicenta xin phép để làm tuần tĩnh tâm tại Dòng Thăm Viếng. Những bút tích

Chị để lại trong tuần tĩnh tâm cho ta thấy những tư tưởng hướng dẫn hành động của Chị cũng như sự thánh thiện của Chị.

Chị viết, "Tôi không ngừng cảm thấy bị thúc bách phải tận hiến hoàn toàn cho Chúa, chân tay hoàn toàn bị trói buộc, sẵn sàng thực hiện tất cả những gì Thiên Chúa cao cả muốn nơi tôi. Vì Chúa đã tác thành nên tôi, tôi là vật sở hữu của Người, và tôi thuộc trọn về Người. Nếu Chúa muốn tôi làm việc cho vinh danh Người, tôi phải có nền tảng là sự hư không của tôi, vì nếu tôi có một tư tưởng tốt lành nào, đó là do Thiên Chúa ban cho tôi do lòng rộng rãi vô biên của Người; và tôi phải làm việc với niềm xác tín rằng chỉ có Chúa mới làm được những gì cần phải làm, còn tôi chỉ là một dụng cụ mà Người muốn dùng. Vì thế, tôi phải hăng hái làm việc như thể tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với công việc được trao phó".

Sau tuần tĩnh tâm, Sơ Dominica, cô của Vicenta, đã hỏi cho biết quyết định của Chị. Vicenta đã trả lời:

– Các trẻ nữ đã thắng!

Từ ngày đó, Vicenta sống tại trung tâm với bà Eulalia và một hai người khác, để làm việc cũng như để theo một quy luật giống như luật dòng tu.

Vicenta rất có tài trong việc cư xử với mỗi người theo cá tính riêng của họ. Chị nhìn ra giá trị của họ dưới con mắt Chúa. Chị trọng kính, yêu thương, và luôn sẵn sàng trao ban tất cả những gì họ cần để nên tốt. Vicenta coi các em như con cái mình.

Thêm vào đó, Vicenta là người rất nhanh trí. Rất nhiều lần, nhờ khả năng này mà Chị đã giải quyết được nhiều vấn đề cho các em. Một lần nọ, một cô bé đã trót yêu một thanh niên con của một gia đình giàu có. Bố mẹ của chàng rất buồn bực, vì coi như chàng đã làm nhục gia đình khi muốn cưới một đứa đầy tớ. Vicenta đã hẹn để được gặp hai ông bà. Trước khi hai ông bà có dịp lên tiếng, Vicenta đã điềm tĩnh đòi họ phải đặt tiền hồi môn cho cô bé, để lỡ chàng thanh niên kia có chết và không có con cái để chăm sóc, thì cô ta sẽ không phải trở lại làm đầy tớ. Hai ông bà không thể tưởng tượng được là Vicenta dám đặt điều kiện đó. Sau đó hai ông bà bắt đầu lên tiếng phản đối cuộc hôn nhân này. Nhưng, với biệt hiệu là "Luật Sư" từ lúc còn bé, Vicenta đã trình bày những lý lẽ hùng hồn để biện minh cho tình yêu của hai đứa, đến

nổi sau cùng hai ông bà đã phải đồng ý.

Một lần khác, một gia đình nghèo đã đem người con gái nhỏ của họ đến trung tâm để xin cho em có nơi ở và được dạy làm các việc nội trợ trong khi họ đi tìm việc. Khi thấy cô bé này thật là rách rưới, như bẩn, đầu tóc bù xù, Vicenta liền tắm rửa và cho cô bé một bộ đồ mới, để không ai nhìn thấy sự khổ sở của em. Vicenta đã đích thân chải tóc cho em. Với nghĩa cử bác ái đó, tâm hồn cô bé kia đã sẵn sàng để đón nhận tình yêu Thiên Chúa.

Dầu vậy, không phải mọi em đều tốt và biết điều. Có những em đã bỏ đi và theo đuổi một lối sống thật nguy hiểm. Đối với những em đó, Vicenta càng thương họ hơn và vẫn hằng theo đuổi chúng bằng lời cầu nguyện.

Sau nhiều thời giờ suy nghĩ cùng với sự bàn hỏi vị linh hướng, Vicenta và hai phụ nữ khác mặc áo dòng ngày 11 tháng 6 năm 1876, để bắt đầu sống đời tu trì, và lập một dòng mới trong Giáo hội. Cả ba người đã khấn dòng vào năm 1878.

Để sửa soạn cho cuộc khởi đầu trong đời tu trì, ba người đã dự ba ngày tĩnh tâm. Những bút tích Vicenta để lại trong dịp tĩnh tâm này cho thấy tinh thần của Chị đối với công việc lập dòng mới. "Trong những ngày này, con nhận được ánh sáng và tìm được sự an ủi. Nhưng lạy Chúa, con không muốn gì ngoài việc nhận biết Thánh Ý Chúa và thực hiện điều Chúa muốn... Xin Chúa hãy hướng dẫn con trong mọi sự; này con là tó nữ của Chúa. Con cảm tạ Chúa vì đã ban cho con những người nhỏ bé này, những người có thể đem con về Thiên Đàng nếu con dạy cho họ biết kính mến Chúa, nếu con phân rẽ họ khỏi những phù hoa thế tục, những gì chỉ đem đắng cay đến cho họ. Lạy Chúa, xin ban cho con phương tiện để củng cố và làm phát triển công việc này, con tin chắc đó là điều Thánh Tâm Chúa rất hài lòng. Lạy Chúa, này con đây, xin Chúa hãy dùng con theo Thánh Ý Chúa".

Từ sự bắt đầu nhỏ bé đó, một dòng mới từ từ phát triển. Cũng như các tu hội khác, dòng mới này phải trải qua nhiều thử thách và thánh giá, dòng vẫn không ngừng phát triển và nhiều người đến gia nhập. Không lâu sau, tu hội đã mở nhà ở nhiều thành phố khác, những nơi các trẻ nữ đến để tìm việc, để được giúp đỡ và dạy dỗ. Danh hiệu đầy đủ của tu hội là "Dòng Khiết Tâm Mẹ Maria chuyên việc Nội Trợ và Bảo Vệ Giới Trẻ".

Đến tháng Giêng năm 1879, Sơ Vicenta bắt đầu có dấu bị bệnh phổi. Không lâu sau, Sơ hầu như kiệt sức, và vì thế có tiếng đồn là nếu Sơ chết, nhà dòng sẽ không còn ai hướng dẫn. Nhưng Sơ đã trấn an chị em dòng. "Dù người ta nói gì đi nữa, tôi sẽ không chết cho tới khi tôi được 43 tuổi". Sơ còn 10 năm nữa để sống.

Sắc chỉ lập dòng đã được ban hành vào tháng Tư năm 1888. Trong Hiến pháp đã nêu rõ hai mục đích của dòng: thánh hoá bản thân và cứu các linh hồn.

Đến năm 1890, Sơ Vicenta không còn dấu được những cơn đau của mình. Khi còn có thể làm việc, Sơ vẫn tiếp tục làm việc; nhưng đến tháng Chín năm đó, Sơ không thể ra khỏi giường nữa. Và đến tháng Mười Hai, hơi thở trở nên thật đau đớn, đến nỗi Sơ không còn nói chuyện bình thường được nữa.

Ngày áp lễ Giáng Sinh, các chị em dòng lần lượt đến để giã từ, Sơ Vicenta cố gắng nói vài lời, và xin các Sơ đừng bãi bỏ những cuộc vui chơi cho các thiếu nữ, cho dù Sơ có chết ngay trong ngày hôm đó. Sơ Vicenta đã sống qua ngày Lễ Giáng Sinh. Đến trưa ngày 26 tháng 12, sau khi thăm thi, "Lạy Chúa tình thương của con! Giêsu, Maria, Giuse, xin hãy ở bên con," Sơ Vicenta ngả đầu về phía sau rồi qua đời, khi mới 43 tuổi.

Lúc Sơ Vicenta qua đời, Dòng Khiết Tâm Mẹ Maria có năm tu viện đang hoạt động tại Tây Ban Nha. Ngày nay, Dòng vẫn còn tiếp tục công việc tông đồ trong một số quốc gia, đặc biệt tại Âu châu và Mỹ châu Latinh.

Sơ Vicenta Maria Lopez y Vicuna được tôn phong lên bậc Hiển Thánh năm 1975.

Đấng Đáng Kính Zepherin Namuncura

Vị tù trưởng trẻ tuổi, luôn tha thiết đến phần rỗi của bộ lạc.

(1886 – 1905)

Từ ngày mở mắt chào đời Zepherin Namuncura được tiên định trở nên người lãnh đạo của bộ lạc Araucano thuộc miền Pampas, nước Á Căn Đình. Zepherin là người con thứ 8 trong 12 anh chị em của ông tù trưởng bộ lạc, ông Manuel Namuncura. Sau này, lúc đã đến tuổi thành niên, vì có khả năng, và nhất là với trí thông minh, anh đã được chọn để thay Cha lãnh đạo bộ lạc hiếu chiến và hung dữ này. (Theo phong tục, một người trong gia đình sẽ kế vị, nhưng không buộc phải là con trưởng). Nhưng, Zepherin đã dùng cuộc đời ngắn ngủi để tự đào luyện mình trở nên một người lãnh đạo tinh thần. Khát vọng của anh là có thể hướng dẫn dân tộc mình đến tin thờ một Thiên Chúa chân thật.

Không lâu sau ngày Zepherin sinh ra, bộ lạc Araucano, dưới sự lãnh đạo của ông Manuel, đã mở một cuộc tấn công dữ dội sau cùng chống lại quân thực dân Âu Châu đang muốn thôn tính đất nước ông. Cả hai bên đều có những hành động thật dã man đối với nhau. Sau cùng, tướng Julio Roca, Tổng trưởng Bộ Quốc Phòng Á Căn Đình, đã nhất quyết tiến quân với một đoàn binh hùng hậu với ý định tiêu diệt bộ lạc Araucano. Trong trận chiến chớp nhoáng này, quân lính giết được 2000 người mọi trong đó có cả vợ và 4 người con ông Manuel Namuncura. Để tránh khỏi bị tiêu diệt, chỉ có một cách là đầu hàng.

Qua cuộc điều đình của một vị linh mục Dòng Sa-lê-diêng, người ông Manuel tin tưởng, một hiệp ước đã được thành lập: Họ chịu mất vùng đất thuộc về bộ lạc, và tù trưởng của họ sẽ được làm đại tá trong quân đội Á Căn Đình. Hiệp ước này lại được sửa đổi năm 1894, lần này cả bộ lạc bị đẩy xa hơn về hướng tây, đến một vùng thung lũng đất rất xấu gần Alumine, thuộc miền núi Andes.

Khi Zepherin được 2 tuổi, ông Manuel trao con ông cho một vị linh mục Dòng Sa-lê-diêng, Cha Dominic Milanerio, và thưa với Ngài rằng xin dâng người con này, người lãnh tụ tương lai của dân tộc, để được giáo hoá trong

tôn giáo của người da trắng. Tại giếng Rửa tội, vị linh mục đã đặt tên thánh cho em là Zepherin, để kính nhớ một vị Giáo Hoàng tử đạo vào thế kỷ thứ ba. Tên "Zepherin" có nghĩa là "gió", nên rất có thể là vị linh mục này mong rằng vị lãnh đạo tương lai của dân Araucano sẽ là một luồng gió mát dập tắt ngọn lửa chiến chinh trong tâm hồn của bộ lạc này.

Năm 1897, ông Manuel quyết định thi hành quyền làm tướng trong quân đội của ông, và ông đã đem Zepherin, lúc này mới 11 tuổi, để yêu cầu cho em được gia nhập trường võ bị El Tigre. Ông Manuel có ý cho con ông vào đây để học được những binh pháp của người da trắng. Nhưng không may, Zepherin lại là một trẻ mọi duy nhất trong trường, nên các bạn học có những thái độ tàn nhẫn đối với em. Zepherin buồn sầu đến nỗi bắt đầu gầy đi và bị bệnh. Sau đó, theo lời đề nghị của Cha Dominic, Zepherin được chuyển đến một trường của Dòng Sa-lê-diêng ở Buenos Aires.

Tại trường mới, Zepherin chăm chỉ học hành, nên so với các bạn học, điểm của em cũng trên trung bình. Dù vậy, mỗi lần nói đến sách vở, Zepherin không phải là người sáng trí cho lắm, nhưng theo lời thầy giáo của em, Zepherin là người thật "hiếu hoà". Và dù là phải vất vả lắm mới giữ được những chương trình và kỷ luật, vì đã quá quen với đời sống tự do, Zepherin luôn sống vui tươi với chúng bạn. Khi được hỏi em ưa thích điều gì nhất tại trường, Zepherin trả lời: "Nhà thờ và đồ ăn," nhưng em vẫn than phiền rằng em vẫn không được ăn "bánh" tại bàn thờ. Mãi đến năm Zepherin 12 tuổi, chú "tù trưởng" tương lai này mới được dùng "của ăn" này.

Một ngày nọ, đang trong lúc giảng bài, thầy giáo của em thường thấy em nhìn ra ngoài cửa sổ, và giống như đang mơ mộng gì đó. Nhưng mỗi lần ông hỏi Zepherin câu nào, em đều có thể trả lời ngay, nên ông không thể trách em điều gì được. Dù vậy, ông cũng không cho em ngồi gần cửa sổ nữa. Sau giờ học đó, Zepherin xin thầy giáo cho phép em được trở về chỗ cũ. Khi hỏi tại sao, em nói rằng khi ngồi gần cửa sổ em có thể thấy ngọn đèn chầu đang cháy gần Chúa Giêsu trong nhà thờ. Dĩ nhiên, sau khi hiểu được ý của em, thầy giáo liền chiều theo ý muốn của em.

Là một người thích thiên nhiên, nên Zepherin cũng rất yêu chuộng thể thao. Em cưỡi ngựa thật giỏi, và có biệt tài về môn bắn cung. Đôi tay khéo léo của em thường bận bịu luôn với việc làm cung và tên cho chúng bạn và cho chính mình; đôi khi các bạn của em tổ chức cuộc thi bắn cung, và người được chỉ

định làm trọng tài chính là Zepherin.

Trong thời gian trú học tại đây, cha của Zepherin có đến thăm em một lần, và cha em được coi là một vị thượng khách. Cha con được những ngày thật hạnh phúc bên nhau. Khi ông Manuel ra về, ông đã cho Zepherin 10 đồng với lời căn dặn là để dùng vào những việc em thích. Vì cũng như các trẻ khác tại trường, Zepherin thật là nghèo. Quần áo Zepherin mặc thường là những quần áo cũ được chuyển xuống từ những người anh, nên với 10 đồng này, em có thể mua một bộ quần áo mới. Vì thế, vị linh mục coi sóc em thật ngỡ ngàng khi thấy em đem số tiền đó đến cha ngay sau khi cha em ra về, để xin Ngài dùng vào việc trang hoàng toà Đức Mẹ. Nhưng cha không nhận và nói rằng đó là tiền để cho em dùng việc riêng của em. Em liền thưa với cha rằng nếu số tiền đó được dùng vào việc tôn kính Đức Mẹ, thì em sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn. Zepherin còn thêm là em muốn Đức Mẹ thật sự trở nên Nữ Vương của dân tộc em.

Dù tính tình dễ dãi và chân thành của Zepherin làm cho em trở thành một học sinh dễ mến, nhưng đôi lúc bạn bè của em cũng vô ý nói những điều làm cho Zepherin rất đau lòng. Một lần nọ, trong khi nói chuyện về dân mọi, một bạn học của em vô ý đã hỏi Zepherin xem thịt người có mùi vị gì? Không cầm hãm được nổi buồn trong lòng, Zepherin đã cúi mặt xuống và để hai hàng lệ tuôn rơi trên gò má. Dù vậy, Zepherin đã không muốn trách người bạn vô tình này; em liền tiếp tục câu chuyện, nhưng không trả lời câu hỏi của bạn.

Ngày tháng trôi đi thật mau, Zepherin được 17 tuổi, và cũng đã đến lúc phải xa mái trường đã dày công dạy dỗ anh trong những năm qua. Zepherin được hỏi sau này muốn làm gì và Zepherin trả lời là muốn làm linh mục để có thể đem đạo chân thật đến với dân tộc của anh, và mở trường học cho các trẻ em thuộc bộ lạc Araucano. Đức Cha Cagliero và linh mục Giám đốc Dòng Sa-lê-diêng rất mến chàng thanh niên đầy nghị lực này, nên sau khi cho Zepherin biết là chương trình học linh mục không phải dễ dàng, đã sắp xếp để cho Zepherin nhập tiểu chủng viện tại Viedma.

Tại chủng viện, Thầy Zepherin được mọi người quý mến. Thầy tham dự các cuộc chơi thể thao cũng như săn bắn để giải trí, cũng như chăm chỉ học hành, nên không lâu Thầy đã đứng thứ nhì trong lớp. Thầy cũng rất thích dùng các lá bài để làm ảo thuật. Zepherin luôn nhớ lời một vị linh mục truyền giáo tại quê hương Thầy đã nói:

– Hãy phụng sự Chúa trong vui tươi.

Thêm vào việc học hành và giải trí, trong thời gian này Thầy Zepherin cũng rất tận tụy trên đường nhân đức. Thầy thường quỳ trước Chúa Giêsu Thánh Thể để cầu nguyện cho dân tộc Thầy. Vị "tù trưởng" tương lai này vẫn không thể quên nguồn gốc của mình, vì Thầy mãi mãi là một người dân mọi. Một việc sùng kính Thầy ưa thích nhất là lần hạt Mân Côi, cũng là để cầu nguyện cho dân tộc Thầy. Một trong những người bạn cùng lớp sau này đã nói: "Trong sáu tháng sống bên cạnh Zepherin, tôi thấy Thầy làm sống lại tất cả những nhân đức mà tôi đã đọc được trong đời sống của Dominic Savio".

Vào ngày 24 tháng 9 năm 1903, được phép Cha Giám Đốc, Thầy Zepherin tổ chức một cuộc rước tôn kính Đức Mẹ Thương Xót. Tối hôm đó, Zepherin lên giường với thân xác thật mệt nhọc sau một ngày làm việc. Lúc tỉnh dậy, Zepherin thấy mình bị ho ra máu. Một chứng bệnh đang từ từ tiêu diệt bộ lạc của Thầy, giờ đây cũng không dung tha cho Thầy: Zepherin đã bị bệnh ho lao.

Vừa khi biết được tình trạng sức khỏe của Zepherin, Đức Cha liền cho Thầy vào bệnh viện Viedma. Trong thời gian nghỉ bệnh, vị tuyên úy bệnh viện nói về Zepherin như sau: "Tù trưởng trẻ tuổi này rất ít nói chuyện. Chúng tôi luôn có cảm tưởng là Zepherin sống trong sự cầu nguyện liên li. Zepherin không bao giờ tỏ dấu bất nhẫn hay chán nản. Với một nụ cười trên môi, Zepherin cảm ơn mọi người đã giúp đỡ Thầy, và tuân theo bất cứ lời chỉ dẫn nào".

Đến tháng 4 năm 1904, Đức Thánh Cha Piô X cất nhắc Đức Cha Caliegro lên Tổng Giám Mục, và triệu Ngài về Rôma. Nhân tiện, Đức Tổng Giám Mục cũng hỏi Zepherin có muốn theo Ngài đi Rôma, và ở lại đó để tiếp tục chương trình học linh mục không. Vì Ngài hy vọng thời khí ẩm áp sẽ giúp cho sức khỏe của Zepherin.

Sau một tháng trên biển cả, Đức Tổng Giám Mục và Thầy chủng sinh trẻ đã đặt chân lên vùng đất Âu Châu. Đối với Zepherin, mọi sự đều thật lạ lẫm, nhưng điều làm Zepherin chú ý nhất là bức ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp trong Vương cung Thánh đường tại thành Turinô. Bức ảnh này như nam châm, lôi kéo Zepherin đến cầu nguyện để xin sự phù trợ cho dân tộc của Thầy.

Vị linh mục coi sóc Zepherin trong khi Thầy học tại Turinô đã có những lời sau đây nói về Zepherin: "Lần nào tôi muốn tìm Thầy, tôi cũng thấy Thầy cầu nguyện trước ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp". Khi hỏi Thầy cầu nguyện với ý chỉ gì, Thầy luôn trả lời, "Con cầu cho đồng bào của con".

Tại Turinô, Zepherin được hân hạnh chứng kiến vài biến cố quan trọng. Zepherin được chứng kiến cuộc di chuyển thi hài Thánh Gioan Bosco; và cùng với Đức Tổng Giám Mục Cagliari, được yết kiến tư với Đức Thánh Giáo Hoàng Piô X. Trong một lần triển lãm về truyền giáo tại Turinô, Zepherin đã mặc bộ đồ dân da đỏ để triển lãm y phục của dân tộc mình. Tư cách và sự tài khéo của Thầy khiến cho nhiều người phải chú ý, trong số đó có một mệnh phụ đã xin Thầy hướng dẫn đi xem các đồ vật được trưng bày. Mệnh phụ đó chính là Hoàng hậu nước Ý.

Trong thời gian đầu, Zepherin theo học ở một chủng viện tại Turinô. Cha giám đốc đã nói về Thầy: "Thầy có một trái tim nóng cháy tình yêu Chúa. Đó là một trái tim vàng, không thấy sự dửng dưng nơi người khác. Thật là một hạnh phúc được nghe Thầy nói về Thiên Chúa và Đức Mẹ. Thầy yêu Chúa như chúng ta yêu mẹ chúng ta... nồng nàn, mạnh mẽ, như Thầy luôn ở trước tôn nhan Thiên Chúa". Nhưng thật không may, khí hậu của Turinô không ích lợi gì cho sức khỏe của Thầy, nên Thầy đã được chuyển về một chủng viện cách Rôma một vài dặm.

Đến tháng 3 năm 1905, bệnh tình của Zepherin trở nên trầm trọng. Thầy xuống cân một cách mau chóng, và Thầy cảm thấy rất đau đớn. Dù vậy, sự hiền lành và vui tươi vẫn không rời khỏi cặp mắt của Thầy. Về thời gian này, Cha linh hướng của Thầy viết như sau: "Mỗi ngày sức khỏe của Thầy mỗi sa sút, nhưng không bao giờ Thầy bất mãn. Thầy đau đớn, nhưng luôn hăng hái can đảm ôm ấp thánh giá của mình".

Thầy Zepherin được chuyển đến một bệnh viện do các sư huynh tại Rôma điều khiển. Ở đây Thầy can đảm chấp nhận mọi thánh giá đau đớn và luôn dùng tràng hạt Mân Côi để cầu nguyện cho đồng bào. Chúa đã gọi Thầy về ngày 11 tháng 5, bên giường có mấy sư huynh hiện diện cầu nguyện cho Thầy. Thầy Zepherin được mai táng tại Rôma, nhưng sau đó, vì lời yêu cầu của dân trong bộ lạc, thi hài của Thầy được đưa về Patagonia vào năm 1924, và được chôn cất tại trường Fortin Mercedes của Dòng Sa-lê-diêng. Thầy Zepherin được Đức Thánh Cha Phaolô VI nâng lên bậc Đáng Kính năm

1972.

Thánh Nữ Catarina Bô Đào Nha

Bốn mạng của giới nghệ thuật gia.

(1413 – 1463)

Catarina sinh nhằm ngày lễ Truyền Tin cho Đức Mẹ, 25.3.1413. Là ái nữ của nhà quý tộc Gioan thành Vigri, nên từ khi còn rất nhỏ, bé đã được gửi vào dinh của Hầu tước Este tại Ferrara, để cùng với Margarita, ái nữ của ngài Hầu tước, được thụ huấn về mọi phương diện theo cung cách và nếp sống của các thiếu nữ con nhà quý phái. Catarina được rất mực ca ngợi là một thiếu nữ nhan sắc, thông minh, và tâm hồn trong trắng, nhưng dĩ nhiên, nàng mất hẳn quyền lợi danh giá nơi dinh thự, bị từ chối một số các ưu tiên, nhất là từ tuổi 17, Catarina đã gia nhập vào một nhóm thuộc Dòng Ba Thánh Phanxicô tại Ferrara, sau đó Nhóm này sát nhập và sống theo kỷ luật Dòng Thánh Clara.

Trước hết, Catarina đảm trách việc làm bánh, sau làm giáo tập. Thời gian này Chị viết một khái luận quan trọng, với tựa đề "Bảy khí giới thiêng liêng", phản ánh đời sống thần hiệp thâm sâu của Chị. Trong những tác phẩm của Chị để lại, có nhiều sách thu thập các bài huấn đức, cho thấy lòng sùng kính và những lời nói súc tích của Chị. Nhiều tác phẩm nghệ thuật của Chị còn được lưu lại gồm một số hình rất nhỏ và những bức tranh, đáng kể nhất là bức danh hoạ diễn tả việc cầu nguyện.

Catarina được đặc ân có những thị kiến lạ lùng. Chị tiết lộ là đã được Đức Mẹ hiện ra, tay ẵm Chúa Hài Nhi và trao Chúa cho Chị ẵm trong đêm Vọng Lễ Giáng Sinh. Dịp khác Chị được nghe ca đoàn các Thiên thần hát lúc linh mục đọc kinh Tiền Tụng trong Thánh Lễ; và cũng từ lần đó trở đi, Chị được giảm bớt cơn cảm dỗ liên miên trong suốt đời sống thực tập thiêng liêng.

Sau 24 năm sống tại tu viện Ferrara, Chị được chuyển về quê của Chị là Bô Đào Nha, cùng với 15 nữ tu khác để thiết lập một Tu viện do Chị làm Tu viện Trưởng cho tới mãn đời. Chị Thánh qua đời ngày 9.3.1463 trong nỗi thương tiếc của cả Tu viện, nơi bao năm tháng Chị đã phục vụ hết mình. Johann Joseph von Gorres, đại triết gia kiêm văn sĩ Công giáo, đã tả lại những phép lạ bảo đảm đã xảy ra quanh Chị:

"Khi qua đời, Chị không được các chị Dòng chôn cất trong quan tài, nhưng chỉ được vùi xuống một cái huyệt. Khi xác Chị Thánh bị chôn vùi dưới lòng đất, đã toả lan một làn hương thơm lạ lùng khắp nghĩa địa và cả khu vực Tu viện. Sau bảy ngày, khi các nữ tu ra viếng mộ, làn hương lạ đó vẫn còn. Không có loại cây, loại hoa hoặc loại cỏ nào ở đó hoặc ở gần đó toả hương, nhưng làn hương phát lên từ mộ Chị. Sau 18 ngày chôn cất, những phép lạ bắt đầu xảy ra trên mộ. Nhiều bệnh nhân nan trị đã được chữa khỏi. Các nữ tu nhận ra lầm lỗi của họ là không chôn Chị trong quan tài, do đó từng khối đất đã phủ trên mặt Chị. Các nữ tu nghĩ đến việc phải hốt xác Chị để cho vào quan tài. Họ đã đến hỏi ý kiến Cha giải tội của Tu viện, Cha rất ngạc nhiên khi biết sau khi chôn 18 ngày mà xác Chị vẫn chưa bắt đầu hư thối. Và khi các nữ tu cho Cha biết là hương thơm vẫn còn toả lan ra từ mộ Chị, Cha liền ưng thuận cho khai quật mộ. Gương mặt Chị chỉ hơi trầy đôi chút vì sức nặng của đất đè lên. Toàn thân Chị vẫn còn tươi tốt và thơm hương, không thấy một dấu vết gì hư thối. Hương thơm lại bắt đầu toả thơm hơn, lan toả đến tận thánh đường và lan ra khắp vùng" (Christliche Mystik, Cologne, 1936).

Sau khi được khám nghiệm bởi Giáo quyền và bởi các bác sĩ, xác Chị được tôn đặt ngay dưới bàn thờ trong một ít tháng. Khi được di chuyển lần thứ hai, xác Chị được đặt trên một cang gỗ để di chuyển về căn phòng mà trước kia Chị đã ở suốt cả cuộc đời. Mỗi khi các Tín hữu xin được xem xác Chị còn tinh tuyền, bốn nữ tu lại cung kính kiệu ra thánh đường, đặt gần cửa sổ, nơi các nữ tu thường Rước Lễ. Vì các lối đi và cầu thang quá chật và bất tiện, nên cần phải xếp đặt lại. Xác thánh Chị đã được chuyển sang một quan tài lớn và chắc chắn đặc biệt đặt trên đế vững chắc. Sau đó, quan tài được đặt trong nguyện đường, và khi được yêu cầu, sẽ di chuyển ra cửa sổ và mở ra để cho dân chúng chiêm ngưỡng. Xác thánh được đặt trên cấp cao để có thể dễ chiêm ngưỡng qua khung cửa sổ nhỏ hẹp giữa nguyện đường và triều ca, tức nơi hát kinh. Cách xếp đặt này đã được giữ nguyên trong suốt 12 năm sau khi Thánh nhân qua đời.

Chị Thánh đã hiện ra với Leonora Poggi, một trong các nữ tu, vào năm 1500, và xin đặt xác Chị trong một nhà nguyện đặc biệt ở nơi chỉ định, và để xác Chị theo tư thế ngồi. Nhà nguyện đã được xây cất ngay và dùng thứ gỗ theo ý Chị, tại một nơi thuận tiện cho khách hành hương kính viếng, sùng mộ và hôn kính hai chân của xác thánh.

Những tháng đầu năm 1688, một nguyên đường đẹp và rộng lớn hơn đã được xây cất để trang hoàng và hoạ những hình vẽ do Franceschini, Affener và Quaini. Ngày 11-8-1688, xác thánh được long trọng kiệu tới nhà nguyện mới này, và được tôn kính đến nay.

Qua suốt năm thế kỷ, xác thánh vẫn tươi tốt y nguyên, mặc dù không phải bao che. Tuy nhiên, ngày nay, từ 1953, xác thánh đã được lồng trong khung kính. Từ Thế Chiến Thứ Hai, tay và chân xác thánh đã bắt đầu hư hại đôi chút, nên đã được sửa và bao che bằng chất sáp trong. Khuôn mặt và toàn thân vẫn còn y nguyên nhưng đã ngả sang màu đen, nguyên do phần lớn vì muội đèn dầu và khói của những cây nến đốt để tôn kính Người qua bao thế kỷ đặt quá gần.

Thánh nhân được Đức Thánh Cha Clémentê XI phong hiển thánh ngày 22.5.1712, và được tôn phong làm Quan thầy các nghệ thuật gia.

Đấng Đáng Kính Maria Mađalena Bentivoglio, O.S.C.

Người lập chi nhánh Dòng kín Thánh Clara tại Hoa Kỳ.

(1834 – 1905)

Một thời gian ngắn trước khi Annetta Bentivoglio ra đời, mẹ của em đã đến viếng hang toại đạo. Quỳ trước hài cốt của một trong những vị tử đạo, bà nguyện cầu cho con trẻ lớn lên có được nhân đức của thánh nhân. Tuy nhiên, vì tính tình nghịch và láu lỉnh của bé, hơn một lần mẹ bé đã phải thốt lên:

– Con thật không giống một vị thánh tí nào!

Annetta sinh ngày 29 tháng 7 năm 1834, trong Lâu Đài các Thiên thần ở Rôma. Bé là con thứ 12 trong số 16 người con của ông bà Bá tước Daminh và Angela Sandri Bentivoglio. Cha bé là một vị tướng trong quân đội của Đức Giáo Hoàng. Mẹ bé là một người đàn bà hiền thực và đạo hạnh, nhưng không thuộc hàng quý phái như cha của Annetta. Trong gia đình rất sùng đạo ấy, sau này đã có năm người con gái gia nhập các tu viện.

Lúc thiếu thời, Annetta có nhiều đặc tính của người trưởng thành. Em rất sùng đạo, bác ái và rất tế nhị. Nhưng em cũng là người đầy tự ái và rất tinh nghịch. Có lần vì bị thầy cô nhốt vào phòng có khoá ở lâu hai, em đã tính leo ra khỏi cửa sổ trốn thoát, nhưng cũng may là bị phát giác kịp thời.

Cũng như các trẻ khác trong gia đình, Annetta ở ký túc xá trong khi theo học. Tại đây, mọi người còn nhớ em là người thích cầu nguyện, thường quan tâm đến người khác, và có thiện chí muốn nên tốt. Trong Ngày Đầu Năm 1840, em đã làm một quyết định thật đơn giản:

– Con sẽ là một người tốt.

Mọi người cũng nhớ Annetta trong thời gian theo học, cũng như trong suốt đời em, em là một người cao thượng và luôn vui tươi.

Trong một cuộc du ngoạn, em được diễm phúc cùng đi với thánh nữ Mađalena Sophia Barat. Thánh Mađalena là một người bạn của gia đình, và cũng là Vị sáng lập Dòng Thánh Tâm. Trong cuộc du ngoạn, em Annetta đã

chọc ghẹo, đùa giỡn và thử sự nhẫn nại của Vị Thánh lập dòng. Sau này, Annetta vẫn còn nhớ mãi đêm đó tại nhà trọ, hai người được chia sẻ một chiếc giường, Annetta nói:

– Tôi đã ngủ chung với vị thánh và tôi đã đập người.

Lúc lên 14 tuổi, Annetta đã hầu như thắng được ý riêng của mình, và bắt đầu hướng tư tưởng và hành động lên Thiên Chúa. Sau cái chết của cha mẹ, Annetta đã một thời sống với hai người chị, với các Sơ dòng thánh Catarina Siena, và các Sơ dòng Đaminh. Tại đây, chị đã dùng nhiều giờ đến trước Thánh Thể, để tìm hiểu Thánh Ý Chúa cho cuộc đời mình, vì Annetta còn đang phân vân không biết Chúa muốn gọi mình vào dòng kín hay vào dòng hoạt động. Sau cùng, ơn gọi sống đời chiêm niệm đã thắng, và tháng 7 năm 1864, Annetta đã được nhận làm thỉnh sinh dòng Thánh Clara Nghèo ở San Lorenzô. Costanza và Matilda, hai người chị của Annetta cũng vào Dòng này, nhưng Matilda sau này vì mắc phải một chứng bệnh hiểm nghèo nên không thể tiếp tục.

Ngày 4 tháng 10 năm 1865, bá tước Annetta Bentivoglio trở thành Sơ Mary Mađalena Thánh Tâm Chúa Giêsu. Chị của Sơ muốn giữ lại tên rửa tội của người, nhưng Annetta lại mong ước được lấy tên của một tội nhân mà ngày xưa đã thu hút được chính Trái Tim Chúa Nhân Lành. Trong gần 10 năm, chị em gia đình Bentivoglio ở tại tu viện San Lorenzo. Trong thời gian này, dưới sự hướng dẫn của dòng Thánh Clara, Sơ Mary Mađalena luôn cố gắng hết sức để thắng mình trong mọi trường hợp. Lúc còn trẻ, Sơ ước mơ lớn lên được diễm phúc tử đạo. Ước mơ của Sơ đã thành sự thật, nhưng không phải qua một cái chết anh dũng và vinh quang; Sơ đã đón nhận một sự tử đạo liên li qua việc hằng ngày bóp chết ý riêng. Khi về già, Mẹ Mary Mađalena đã thú nhận rằng, trong những ngày đầu Mẹ thường bị cám dỗ muốn quăng đi cuốn sách nguyện. Thêm vào đó, những bữa ăn thanh đạm và khô lạnh đã làm cho Sơ thật chán ngán.

Sau 10 năm sống trong tu viện, theo lời mời của một người Mỹ thuộc Dòng Ba Thánh Phanxicô, hai chị em Bentivoglio được sai sang Mỹ để thành lập một tu viện chiêm niệm. Thêm vào đó, vì thời cuộc chính trị ở Ý đang rất lộn xộn, Đức Thánh Cha Piô IX rất đồng ý với việc lập một trụ sở ở Mỹ, để nếu các Sơ Dòng Clara Nghèo cần thiết phải rời Âu Châu, Ngài có nơi để phái các Sơ đi. Trong bài giảng, Đức Thánh Cha đã lưu ý họ về những khó khăn

họ sẽ phải gặp, và Ngài cũng xin họ hãy trở nên một tấm gương, một "bài giảng trong âm thầm, được hoà điệu bởi việc nguyện cầu và sự kết hợp với Thiên Chúa, để làm cho nhiều người nhận biết rằng hạnh phúc chân thật không tìm thấy trong những sự tạm bợ và vật chất".

Ngày 12 tháng 10 năm 1875, hai chị em Bentivoglio đến thành phố Nữ Ước. Hai Sơ đến tạm trú tại một nữ tu viện, và miễn cưỡng phải nhận sự giúp đỡ của các nữ tu tại tu viện này, vì lúc này hai Sơ chưa có phương tiện để có thể tự túc. Hơn nữa, các Sơ gặp phải trở ngại lớn trong việc giao tiếp với người bản xứ, vì hai Sơ chỉ biết nói tiếng Ý và tiếng Pháp. Theo dự tính ban đầu của nhóm người mời các Sơ sang Mỹ, các Sơ sẽ lập tu viện tại Minnesota. Nhưng khi đến Nữ Ước, vị linh mục được chỉ định hướng dẫn các Sơ lại có một ý định khác. Sự bất đồng ý kiến giữa nhóm người mời các Sơ và vị linh mục này đã làm cho các Sơ thật khó xử. Sau cùng, các Sơ đã đệ đơn sang Tòa Thánh Rôma để xin chỉ dẫn. Sau chín tháng dài chờ đợi, thư trả lời mới đến. Theo bức thư đó, các Sơ được chỉ dạy hãy đi xin sự giúp đỡ của bất cứ vị Giám Mục nào tại Mỹ. Một điều không may là trong khi các Sơ không có một đồng dính túi, không biết ngôn ngữ bản xứ, mà nước Mỹ lại rộng lớn, các Sơ thật không biết làm sao để đi các nơi tìm sự giúp đỡ được.

Qua sự giúp đỡ của bạn bè, các Sơ đệ đơn xin một số Giám mục. Đầu tiên, các Đấng có một thái độ thật hờ hững. Các giáo phận Mỹ lúc đó đang cần các giáo sư và các vị làm việc tông đồ trong cánh đồng truyền giáo. Rất ít người nhận ra sự cần thiết của những tu sĩ chiêm niệm. Một vị Giám mục đã nói với hai Sơ rằng Ngài không muốn họ ở trong giáo phận Ngài vì ơn gọi của họ không phù hợp với người Mỹ và với tinh thần quốc gia Mỹ.

Lúc đầu các Sơ dự định định cư ở Philadelphia và New Orleans, nhưng sau cùng cơ sở đầu tiên của các Sơ được thành lập tại Cleveland vào tháng 8 năm 1877. Sau một thời gian ngắn, các Sơ Dòng Clara Nghèo người Đức cũng đến ở chung. Nhưng việc dung hoà hai bộ luật cũng đã gây nên nhiều khó khăn. Sau cùng, các Sơ người Ý đã thành tâm nhường cho nhóm các Sơ gốc Đức căn nhà, và đi lập cơ sở mới tại Omaha, Nebraska. Tại đây, không những họ được một người bạn quảng đại cho họ một tu viện, mà Đức Cha cũng niềm nở tiếp đón họ.

Ở Omaha, dù với sự giúp đỡ của các người bạn quảng đại, nhiều khó khăn vẫn thường xảy ra vì sự ngăn cách gây nên bởi hàng rào ngôn ngữ. Trong một

con thử thách, mà Mẹ Mađalena đã can đảm chấp nhận không một chút kêu ca, một Sơ đã nói:

– Họ nghĩ rằng chúng ta là những người khờ dại. Người ta đang gièm pha tố cáo chúng ta, vậy mà Mẹ vẫn cười được!

Mẹ đáp lại:

– Tôi không thể cảm mình được. Trọn cuộc sống, tôi đã xin Chúa ban cho nhiều thánh giá; bây giờ Ngài đã ban cho, lẽ nào tôi lại không vui?

Ông Creighton, người bạn và là vị ân nhân của các Sơ đã quảng đại giúp đỡ về tài chánh. Cộng thêm số tiền Mẹ Mađalena xin được, các Sơ đã có thể thành lập một cơ sở vững chắc ở Omaha. Nhiều người Mỹ đã gia nhập Dòng, và mặc dù với tiện nghi nghèo nàn, thiếu thốn, một dòng kín Thánh Clara Nghèo cuối cùng đã được thiết lập. Ông Creighton là một trong những người đầu tiên nhận ra hiệu quả đặc lực của lời cầu nguyện của các Sơ. Ông đã xin các Sơ khẩn cho một đôi bạn trẻ không con. Chỉ trong một thời gian ngắn, đôi bạn trẻ này gửi điện tín báo tin vui:

– Sinh đôi! Xin các Sơ ngừng cầu nguyện.

Mẹ Mary Mađalena có lòng sùng kính đặc biệt đối với Thánh Giuse. Mẹ thường phó dâng những nhu cầu vật chất cũng như tinh thần của cộng đoàn trẻ này cho Ngài. Nhiều lần, Mẹ đã đặt tấm giấy hay lời thỉnh nguyện trong cánh tay tượng thánh Giuse của tu viện. Ông Creighton đã có lần phải bật cười khi thấy Mẹ đã đặt quả cà chua trong tay Thánh Cả.

Sau 7 năm ở Mỹ, dòng kín Omaha ngặt theo Giáo luật được thiết lập vào tháng 7 năm 1882. Để giúp kiến thiết tu viện, chính các Sơ tham gia vào công việc. Dù với luật nội vi của tu viện cũng không là bảo đảm giúp cho các Sơ thoát khỏi những lời vu khống.

Trong một thời gian ngắn, Mẹ Maria Mađalena đã phải miễn cưỡng sang viếng Toà thánh bốn lần. Tuy nhiên, trong mọi khó khăn, Mẹ tỏ ra rất dũng cảm trong khi đón nhận những thánh giá Chúa gửi đến mà không một lời oán than những người vu khống Mẹ, và cũng không tìm cách biện minh. Tinh thần nhẫn nại của Mẹ quả là một tấm gương đáng cho mọi người noi theo.

Tuy cuộc sống trong dòng kín thật nhiệm nhặt, Mẹ Mađalena luôn giữ được một tâm hồn vui tươi. Trong một lá thư viết cho người chị, Mẹ viết: "Chúng em không có giày và vớ; không biết chúng em có thể chịu đựng được không. Chắc chắn một điều là chúng em không muốn nuông chiều ai cả, nhưng chúng em cũng không muốn giết ai hết".

Mẹ Mađalena đã kiên nhẫn chịu đựng và không bao lâu Mẹ đã lôi kéo được các thiếu niên từ khắp nơi gần xa. Không lâu sau, một cơ sở đã được thiết lập tại New Orleans và rồi ở Evansville, Indiana. Ngày nay ở Mỹ có tất cả 16 nhà trực thuộc chi nhánh Dòng Clara Nghèo này.

Trong năm 1897, Mẹ Maria Mađalena đến cư ngụ tại cơ sở của Dòng tại Evansville. Dù đã 63 tuổi và với sức khoẻ yếu kém, thêm vào đó Mẹ cũng phải chia sẻ sự đói rách, lạnh lẽo và nghèo khó với Chị Em Dòng trong lúc ban đầu, Mẹ vẫn tin rằng ơn gọi của Mẹ không chỉ đơn giản ở việc kiến thiết một cộng đồng Thánh Clara Nghèo tại Mỹ, nhưng còn để truyền bá Dòng. Vì lý do này Mẹ đã nói với một Sơ rằng, Mẹ luôn sẵn sàng để bắt đầu một cơ sở mới bất cứ lúc nào, bất kể sức khoẻ hay tuổi tác Mẹ ra sao.

Sau đây là một tích truyện cho thấy Mẹ Maria Mađalena luôn cầu xin sự phù trợ của các thánh trong việc thu hút những ơn gọi mới vào Dòng. Một hôm, khi vào văn phòng của Mẹ, một Sơ thấy có năm búp bê giấy được cắt từ cuốn sách quảng cáo của hãng Sears và đặt chung quanh tượng thánh Antôn. Khi Sơ này hỏi về mấy búp bê giấy ở đó, Mẹ giải thích là đang cầu xin thánh Antôn ban cho tu viện thêm một vài thiếu nữ "giống như vậy". Truyện kể lại, năm thiếu niên trẻ đã gia nhập tu viện năm đó, và tất cả đã bền vững và trở thành những nữ tu thánh thiện.

Bởi vì tu viện ở Evansville lúc đầu không phải là dòng kín, nên các Sơ có thể gặp gỡ những người dân thuộc miền chung quanh. Tình bằng hữu đó vẫn còn được tiếp tục cả sau khi tu viện này trở thành dòng kín. Thêm vào đời sống cầu nguyện và công việc hướng dẫn tu viện, Mẹ Maria Mađalena giao thiệp bằng thư từ với rất nhiều người. Mẹ tặng cho họ những lời khuyên thật khôn ngoan cũng như những lời chỉ bảo tốt lành về đường thiêng liêng.

Mẹ Maria Mađalena luôn sẵn sàng đón nhận tất cả những gì Thánh Ý Chúa muốn nơi Mẹ. Tại Evansville, Mẹ hầu như bị mù một mắt, còn mắt kia thì đang trong tình trạng nguy hiểm có thể cũng mất luôn. Trong một lá thư cho

người bạn, Mẹ viết: "Cám ơn chị cầu nguyện cho con mắt của tôi. Nếu Thánh Ý Chúa muốn cho tôi giữ được một mắt, tôi rất vui mừng; tuy nhiên, tôi luôn sẵn sàng vâng theo nếu Chúa nhân lành của chúng ta muốn cất đi cả mắt kia. Nếu điều đó xảy đến, tôi sẽ có được nhiều giờ hơn để kết hiệp với Ngài trong nguyện cầu, vì không phải lo đến những chuyện trần gian. Nguyện xin Thánh Ý Chúa được thực hiện".

Đến năm 1905, sức khoẻ Mẹ Maria Mađalena bắt đầu sút giảm. Trong mấy giờ trước khi Mẹ qua đời, nhiều hiện tượng phi thường đã xảy ra.

Ao ước được chết trên sàn nhà như thánh Phanxicô Assisi, Mẹ đã xin các Sơ cất hết các đồ đạc khỏi phòng tư của Mẹ. Với bộ áo dòng trên người, Mẹ được đặt nằm trên một tấm chiếu đối diện với tượng chịu nạn. Ngày 18 tháng 8 năm 1905, quãng 12 Sơ hiện diện trong phòng của Mẹ đọc kinh dọn mình chết lành. Còn các Sơ khác thì ở ngoài hành lang. Mặc dù màn cửa đang đóng, chung quanh người Mẹ Maria Mađalena lúc Người qua đời xuất hiện một luồng sáng chói lọi. Tất cả các Sơ trong phòng đều được xem thấy ánh sáng này. Sau khi Mẹ chết, vì các mạch máu đã bị bế tắc, nên xác Mẹ chỉ được ướp một cách đơn Sơ. Xác Mẹ được đặt trên một tấm ván đợi ngày chôn cất. Dù được đặt ngoài trời với nhiệt độ nóng bức của mùa hè trong suốt 26 ngày, xác Mẹ vẫn tươi tốt. Nhiều người làm chứng rằng hương toả chung quanh xác Mẹ tương tự như mùi thơm của nước hoa hay của hoa.

Ngày 12 tháng 9 năm 1905, xác Mẹ được đặt vào quan tài và nắp quan tài đã được gắn xi. Liên ngày sau đó, các ơn lạ, nhất là ơn được chữa lành bệnh, đã được ban nhờ sự cầu bầu của Mẹ Maria Mađalena. Vào tháng Giêng năm 1907, nghi thức cải táng đã diễn ra trước sự hiện diện của các Sơ và một công chứng viên. Xác Mẹ vẫn còn nguyên vẹn mặc dù da có phần hơi sạm, nhưng sau đó màu da đã trở lại bình thường. Một lần nữa, nhiều người hiện diện ngửi thấy một hương thơm kỳ diệu.

Quan tài một lần nữa được niêm ấn. Sau đó, các Sơ xin Đức Giám Mục Indianapolis mở cuộc điều tra về cuộc đời Mẹ Maria Mađalena. Sau bốn lần thỉnh cầu, tháng 5 năm 1928 Đức Cha Chartrand mở cuộc điều tra. Cuộc điều tra kéo dài bốn năm và bản báo cáo được đệ qua Rôma tháng 5 năm 1932. Lúc này, một cuộc cải táng nữa đã được thực hiện và xác Mẹ vẫn còn nguyên vẹn. Sau lần cải táng này, xác Mẹ được chôn táng lại và được yên nghỉ cho đến ngày nay.

Mẹ Maria Madalena được tuyên phong lên hàng Đáng Kính năm 1932. Ngày 01 tháng 4 năm 1969, Thánh bộ Phong Thánh ở Rôma ra sắc lệnh cho phép mở cuộc điều tra để phong chân phước cho Mẹ Maria Madalena Bentivoglio.

Thánh Phêrô Giulianô Eymard, S.S.S.

Vị tông đồ phép Thánh Thể.

(1811 – 1869)

Khi Phêrô Giulianô Eymard mới được 5 tuổi, chị của bé một hôm tình cờ nhìn thấy bé trong nhà thờ, đang đứng trên một cầu thang sau bàn thờ chính, tai ghé sát vào Nhà Châu. Sau đó chị của Eymard hỏi bé làm gì mà ghé sát tai vào Nhà Châu, bé trả lời là để nghe thấy tiếng của "Người" cho rõ hơn. Tấm lòng đơn sơ của tuổi ấu thơ đó là khởi đầu cho một cuộc đời hăng say với chân lý Chúa Giêsu hiện diện thực trong hình Bánh Rượu trên Bàn Thờ.

Ngày nay, không những việc rước lễ thường xuyên hay hằng ngày là một điều rất bình thường, mà còn là một điều đáng khích lệ. Nhưng trong thời của Thánh Eymard, lạc thuyết của phái Janseniô vẫn còn ảnh hưởng trên Âu châu. Một trong những điều sai lạc phái đó chủ trương là họ coi việc rước Mình Máu Thánh Chúa là một ơn huệ quá lớn lao, trong khi đó người giáo dân lại quá bất xứng. Vì thế, chỉ nên Rước Chúa mỗi năm một lần, hoặc nhiều lắm là mỗi tháng một lần thôi. Nên ai muốn rước lễ thường xuyên thì đó là người kiêu ngạo. Trong khi việc học Thánh Kinh là điều rất hoạn hiểm, Thánh Eymard coi sự hiện diện của Chúa trên Hòm Bia trong thời Cựu Ước là một hình bóng cho sự hiện diện của Chúa Kitô trong phép Thánh Thể ở thời Tân Ước. Những tư tưởng của Ngài về Mầu Nhiệm Thánh Thể đã được trình bày mấy chục năm trước những điều tuyên bố của Thánh Piô X, vị "Giáo Hoàng của phép Thánh Thể". Những giáo huấn của Thánh nhân liên quan đến việc Rước Lễ dù đã được viết trước đây trên cả trăm năm, nhưng vẫn còn thực tế đối với chúng ta ngày nay. Trong Thánh Lễ Phong Thánh cho Ngài, Đức Gioan XXIII đã ca tụng Thánh nhân là mẫu gương hoàn hảo nhất trong việc thờ kính Chúa Giêsu trong Phép Thánh Thể, và Đức Thánh Cha khuyến khích các giáo hữu noi gương Ngài, luôn quy hướng mọi tư tưởng, cảm tình, và tất cả lòng nhiệt thành vào trung tâm là nguồn mạch ơn thánh vô sánh này, một Mầu Nhiệm Đức Tin mà Đấng ẩn mình dưới tấm khăn che ấy chính là Tác giả của ơn thánh, Đức Giêsu, Ngôi Lời Nhập Thể.

Cuộc đời của Thánh Eymard thực là một chứng từ nói lên chân lý gia đình Công Giáo chính là chiếc nôi của sự thánh thiện. Thân phụ của ngài, ông

Giulianô, suốt đời tận tụy làm nhiều việc để kéo gia đình ra khỏi cảnh nghèo khó. Khi Eymard sinh ra, ông đang làm chủ một tiệm ép dầu và bán dao kéo. Người vợ thứ nhất của ông chết đi, để lại cho ông năm cô con gái. Bốn cô đã đi sống với họ hàng thân thuộc, chỉ còn Maria Anna ở với ông Giulianô và người vợ thứ hai của ông, cũng là mẹ của Eymard. Cả bà thân mẫu của thánh nhân lẫn chị Maria Anna là những người rất sùng đạo. Từ tuổi ấu thơ, Eymard thường được bế đến nhà thờ để viếng Thánh Thể. Một trong những điều đầu tiên Eymard còn nhớ được là hình ảnh mình được đứng trước Mặt Nhật bằng vàng. Dù ông Giulianô kịch liệt phản đối ơn gọi của Eymard trong nhiều năm, sau cùng ông đã chấp nhận vì ông cảm thấy đó là Thánh Ý Chúa. Lý do tại sao ông phản đối cũng thật dễ hiểu, trước hết vì Eymard là con trai duy nhất và cũng là người duy nhất còn sống trong bốn người con của bà vợ thứ hai. Vì thế, không phải vì ông phản đối mà chúng ta cho ông không phải là người công giáo tốt. Nhất là trước khi ông chết, ông hoàn toàn thay đổi quan niệm và không còn phản đối việc con trai đi tu nữa.

Dù lúc còn nhỏ, Eymard được xếp vào loại ngoan ngoãn, nhưng không vì đó mà em khác thường với những đứa trẻ đồng trà; cậu sống một cuộc đời bình dị như các đứa trẻ cùng tuổi. Dù không giỏi trong các trò chơi, cậu cũng thích chơi đùa với chúng bạn. Đôi khi cậu không vâng lời cha mẹ và các kỷ luật, thích tò mò; có một lần vì quá ham chơi, Eymard đã làm một điều mà mãi đến lúc sắp chết, Eymard vẫn còn ân hận.

Câu chuyện xảy ra như sau: Tướng Bonaparte mới dẫn đầu đoàn quân qua thành phố. Thế là trẻ con trong thành bắt đầu đóng vai lính để chơi với nhau. Ăn vận càng đẹp, càng oai thì càng được chức cao. Sau mấy ngày đi lòng các tiệm trong phố, Eymard đã tìm được một bộ lông của lính, và em liền bị cám dỗ ăn cắp. Lừa lúc thuận tiện, em đã lấy bộ lông và chạy về. Nhưng chạy chưa được bao xa, và mặc dù người chủ căn chưa biết bị mất cắp, Eymard cũng bị lương tâm cắn rứt đến nỗi em đã quay lại tiệm trả lại bộ lông, và cấp tốc chạy về nhà. Từ đó, mỗi lần nghĩ lại chuyện này, Eymard luôn tỏ ra buồn phiền hối hận.

Một lần nọ, Eymard nghe được các tu sĩ dòng Carmêlô nói với nhau là bạn bè khi gặp nhau thì nên nói với nhau vài lời. Eymard liền liên tưởng điều này đối với Chúa Giêsu Thánh Thể. Nếu mỗi lần đi qua Chúa Giêsu Thánh Thể mà không viếng thăm và nói vài lời với Ngài, thì chưa phải là bạn của Ngài. Lý

do Eymard đưa ra để biện minh cho quan niệm của mình cũng thật đơn giản:

– Chúa Giêsu đang ở đó; mọi người phải đến với Ngài.

Eymard hằng mong chờ ngày được Rước Lễ lần đầu. Đồng thời, em bắt đầu có ý tưởng muốn đi tu. Vì vậy, em đã xin chị Maria-Anna rước lễ để xin Chúa ban cho em được làm linh mục.

Từ ngày đó, Eymard bắt đầu giúp lễ trong các thánh lễ, Chúa Nhật cũng như ngày thường. Vào thời đó, trước giờ lễ quãng 15 phút, chú giúp lễ thường rào qua đường phố rung chuông kêu gọi mọi người đến nhà thờ. Eymard rất thích làm việc ấy, đến nỗi đôi khi em mang cả chuông về nhà từ tối hôm trước.

Khi đã có trình độ học vấn như các trẻ đồng tuổi, Eymard được cha đưa đến tiệm ép dầu để làm việc. Vì biết là cần phải học Latinh, Eymard bắt đầu dùng giờ riêng để tự học. Eymard tìm mua được một cuốn sách Latin cũ để học, và nhờ một chủng sinh chỉ dạy cho những điều căn bản.

Đến năm 17 tuổi, một hôm nghe được ba má đang bàn chuyện lo việc hôn nhân cho mình, Eymard liền cho ba má biết mình đã quyết định làm linh mục, không gì có thể đổi ý mình nữa. Nhận thấy không thể đổi ý của Eymard, ông thân sinh đã để cho Eymard được tự do học, nhưng ông nhất định không giúp đỡ tài chính cho cậu.

Khi biết tin một linh mục tại Grenoble sẵn sàng dạy Latinh cho những ai bằng lòng giúp ngài làm việc trong nhà xứ, Eymard liền lên đường đến xin học, với hy vọng sẽ có đủ căn bản về Latinh. Khi đến nơi, Eymard mới biết vị linh mục đó là tuyên úy một nhà thương điên nằm bên cạnh nhà xứ. Vị linh mục đã không giữ lời hứa dạy Latinh cho Eymard. Không những thế, ngài còn bắt Eymard bỏ nhiều giờ giúp ngài chăm sóc các bệnh nhân. Nhiều khi, ngài còn để Eymard một mình ở nhà thương lo cho các bệnh nhân, bất chấp những nguy hiểm có thể xảy ra.

Sau quãng ba tháng tại đây, trong khi nói chuyện với vị giám đốc nhà thương, ông đã an ủi Eymard vì nỗi buồn mất mẹ. Cho tới lúc này, vẫn chưa ai cho Eymard biết tin mẹ cậu qua đời. Eymard vội vã về, nhưng không kịp để dự lễ an táng. Nước mắt của ba giữ Eymard ở lại với gia đình một thời gian. Nhờ cái chết của mẹ cậu, ba cậu đã tìm được một lý do để cản trở ơn gọi của cậu.

Trong năm 1829, một số linh mục thuộc tu hội Đức Mẹ Vô Nhiễm đến giảng truyền giáo. Các vị đó thu hút ông Eymard đến nỗi ông đã cho con trai ông gia nhập tu hội này.

Vì kém về Latinh, Eymard đã phải cố gắng hết sức để học, đến nỗi kiệt sức và bị cho về để chờ chết, và gia đình phải mời cha đến làm phép Xức Dầu cho chàng. Trong lúc chờ chết, Eymard đã xin Chúa ban cho mình ít là được dâng một Thánh lễ trước khi chết. Lời nguyện này chắc đẹp lòng Chúa, vì không bao lâu sau đó Eymard đã bình phục.

Sau khi bình phục, nhờ sự giúp đỡ của vị sáng lập tu hội Đức Mẹ Vô Nhiễm, Eymard đã được nhận vào chủng viện để hoàn tất việc học, và được chịu chức linh mục. Vì không có chỗ nào cần linh mục, Cha Eymard lại xin gia nhập tu hội Đức Mẹ Vô Nhiễm, nhưng bị từ chối, vì bị coi là không đủ sức khoẻ để chịu đựng những khó khăn của đời truyền giáo. Sau đó, Cha được trao cho một giáo xứ. Cha nêu gương sáng cho giáo dân trong sự tận tụy và đời sống gương mẫu, nhất là Cha dùng nhiều giờ để tôn thờ Chúa Giêsu Thánh Thể.

Một thời gian sau, Cha Eymard gặp mấy tu sĩ dòng Đức Mẹ. Vì có lòng sùng kính Đức Mẹ, Cha đã xin gia nhập dòng này. Dù không muốn mất một vị linh mục tốt lành, Đức Cha vẫn đồng ý cho Cha gia nhập. Cha Eymard đã sống trong Dòng này 17 năm.

Đến lúc này, Cha Eymard nhận thấy hầu hết các mẫu nhiệm Đức Tin đều đã được ít là một Dòng tu để ý đến, trừ Mẫu Nhiệm Chúa hiện diện trong phép Thánh Thể. Cha đã được ơn soi sáng thành lập một cộng đoàn tu trì với mục đích chính là dâng hiến cuộc đời để tôn thờ Chúa Giêsu Thánh Thể. Lúc đầu, Cha muốn cộng đoàn mới được nằm trong khuôn khổ của Dòng Đức Mẹ, nhưng các vị Bề trên cảm thấy điều này không thể được. Thay vào đó, họ đồng ý cho Cha rời khỏi Dòng để có thể thực hiện ơn gọi của Cha. Sau đó, Cha xin Đức Thánh Cha, và Ngài đã cho phép thành lập tu hội mới.

Trong thời sơ khai, Dòng mới này gặp rất nhiều khó khăn. Không có đủ tài chính để chi phí những điều cần thiết. Dù Cha luôn ước ao bàn thờ phải đẹp như ngai vua, nhưng trong tu viện đầu tiên, bàn thờ chỉ là một tấm ván. Đến một hôm Cha Eymard đem đến cho anh em một tin mừng:

– Ngày hôm nay chúng ta đã có vài trái trên bàn thờ, mỗi thước vải là tám xu. Bàn thờ trông khá hơn nhiều.

Cha Eymard cũng viết nhiều sách trình bày các khía cạnh của phép Thánh Thể. Và Đức Hồng Y Gibbons có lần đã nói, Cha Eymard chỉ nhìn thể giới qua "lăng kính thần linh của mầu nhiệm Thánh Thể".

Trong thời gian đầu của Dòng, ơn gọi thật là hiếm hoi. Gia nhập không được bao lâu, một vài thanh niên đã rút lui. Dòng cũng gặp nhiều phản đối, từ phía những nhóm chống tôn giáo cũng như những vị lãnh đạo tôn giáo. Nhưng bất chấp mọi khó khăn, Cha Eymard luôn vững niềm xác tín đơn sơ: hễ là điều Chúa muốn, chắc chắn sẽ thành công. Quả thật, sau đó không lâu, văn kiện chấp nhận thành lập Dòng đã được gửi tới từ Rôma, và Dòng bắt đầu từ từ lớn mạnh.

Trong thời gian đó, một nghệ sĩ tài hoa trẻ tuổi, là họa sĩ kiêm điêu khắc gia, sau một thời gian khủng hoảng tinh thần, đã đến xin nhập tu. Khi có dịp nói chuyện với chàng, Cha Eymard nói:

– Tôi hy vọng là Chúa sẽ tha cho tôi tội tự phụ hão huyền nếu anh tìm được ơn gọi ở đây.

Chàng họa sĩ đã thành tâm thưa lại:

– Con sẽ cố gắng.

Khi được hỏi chàng sẽ tính sao về nghề hội họa của mình, anh ta thưa lại là sẵn sàng bỏ hết.

– Nay thầy Augustinô, đừng vội!

Cha Eymard trả lời:

– Không biết thầy có tìm được ơn gọi ở đây hay không; đó còn tùy ở Chúa. Dù sao, người ta cũng không được vào Dòng để lẩn trốn, nhưng để hoàn thành một mục đích.

Không lâu sau, Cha Thánh đã khuyên chàng thanh niên trẻ tuổi này trở về thế gian để tiếp tục nghề hội họa. Cha đã hướng dẫn cho chàng hiểu rằng nghề

hội hoạ mới là công việc của đời chàng, chứ không phải đời tu trì. Sau này, một trong những tác phẩm nổi danh nhất của Auguste Rodin, tên người nghệ sĩ, chính là bức tượng Thánh Phêrô Giulianô Eymard bằng đồng.

Ngoài tu hội cho ngành nam, Cha Eymard còn thành lập hội Liên Minh Thánh Thể cho giáo dân, một dòng chiêm niệm dành cho nữ tu, và hội Liên Minh Thánh Thể cho các linh mục coi xứ. Khi bà Marguerite Guillot bàn hỏi với Thánh Gioan Vianney về ý định của Cha Eymard muốn đặt bà làm Bề trên tiên khởi của một hội dành cho phụ nữ, Ngài khuyên bà đừng ngần ngại, nhưng hãy hoàn toàn đặt mình trong tay Cha Eymard. Thánh Gioan Vianney nói:

– Ngài là một vị đại thánh. Khi gặp Ngài, xin bà hãy nói với Ngài những gì bạn bè thường nói khi gặp nhau, và tất cả chúng ta sẽ gặp nhau ở trên Thiên Đàng.

Sau khi đã kiệt lực vì mệt mỏi và đên tội, Cha Eymard đã rời Balê vào tháng 7 năm 1868 và đến nghỉ tại thành La Mure để lấy lại sức khoẻ. Trên đường đi, ngài ngồi ghế ngoài, nhường chỗ tốt hơn ở hàng ghế trong cho người khác. Sức nóng bỏng của ánh mặt trời khiến cho ngài bị bất toại. Khi đến La Mure, ngài không còn đủ sức chống lại một số bệnh tật, và Ngài đã êm ái ra đi ngày 1 tháng 8 năm 1868. Những tài liệu để lại sau khi Ngài qua đời cho biết, tất cả những ai đã sống với ngài đều công nhận ngài là một vị thánh.

Chiến tranh bùng nổ vào năm 1870, và đến năm 1880, Dòng của Ngài bị trục xuất khỏi nước Pháp. Các tu sĩ chạy sang Bỉ tị nạn. Không mấy người nghĩ rằng Dòng sẽ tồn tại; nhưng chỉ vài năm sau, một tu viện mới đã được thành lập tại Rôma, và các phần tử tiếp tục sứ mạng của vị Thánh sáng lập. Đến năm 1899, cuộc điều tra về cuộc đời của Cha Phêrô Giulianô Eymard được bắt đầu.

Cha Eymard được phong Chân phước năm 1925. Đức Hồng Y Gibbons đã viết về Ngài: "Không một vị tông đồ nào trong thời đại chúng ta thấm nhiễm tinh thần Thánh Thể cho bằng Chân Phước Eymard". Đến ngày 9 tháng 12 năm 1962, Cha Phêrô Giulianô Eymard được Đức Thánh Cha Gioan XXIII tôn lên bậc Hiển Thánh.

Thánh Martinô Porres (3/11)

Bạn thân của người nghèo khổ và của loài vật vô tri.

(1579 – 1639)

Martinô Porres sinh ngày 09.12.1579 tại thành phố Lima, nước Peru, Nam Mỹ châu. Trong sổ Rửa tội tại Lima còn ghi "Martinô, con trai người cha ẩn danh". Thật ra cha của cậu là Gioan Porres, một người gốc Tây Ban Nha sau làm thị trưởng tại Panama. Ông không nhận con khi thấy nó là con lai da màu. Do đó, suốt nhiều năm, Martinô phải sống cảnh nghèo với người mẹ không hôn thú, bà Anna Velasquez, một phụ nữ da đen. Tuy nhiên, xã hội Nam Mỹ "lai căng" thời đó chẳng những không làm cho cậu đau khổ, mà còn giúp cậu đạt tới đức khiêm hạ hơn, đây là đặc tính nổi bật nhất đời cậu.

Mẹ con cậu Martinô tuy nghèo, nhưng lại rộng lòng bác ái với những người cùng cảnh ngộ. Một hôm bà mẹ gọi hai anh em Martinô và Gioanna, trao cho mấy đồng xu và sai chúng ra chợ mua rau. Bà đã căn dặn bảo em giữ tiền cẩn thận đi thẳng đến chợ, không nên nhìn hai bên đường. Vì bà nghĩ nếu con mình thấy kẻ nghèo khó thì sẽ thương mà tặng cho họ những đồng tiền mẹ con đang cần cho bữa tối nay. Hai anh em vâng dạ và mau mắn ra đi. Đang đi, mắt cô em đã bắt gặp người ăn xin mặc đồ rách rưới bên kia đường. Ý nghĩ là sẽ không nói, nhưng tự nhiên cô bé bật miệng kêu "Kìa!". Thế là Martinô nhìn theo em.

Nghĩ đến lời mẹ căn dặn, hai anh em đã cố gắng đi tiếp. Nhưng cậu lại nghĩ chắc mẹ cũng không nỡ để người hành khất này chết đói. Thế là hai anh em quay lại bên người hành khất, cậu lấy tiền ra và nói:

– Nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi, ông hãy cầm lấy số tiền này!

Ông nhận quà, miệng rồi rít cảm ơn và xin Chúa chúc lành cho hai em. Thế là hết tiền, hai anh em đâm lo, không biết phải nói với mẹ làm sao. Vừa tới ngang nhà thờ chính toà thành Lima, hai anh em liền vào, lên tận bao lơn cung thánh. Quỳ ở đó, Martinô đã cất lời cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu yêu dấu, xin ban của ăn cho chúng con. Con mới cho

người hành khất số tiền duy nhất của mẹ con rồi. Chúng con không còn gì cho bữa tối nay. Xin Chúa đừng để mẹ con buồn giận chúng con. Cảm ơn Chúa!

Em Gioanna thưa:

– Amen.

Martinô và Gioanna đứng dậy, bái Chúa rồi ra về, lòng đầy tin cậy Chúa biết rõ những gì gia đình các em cần. Vừa thấy hai con, bà không thấy chúng cầm gì thì biết ngay chúng đã gặp ai và hành động thế nào rồi. Bà cũng suy nghĩ có đánh, có la mắng chúng lúc này cũng chẳng ích gì. Vả lại, bà cũng từng bảo các con phải thương giúp người nghèo. Bà quay vào và liên tưởng đến người chồng, với lời cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin cho ba tội nhỏ sớm nghĩ lại, để chúng con có của nuôi thân, và có thể làm phúc cho cả những người nghèo nữa!"

Khi Martinô được 8 tuổi, tức năm 1587, ông Gioan Porres, một sĩ quan Tây Ban Nha, đã hồi tâm và trở về chăm sóc mẹ con bà Anna Velasquez. Ông đã đem hai con gửi trọ học ở nhà ông chú tên là Giacôbê tại Ecuador. Ở đây các em được chú thương yêu và thuê người giám hộ tốt để dạy về chữ nghĩa và đức tính. Martinô là cậu học sinh ngoan và thông minh. Sau hai năm, cha cậu để Gioanna ở lại tiếp tục học, còn Martinô, ông bắt về ở bên mẹ tại Lima. Ông căn dặn Martinô:

– Con phải học nghề hót tóc. Cha hy vọng con sẽ cố gắng học, và cố gắng trở nên người Công giáo tốt.

Martinô đã vâng lời cha và cố gắng học cũng như sống đạo tốt.

Thời đó và trong hoàn cảnh sống tại Lima, thợ hót tóc đồng thời cũng là "thầy lang". Họ phải học biết các kiến thức y học phổ thông, như biết bắt mạch chẩn bệnh, biết băng bó vết thương, biết chữa các bệnh cảm cúm, sốt rét, biết nắn khớp xương và pha thuốc. Martinô rất thích nghề này. Cậu thưa với mẹ:

– Mẹ ơi, tập nghề hót tóc là một nghề cao cả, mẹ ạ. Học nghề này con có thể giúp đỡ những người nghèo khó được nhiều, mẹ nhỉ!

Mẹ cậu khích lệ con:

– Martinô, con là một đứa trẻ tốt. Xin Chúa chúc lành và luôn gìn giữ con tốt mãi như vậy!

Martinô thưa lại:

– Thưa mẹ, đó là điều con hằng cầu nguyện mỗi sáng trong Thánh lễ, và Chúa đã giúp con. Ngài biến đổi con, giúp con học nghề này cho đạt kết quả tốt.

Sau hai năm học nghề, lúc 12 tuổi, Martinô vui vẻ và hăng say hành nghề. Mỗi sáng, cậu tham dự Thánh lễ, có khi giúp lễ, nhiều bao nhiêu có thể, tại nhà thờ Thánh Ladarô. Sau đó, mang đồ nghề đi rao quanh khắp xóm dân nghèo, tới đến với những người già yếu, tàn tật để săn sóc bệnh tật cho họ mà không lấy công. Nhiều đêm cậu cũng phải thức để chăm sóc các con bệnh đang cần đến cậu. Nhất là những người hấp hối cần cậu ở bên khích lệ họ tin tưởng vào Chúa, và giúp họ dâng lên Ngài những bệnh tật đau khổ.

Năm lên 15, Martinô xin mẹ dẫn đến tu viện Mân Côi của các cha Dòng Đaminh tại Lima để xin đi tu. Tuy mẹ mong muốn con làm linh mục hay ít là làm thầy Dòng, nhưng Martinô xin mẹ ưng thuận để cậu chỉ xin làm người giúp việc trong Dòng mà thôi. Bà hỏi con:

– Tại sao con không muốn làm linh mục hoặc thầy Dòng, mà lại chỉ muốn làm người giúp việc thôi?

Cậu thưa:

– Vì con không muốn trở nên người quan trọng. Con chỉ muốn chu toàn những việc tầm thường vì yêu mến Chúa. Xin mẹ vui lòng chấp nhận ước nguyện của con!

Bà quyết định:

– Được rồi, xin Chúa chúc lành cho con; còn trong tu viện, con muốn ở bậc nào tùy ý con chọn, mẹ chỉ xin con nhớ cầu nguyện cho mẹ.

Trước đây cha Tu viện trưởng cũng đã nhiều lần nghe biết về cậu Martinô,

nên người đã ưng nhận. Thế là Martinô được gia nhập tu viện, mang y phục người giúp việc trong Dòng Đaminh. Cậu cảm thấy mình đã được thuộc trọn về Chúa và Đức Mẹ.

Trong bậc giúp việc, Martinô đảm nhận nhiều công tác, như hớt tóc, coi nhà giặt, phụ trách phòng y tế. Martinô rất vui trong việc phục vụ tha nhân. Bệnh nhân đầu tiên trong Dòng mà Martinô săn sóc, đó là Cha Phêrô. Một chân cha bị thương và lại bị nhiễm trùng, cần phải giải phẫu và cưa chân để cứu sinh mạng. Vì quá đau nên Cha Phêrô có phần bất nhẫn. Tối bữa, Martinô dọn một đĩa rau tươi với những trái ôliu thật ngon mang tới Cha. Đến phòng, Martinô gõ cửa. Có tiếng từ trong đáp ra:

– Đi chỗ khác, để cho tôi yên!

Bất kể tiếng la quát cứng cỏi của Cha, cậu cứ điềm tĩnh đẩy cửa bước vào. Với giọng săn sóc cậu hỏi:

– Cha Phêrô ơi, Cha có thích dùng chút rau tươi tuyệt ngon này không?

Cha Phêrô mở to đôi mắt ngạc nhiên:

– Sao lại không? Tôi đang thèm rau tươi đây. Sao cậu đoán được ý tôi?

Cha Phêrô ngồi dậy và dùng một cách ngon lành.

– Cám ơn Martinô nhé!

Cậu mỉm cười thưa:

– Bây giờ để con thay băng cho Cha nhé?

Cha cũng mỉm cười đồng ý.

Thế là vừa thay băng Martinô vừa nói với Cha:

– Thưa Cha, chắc Cha tin rằng Chúa sẽ chữa lành vết thương của Cha chứ?

– Martinô, con hãy cầu nguyện, để Chúa chữa lành vết thương của Cha! Còn Cha, dù có chết Cha cũng không muốn giải phẫu!

Vừa ra khỏi phòng Cha Phêrô, Martinô lên ngay nhà nguyện, quỳ cầu nguyện trước Nhà Tạm: *"Lạy Chúa chí ái, xin chữa lành chân Cha Phêrô. Chúa đã từng chữa nhiều người khác, xin Chúa cũng chữa ngài. Chẳng có gì mà Chúa không làm được. Con tin Chúa"*. Tối hôm đó, khi Martinô trở lại thăm Cha Phêrô, cậu đã thấy Cha đang đi đi lại lại trong phòng! Vừa thấy cậu, Cha kêu lên:

– Martinô, Martinô! con đã chữa lành vết thương của Cha rồi! Cha không biết phải cảm ơn con thế nào. Con rời khỏi đây chừng nửa giờ, thì chỗ bị sưng xẹp xuống và cơn đau cũng biến mất. Con vừa làm một phép lạ đó!

Martinô thưa lại:

– Xin Cha đừng nói như vậy, con chỉ thay băng cho Cha thôi, chính Chúa mới làm cho vết thương Cha lành.

– Đúng rồi, nhưng nếu con không cầu nguyện, chắc chân Cha cũng chưa khỏi!

Không những Martinô hết lòng thương yêu giúp đỡ mọi người, cậu còn săn sóc và bảo vệ sự sống của các con vật nữa. Các chú chim đến với cậu để kiếm ăn, các con mèo hoang cũng vậy. Cậu luôn dự trữ sẵn đồ ăn cho chúng. Một hôm, đàn chuột cắn đồ lễ tại Cung thánh, thầy phụ trách đã trình Cha Bê trên và xin để cậu Martinô diệt chúng. Đứng trước việc này, Martinô nghĩ không thể giết hại chúng, cậu bèn cầu nguyện, rồi đi lên phòng thánh. Vừa bắt gặp một chú chuột, Martinô gọi nó, nó đã ngoan ngoãn chạy lại bên cậu, Martinô nói:

– Bây giờ chú hãy nghe cho kỹ... chú và các chuột khác phải rời khỏi phòng thánh này ngay, vì các chú đã cắn áo lễ. Chúa không hài lòng với các chú về việc này. Vậy các chú bảo nhau thu dọn ra ở chuồng bò. Tôi sẽ đem đồ ăn đến cho các chú. Hiểu chưa?

Con chuột gật đầu rồi chạy mất. Một lát sau, nó dẫn một đàn chuột theo, nhắm thẳng hướng tay Martinô chỉ ra chuồng bò. Thầy phụ trách Cung thánh cũng hết sức ngạc nhiên khi chứng kiến đàn chuột đang đi theo hướng tay Martinô chỉ. Thầy đã lên trình Cha Bê trên về hiện tượng lạ lùng ấy. Và từ đó, không còn thấy lũ chuột cắn đồ lễ nữa.

Chín năm Martinô ở bậc giúp việc; đến năm 1603, khi anh đã 24 tuổi, các Bề trên nhận thấy ơn Chúa thương Martinô nhiều. Anh đã khiêm nhượng xin ở bậc giúp việc chứ không dám xin ở bậc các thầy. Các Bề trên và tất cả nhà Dòng đều nhận thấy anh sống đời cầu nguyện, khiêm nhượng thông hối và bác ái gương mẫu, nên đã quyết định cho anh lên bậc Tu sĩ thực thụ. Bề trên gọi Martinô và bảo:

– Martinô, từ nay con không còn là người giúp việc nữa. Con sẽ là một Thầy Dòng.

Martinô thưa lại:

– Thưa Cha, con bất xứng!

– Việc đó Cha chịu trách nhiệm. Con hãy mời mẹ con lên đây dự lễ Mặc áo Dòng!

Khi được tin, mẹ cậu đã hết sức vui mừng.

Sau ngày Mặc áo Dòng, Martinô đã nhận thêm những trách vụ mới, như việc săn sóc những người nghèo khó xin ăn tại cổng tu viện. Trước khi phân phát của ăn, thầy Martinô chúc lành cho những người nghèo khó bằng những lời: *"Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành, gia tăng lương thực này, và xin Người thánh hoá tất cả những ai dùng của ăn này"*. Lời nguyện này luôn luôn thấy hiệu lực. Bất kể người được ít kẻ được nhiều, không một ai đến xin ăn mà phải về tay không. Ai nấy đều được no đủ và hài lòng với thầy Martinô.

Một hôm, lúc thầy Martinô đem những ổ bánh cuối cùng trong kho nhà Dòng phát cho người nghèo, làm ông giúp việc nấu bếp lo lắng. Ông chạy đến thưa Cha Bề trên, nhưng ngài điềm tĩnh đáp:

– Ông đừng lo, thầy Martinô không phát hết đâu, bánh sẽ còn đủ cho cả chúng ta nữa.

Quả đúng như lời Cha Bề trên, vì hằng ngày, không rõ số bánh thầy Martinô đã cho đi bao nhiêu, nhưng các thầy vẫn luôn luôn có đủ bánh dùng.

Thầy Martinô luôn làm các việc bình thường trở nên những việc khác thường

bằng tình yêu mến Chúa "hết lòng, hết sức, hết linh hồn" và phục vụ "yêu thương" anh em đồng bào theo giới răn bác ái của Chúa. Thầy thể hiện hai giới răn này suốt từ khi có trí khôn. Suốt hơn 45 năm sống đời khiêm hạ và bác ái trong Dòng Thánh Đaminh tại Lima, Martinô tận tâm phục vụ Chúa nơi các bệnh nhân, những người nghèo khó và các trẻ em mồ côi. Thầy sống rất đẹp lòng Chúa, nên Ngài đã làm bao nhiêu điều lạ lùng qua lời cầu nguyện của Thầy: như các lần thị kiến, xuất thần, đánh tội nhiệm nhật, ở hai nơi một trật, thông hiểu thần học, làm phép lạ chữa lành bệnh nhân, cảm thông hiểu biết cũng như sai khiến được các con vật vô tri.

Thầy sống thật xứng đáng là một tu sĩ gương mẫu trong đức vâng lời trọn hảo, đức khiêm nhường thâm sâu, và lòng thương yêu đối với các thụ tạo của Thiên Chúa. Vị Thánh hai dòng máu Tây Ban Nha và Pêru da màu này đã thể hiện tình yêu thương với mọi người không phân biệt chủng tộc, màu da hay quốc tịch. Thầy phục vụ Chúa Kitô trong mọi người, vô điều kiện và vô giới hạn. Trong những đêm dài cầu nguyện và thống hối, Martinô được đói khát tình yêu Thiên Chúa, và trong những ngày dài Thầy dành để săn sóc các bệnh nhân, nuôi dưỡng người nghèo, thi hành các công việc lao tác của nhà Dòng với một lòng khao khát cứu rỗi các linh hồn. Đời sống thánh thiện của Thầy khiến cho các Bề trên và cả tu viện coi Thầy như một vị linh hướng gương mẫu của họ. Chính Thầy đã khiêm nhường tự xưng mình là "người nô lệ hèn mọn" hoặc là "con chó lai = Mulatto dog". Nhưng người đương thời gọi Martinô là "Cha bác ái" và "Cha của người nghèo".

Đầu tháng 11 năm 1639, gần ngày sinh nhật thứ 60, Thầy ngã lâm trọng bệnh, suốt ba ngày chịu đau khổ cách can đảm. Trong khi đó, những người từng được Thầy săn sóc giúp đỡ, đã cầu nguyện và khóc thương Thầy bên ngoài tu viện. Đến ngày thứ tư, bệnh tình của thầy có phần thuyên giảm. Đức Mẹ và Thánh Đaminh đã hiện ra để yên ủi Thầy. Martinô đã mời Bề trên và mọi anh em trong tu viện tới. Họ đến để cầu nguyện cho Thầy trong cơn hấp hối. Cha Bề trên hỏi: "Thầy Martinô, Thầy muốn chúng tôi hát bài ca nào để tiễn đưa Thầy?" Thầy đáp lại, "Xin hát kinh Tin kính".

Thế là toàn thể anh em cao giọng cất lên bài ca tuyên xưng Đức Tin. Tới câu "Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình" thì Thầy nhắm mắt lìa trần, linh hồn bay về với Đấng mà các tu sĩ đang tung hô ca ngợi. Hôm đó là ngày 4 tháng 11 năm 1639.

Đức Thánh Cha Gioan XXIII đã phong thánh cho Thầy Martinô đệ Porres ngày 6 tháng 5 năm 1962, và gọi người là "Martinô Bác Ái". Lễ kính Thánh nhân trong toàn thể Giáo hội được ấn định vào ngày 3 tháng 11 hằng năm.

Thánh Benildus Romancon, F.S.C.

Nên thánh qua các việc nhỏ mọn hằng ngày.

(1805 – 1862)

Khi còn nhỏ Phêrô Romancon thường bị chúng bạn gọi là "tép" vì thân hình bé nhỏ của em. Khi làm giấy khai sinh, vài người bạn phải đi theo để làm chứng, vì ba em không viết nổi tên của ông nữa. Cả cha mẹ của Phêrô đều không biết chữ, nhưng họ nhất quyết sẽ cố gắng để cho con họ được học hành. Họ đã bớt những công việc đồng áng để Phêrô có giờ đến trường học.

Cha mẹ của Phêrô đều không được học, nhưng họ là những người rất chăm chỉ làm việc và rất đạo đức. Vì quá bận rộn nên mẹ em không thể tham dự thánh lễ hằng ngày, nhưng vừa khi rảnh rang một chút, bà liền đến nhà thờ viếng Thánh Thể. Một trong những điều Phêrô vẫn còn nhớ mãi là những lần em theo mẹ đến viếng Thánh Thể, và Phêrô đã cho rằng chính những cuộc viếng Thánh Thể này đã làm nảy sinh ơn gọi của mình.

Khi Phêrô được 13 tuổi, một thầy giáo đã nhờ em giúp ông dạy một nhóm học sinh phá phách mà chính ông không trị được. Tất cả mọi người, nhất là thầy giáo, đã ngỡ ngàng vì không ngờ em có thể trị được nhóm học sinh này. Từ ngày đó Phêrô đã tìm ra hướng đi của cuộc đời mình, đó là ngành giáo dục.

Một ngày nọ, trong khi cùng với mẹ đi qua đường phố, Phêrô nhìn thấy hai người trang phục trông rất khác người. Mỗi người đeo một cổ tràng hạt, còn đầu thì đội mũ ba cạnh. Vào thời đó, nước Pháp mới trải qua một giai đoạn đẫm máu do phong trào chống tôn giáo gây nên. Nhiều dòng tu vẫn chưa dám mặc tu phục. Vì có lẽ chưa bao giờ thấy một bộ tu phục nào, nên Phêrô đã hỏi mẹ hai người kia là ai.

– Đó là các sư huynh, những người dạy học vì lòng mến Thiên Chúa.

Từ ngày đó, Phêrô bắt đầu có ý định cũng muốn làm một sư huynh dạy học. Mẹ cậu thì sẵn sàng để cho con thử ơn gọi này, nhưng ba cậu muốn cậu làm một thầy giáo ngoài đời để cậu có thể tiếp tục ở gần gia đình. Hơn nữa, ông

cho rằng Phêrô chưa đủ khôn lớn để làm quyết định quan trọng này. Sau cùng, hai ông bà đã quyết định cho Phêrô theo học tại trường các sư huynh tại Riom. Tại đây, ước vọng muốn làm sư huynh của Phêrô càng ngày càng mạnh mẽ hơn.

Phêrô đã được mặc áo Dòng Sư Huynh Các Trường Thiện Giáo vào năm 1820, và được đổi tên là Thầy Benildus. Đến lúc này, ba của Thầy vẫn không bằng lòng cho Thầy làm sư huynh. Ông đã đến thăm và nói với Thầy:

– Phêrô, ba muốn con về với ba.

Thầy thật không ngờ ba mình vẫn còn phản đối ơn gọi của mình. Thầy đã thưa với ba:

– Nếu ở đây con phải sống bằng vỏ khoai tây thì con cũng ở lại, con sẽ không bỏ nhà này.

Dù vậy, Thầy cũng dấn lệ khi thấy ba buồn sầu ra về. Sau đó, Thầy liền vào nhà thờ để dâng lên Chúa Giêsu Thánh Thể nỗi buồn ấy.

Một năm sau, Thầy Benildus bắt tay vào nghề giáo dục. Đến năm 1839, Thầy được chỉ định điều khiển một trường của dòng. Và sau đó hai năm, Thầy được chỉ định làm hiệu trưởng một trường mới tại Saugues.

Trong vai trò là một giáo sư và một hiệu trưởng, Thầy rất chú trọng đến tinh thần kỷ luật, đến nỗi nhiều học sinh phải sợ Thầy. Tuy Thầy có dùng roi để sửa phạt, nhưng cũng rất nhẹ khi so với các giáo viên tại Pháp thời đó. Thầy sửa phạt công bằng, không thiên vị ai, không kỳ thị giàu nghèo. Dưới sự điều khiển của Thầy, học sinh mỗi ngày mỗi mến trường học hơn, vấn đề trốn học hầu như không còn xảy ra.

Dù vậy, đối với Thầy, cảm hãm được tính nóng của mình và luôn tỏ ra là một giáo viên công bằng không phải là luôn luôn dễ dàng. Có lần Thầy đã phải công nhận là nếu không có sự trợ giúp của Đức Trinh Nữ Maria, có lẽ Thầy đã đập chết mấy đứa học sinh mất dạy: "Tôi nghĩ là cho dù thiên thần từ trời xuống để dạy những đứa trẻ đó, chắc các vị cũng khó lòng mà cảm hãm được sự nóng giận".

Khi Thầy mới đến Saugues để mở trường học, nhiều phụ huynh đã tỏ ra bất mãn và thất vọng vì nghĩ rằng với thân hình mảnh khảnh nhỏ bé như vậy, làm sao Thầy có thể trị được con cái họ, những đứa thích trốn học hơn là đến trường.

Trong những ngày đầu, lớp học đã trở thành một chiến trường: bên này là một nhóm học sinh nhà quê to con, bên kia là một sư huynh thân hình nhỏ thó nhưng với một ý chí cương quyết, nhất định thi hành sứ mạng yêu thương và giáo dục. Một ngày nọ, trong khi Thầy Benildus đang viết trên bảng, một em học sinh mười tuổi đã cầm giấy ném Thầy. Thay vì cho em một trận nên thân, Thầy đã cảm hãm được tính nóng giận của mình. Thầy điềm đạm xin em ở lại sau lớp học và mời cha mẹ em đến để cùng ra hình phạt thích đáng cho em. Trong mọi lúc, Thầy luôn cố gắng tuân theo lời chỉ dạy của Vị Giáo Sư thánh thiện và cũng là Vị Sáng Lập Dòng, Thánh Gioan Baptist de la Salle. Thánh nhân đã khuyên anh em của Ngài, là giáo viên, họ phải đóng vai cha mẹ của các em, có tính tình hiền dịu của người mẹ và tính cương trực của người cha.

Một giáo viên chỉ biết sửa phạt học sinh sẽ không bao giờ được hưởng lòng yêu mến và kính trọng của chúng, dù rằng tại Pháp thời đó có nhiều nhà giáo thật ngặt nghèo và nghiêm khắc với học sinh. Thầy Benildus đã dùng nhiều cách để khuyến khích học sinh như chia các học sinh thành nhiều đội để thi đua với nhau, dùng những lời lẽ ân cần yêu thương và khen thưởng. Thầy nhận ra những nhu cầu của từng cá nhân, và đối xử với học sinh một cách kính trọng, không cần biết họ giàu hay nghèo. Để khích lệ chúng, mỗi năm thường có những dịp tặng quà khen thưởng. Phương pháp giáo dục mà Thầy Benildus áp dụng cho học sinh của Thầy vào giữa thế kỷ mười chín cũng chính là phương pháp mà nhiều nhà tâm lý và giáo dục ngày nay cho là rất hữu hiệu trong việc giáo dục. Phương pháp khen thưởng và chú ý đến từng học sinh đó, không lâu sau đã khiến cho những trẻ học sinh nhà quê khó dạy kia trở nên chăm chỉ học hành.

Dần dần phụ huynh của các em đã nhận ra sự thành công của Thầy và tỏ ra kính trọng Thầy hơn. Không những thế, một số đã xin Thầy mở lớp ban đêm để dạy họ biết đọc biết viết. Thầy đã mở lớp và đích thân dạy học cho họ.

Tuy là người giữ kỷ luật rất nghiêm, Thầy cũng là một người rất vui tính. Một lần Thầy dạy cho học sinh cách làm sáo tre và một số nhạc khí đơn sơ khác. Nhưng thật không may, vì phụ huynh của các em tỏ ra không vui tí nào

khi các em làm ồn ào cả nhà cửa. Thế là Thầy Benildus đã phải xin mua lại tất cả các nhạc khí đó.

Không những Thầy dành tình thương và sự săn sóc cho các học sinh bình thường, mà cả những học sinh yếu kém cũng được Thầy đặc biệt săn sóc. Một ngày nọ một anh chàng 18 tuổi không biết chữ và hầu như điếc đã đến xin Thầy dạy học để có đủ khả năng Rước lễ lần đầu. Thầy đã không ngần ngại học ngôn ngữ của người điếc để có thể dạy cho anh. Một lần khác, một thanh niên đã bị Thầy bắt quả tang ăn cắp trong nhà của Thầy. Thầy không cho người ta gọi cảnh sát; Thầy muốn chính mình khuyên bảo hẳn. Khi được biết anh có gia đình để chăm sóc, Thầy liền giúp đỡ anh để anh có đủ sức lo cho gia đình.

Trong cuộc sống thường nhật, Thầy Benildus cố gắng tuân giữ lề luật từng chữ từng nét, và Thầy đã làm gương cho anh em. Khi được đặt làm bề trên của tu viện, Thầy có trách nhiệm phải ra hình phạt khi có ai lỗi luật. Hình phạt Thầy hay ra nhất là viếng Đàng Thánh giá. Rất nhiều lần, Thầy cũng đến để cùng viếng Đàng Thánh giá với phạm nhân.

Tuy là một nhà giáo tài ba và là một tu sĩ gương mẫu, nhưng Thầy không làm được điều gì có thể nói là nổi bật hay khác thường. Thầy không làm một phép lạ nào, không được một ơn đặc biệt hay được hưởng một thị kiến nào. Qua các thời đại, các thánh được tôn phong không phải vì những việc vĩ đại các ngài đã làm, nhưng vì cuộc sống toàn diện của các ngài. Đức Giáo Hoàng Piô XI đã gọi Thầy Benildus là "Vị Thánh của những Công việc Hằng ngày", và cho chúng ta biết là sự thánh thiện của Thầy không gì khác hơn là làm những việc bình thường một cách khác thường vì lòng yêu mến Thiên Chúa.

Thầy Benildus được Chúa gọi về cách lặng lẽ tại Saugues vào ngày 13 tháng 8 năm 1862. Lời cuối cùng của Thầy phản ánh một tâm hồn vui tươi mà Thầy đã giải sáng trong suốt cuộc đời: "Thật hạnh phúc cho những ai được chết trong tình trạng thánh thiện".

Chỉ sau khi chết, sự thánh thiện của Thầy mới được đưa ra ánh sáng. Cây Thánh giá bằng đồng rẻ tiền của Thầy Benildus đã được các thầy dòng tặng cho bác thợ mộc đã đóng hòm cho Thầy. Vợ bác thợ mộc đã cho những người cần ơn trợ lực của Trời mượn cây Thánh giá đó. Một người đang hấp hối mà vẫn không chịu lãnh nhận các bí tích, nhưng sau khi đụng vào cây

Thánh giá đó, ông liền xin mời linh mục đến. Nhiều phép lạ khác đã xảy ra nhờ cây Thánh giá đó. Hai phép lạ được Giáo Hội công nhận trong cuộc điều tra phong thánh cho Thầy Benildus đã xảy ra nơi những người mang bệnh ung thư bất trị.

Trong nghi lễ phong chân phước có lời nguyện xin Chúa ban cho mọi tín hữu được biết noi gương Thầy Benildus trong việc chu toàn các việc nhỏ mọn trong cuộc sống, để có thể lãnh nhận những phần thưởng lớn lao và vô cùng trên Thiên Quốc.

Thầy Benildus đã được Đức Thánh Cha Phaolô VI tôn phong lên bậc Hiển thánh vào tháng 10 năm 1967.

Thánh Gioan Neumann, C.S.S.R.

Tận tụy với bốn phận cho đến giây phút được gọi về.

(1811 – 1860)

Khi chủng sinh Gioan Neumann đến Hoa Kỳ năm 1836, Thầy không có một đồng xu dính túi; nhưng 24 năm sau, khi Đức Giám Mục Gioan Neumann qua đời, Ngài đã hoàn thành nhiều công trình hơn những người khác có thể làm với thời gian gấp đôi. Trong số những thành quả của Ngài là tổ chức các trường Công Giáo và Bốn Mươi Giờ Thánh. Đời sống của Ngài đã minh chứng rằng mọi người có thể đạt được sự thánh thiện. Ngài không làm một phép lạ nào. Trái lại, Ngài sống một cuộc đời thật bình thường và theo đuổi ơn gọi của mình với tất cả tấm lòng, tất cả sức lực, và với lòng trung thành hoàn hảo.

Gioan sinh ngày 28 tháng 3 năm 1811, tại làng Prachatitz, nước Tiệp Khắc. Ba của Gioan làm chủ một hãng dệt nhỏ. Từ nhỏ, Gioan là người trầm lặng và thích đọc sách. Vì sở thích của em là môn vạn vật và thiên văn, nên ước mơ của em là một ngày nào đó sẽ làm bác học. Đến năm 20 tuổi, khi đến tuổi phải chọn một hướng đi cho cuộc đời, Gioan bị giằng co giữa ước muốn làm bác sĩ và ý tưởng làm linh mục. Đối với ý tưởng muốn làm linh mục, Gioan cảm thấy khó mà đạt được, vì trong số 90 đơn xin, bình thường chủng viện chỉ nhận 20 đơn. Hơn nữa, Gioan không có ai đỡ đầu. Dù vậy, sau khi đã bàn hỏi với cha mẹ, mẹ cậu đã nói với cậu:

– Gioan, nếu con cảm thấy muốn làm linh mục, thì con cũng nên thử một lần.

Dù vô vọng, Gioan vẫn nộp đơn xin nhập chủng viện. Cậu thật không ngờ khi được tin là đã được chấp nhận. Tại chủng viện, Gioan chăm chỉ học hành và được điểm rất cao. Ngoài ra, Thầy học được tám ngoại ngữ. Nhờ vốn liếng ngoại ngữ đó, sau này Thầy đã làm được rất nhiều việc. Thêm vào đó, khi gần mãn khoá, Thầy được mời giữ một chức vụ quan trọng trong chính quyền. Nhưng Thầy đã từ chối không nhận, khiến cả cha viện trưởng lẫn hai nhân viên chính phủ không thể hiểu được. Thầy Gioan muốn đến một nơi mà người ta cần đến Thầy. Một trong những nơi đó là Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ trong thời gian ấy có rất nhiều dân di cư từ Âu Châu. Họ như chiên không người

chăn, vì rất ít linh mục biết ngôn ngữ của họ. Vị viện trưởng và hai người kia không thể hiểu được lý do nào đã khiến cho Gioan tự tình từ bỏ một cuộc sống sang giàu và có địa vị trong xã hội, và chọn một cuộc sống đầy khó khăn tại Hoa Kỳ.

Sau khi mãn khoá, vì Đức Cha bị bệnh, nên ngày truyền chức linh mục đã bị hoãn vô thời hạn. Vì nghĩ rằng một Giám Mục Hoa Kỳ sẽ truyền chức cho, Thầy đã viết mấy lá thư xin tình nguyện sang phục vụ tại Hoa Kỳ. Thầy không nhận được một thư hồi âm nào. Thế là Thầy nhất định liều một phen. Thầy quyết định sang Hoa Kỳ để đích thân xin được truyền chức.

Với một túi đồ nhỏ, Thầy Gioan đi bộ đến hải cảng Havre và ra khơi vào mùa xuân năm 1836. Sau bốn mươi ngày trên biển, Thầy đến bến Manhattan, Nữ Uớc. Khi được tiếp chuyện với Đức Cha Gioan Dubois, Thầy mới biết là Đức Cha đã gửi thư mời Thầy sang, nhưng Thầy đã bỏ Âu Châu trước khi thư đó đến. Thầy đã được Đức Cha truyền chức linh mục vào ngày 25 tháng 6 năm 1836, và Đức Cha sai Cha Gioan coi sóc một Giáo Xứ gần thành phố Buffalo với diện tích 900 dặm vuông. Trong vùng đất xinh lầy ảm thấp và đầy muỗi này, sống rải rác khoảng bốn trăm gia đình Công Giáo người Đức, Pháp, Ái Nhĩ Lan và người dân da đỏ. Cha Gioan tóm tắt việc làm của Cha tại đây trong hai chữ: "Đi Bộ". Với bộ đồ lễ đeo sau lưng, Cha đi bộ đến các nơi để ban các bí tích cho giáo dân. Mỗi ngày Cha đi bộ trung bình từ 15 đến 30 cây số.

Cha Gioan Neumann đặc biệt yêu thương các trẻ em, và Ngài thường cho các em kẹo để khuyến khích các em học giáo lý. Vì thấy nhiều em cần có môi trường để có thể học hành, Ngài liền bắt đầu một chương trình Ngài rất ưa thích, đó là mở trường học.

Về công việc coi sóc xứ đạo, tuy không phải dễ, nhiều khi cũng thật đơn điệu. Dù vậy, cũng có những lúc hú hồn. Một lần nọ Cha bị bọn cướp bắt và chút nữa là bị treo cổ. Lần khác, tí nữa là Cha bị một người say bắn vào lưng. Sau một thời gian quốc bộ khắp đó đây, Cha bắt đầu cảm thấy thâm mệt. Trong một chuyến đi, Cha đã bị ngất xỉu ở trong rừng. Mấy người dân da đỏ trong vùng đã thấy Ngài và đem Ngài về nhà. Vì biến cố này, một người bạn đã tặng Cha một con ngựa để Cha dùng.

Sau mấy năm phục vụ con chiên bốn đạo, tuy Cha cảm thấy họ cần Cha,

nhưng riêng Cha, Cha cảm thấy không yên tâm với đời sống thiêng liêng của mình. Ngài cảm thấy cần có những người bạn đồng hành và cần những lời chỉ dạy của các linh mục khác. Vì thế, Cha đã quyết định xin vào dòng. Sau khi gặp một tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế, Cha cảm thấy rất muốn vào Dòng này. Tuy Đức Cha rất tiếc khi bị mất một linh mục tài ba như Cha Gioan, Ngài đã đồng ý cho Cha nhập Dòng Chúa Cứu Thế tại Pittsburgh. Cha đã được vào nhà tập và sau đó được khấn dòng vào năm 1842.

Trong dòng, Cha được chỉ định giúp việc tại nhiều nơi. Khi Cha được 35 tuổi, tức bốn năm sau khi khấn dòng, Cha được đặt làm bề trên Dòng Chúa Cứu Thế tại Hoa Kỳ. Vì một số lý do, nhất là vì Ngài còn trẻ và là phần tử mới của Dòng, nhiều người không thích Cha làm bề trên. Hơn nữa, vì chủ trương của Cha là muốn mọi phần tử sống trong cùng một tu viện, thay vì chia người đi nhiều tu viện nhỏ như ý muốn của nhiều người. Sau hai năm đương đầu với những lời dèm pha từ nhiều phía, Cha đã xin được giải nhiệm. Nhưng ba năm sau, tức năm 1851, Cha lại được bầu làm bề trên tu viện tại Baltimore.

Chỉ mấy tháng sau khi đến Baltimore, một tin đồn không biết bắt nguồn từ đâu, là Cha Gioan Neumann sẽ làm Giám mục. Vì là Cha giải tội của Đức Tổng Giám Mục Baltimore, một ngày nọ Đức Tổng Giám Mục đã nói đùa là nếu Cha Gioan mặc phẩm phục giám mục, chắc trông Cha sẽ rất oai phong. Cha Gioan thật sững sốt khi nghe được lời đó. Cha không muốn được chỉ định vào chức vụ này, vì Cha sợ sẽ không được gần con chiên của mình. Cha đã nhờ bạn bề xin Chúa đừng để Ngài làm giám mục. Cha còn nhờ các bề trên bầu cử cho mình. Sau đó, một trong những tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế, cũng là bạn của Đức Thánh Cha, đã cho biết, "Đức Giáo Hoàng có lý do riêng của Ngài".

Không lâu sau, khi Cha Gioan vừa bước vào phòng, Cha thấy có vật gì nằm trên một cuốn sách đang mở. Lúc đến gần thì Cha thấy một chiếc nhẫn Giám mục và một tượng Thánh giá. Cha Gioan đã được truyền chức Giám Mục vào ngày sinh nhật thứ bốn mươi một của Ngài.

Cha Gioan đã được chỉ định làm Giám Mục Philadelphia. Vì biết cánh đồng truyền giáo trong Giáo Phận rộng lớn này thật bao la bát ngát, và đòi nhiều công sức, Ngài đã chọn khẩu hiệu, "Sự Đau Khổ của Chúa Kitô, xin nâng đỡ con". Chỉ vài tuần sau khi nhận địa phận, Đức Cha Gioan đã viếng thăm các

nhà thờ và các cơ sở Công Giáo trong thành phố Philadelphia. Và khi mùa xuân vừa ló rạng, Đức Cha bắt đầu cuộc hành trình viếng thăm các họ đạo tại miền quê. Dù làm Giám Mục, Ngài vẫn hằng say hoạt động và luôn sẵn sàng tiếp đón bất cứ ai đến với Ngài. Những ánh nhìn khác lạ khi nhìn thấy cổ áo đã sờn và đôi giày cao cổ của Ngài trong thời gian đầu không lâu sau đã được thay bằng ánh mắt mến phục vì tính tình hiền từ và đơn giản của Ngài. Một trong những lý do chính khiến Rôma chọn Ngài là vì khả năng ngoại ngữ, một yếu tố rất quan trọng trong một giáo phận có dân ngoại kiều đến từ nhiều quốc gia. Lúc này, Đức Cha Gioan Neumann đã nói thông thạo 12 thứ tiếng.

Người ta kể một cụ bà người Ái Nhĩ Lan đến Đức Cha Neumann để xưng tội. Bà cụ xưng thú tội mình một cách lanh lẹ bằng tiếng Ái Nhĩ Lan. Sau khi đã được nghe những lời khuyên khôn ngoan của Đức Cha, bà ra khỏi toà vui thú reo lên:

– Tạ ơn Chúa, bây giờ chúng ta đã có một Giám Mục người Ái Nhĩ Lan.

Trong tám năm làm giám mục, Đức Cha Neumann đã xây cho giáo phận tám chục nhà thờ, và trong hội đồng Giám Mục toàn quốc lần thứ nhất, Đức Cha đã đưa ra một hệ thống học đường Công Giáo cho toàn nước Mỹ. Đức Cha ước muốn mỗi giáo xứ trong giáo phận của Ngài có một trường Công Giáo. Lúc Đức Cha nhận chức vào năm 1852, Giáo Phận Philadelphia chỉ có 2 trường tiểu học; tám năm sau, con số đó đã lên tới 100. Đức Cha cũng mời được mấy dòng tu đến đặt trụ sở trong giáo phận để giúp vào việc giáo dục.

Ngay khi vừa về nhận chức, Đức Cha muốn tổ chức chương trình Bốn Mươi Giờ Thánh trong giáo phận, nhưng Ngài đã gặp phải nhiều chống đối. Trong thời gian đó, không giáo phận nào tại Hoa Kỳ có việc sùng kính này, vì sợ sự phạm thánh có thể xảy ra do một nhóm chống Công Giáo có tên là Ân Danh. Sau cùng, do một sự thúc đẩy, Đức Cha Neumann đã quyết định bắt đầu việc sùng kính này. Trong khi giáo dân lũ lượt kéo nhau đến nhà thờ, thì trái lại không thấy bóng dáng của một người nào thuộc nhóm Ân Danh. Không bao lâu việc sùng kính này cũng xuất hiện ở nhiều giáo phận khác.

Sau khi lên chức Giám Mục, Đức Cha Neumann không còn bị ràng buộc bởi lời khẩn khó nghèo của Dòng Chúa Cứu Thế. Dù vậy, vì lòng mộ mến đối với lời khẩn này, Đức Cha đã tuân giữ lời khẩn này cho đến ngày lìa đời. Với số tiền nhỏ mọn và ít đồ dùng mà Ngài có thể kể là của mình, Đức Cha luôn

sẵn sàng để cho những người ăn xin. Còn giữ lại, là vài bộ quần áo không hơn những miếng giẻ là bao. Một ngày nọ, một linh mục bạn đã trách khéo Ngài:

– Thừa Đức Cha, quần áo Đức Cha trông luộm thuộm quá. Hôm nay là ngày Chúa Nhật. Xin Đức Cha làm ơn đổi bộ quần áo nào khá hơn một chút.

Đức Cha đã trả lời:

– Vậy cha muốn tôi làm sao? Tôi đâu còn bộ nào khác.

Từ Tết dương lịch năm 1860, Đức Cha bắt đầu cảm thấy yếu sức và chóng mặt, nhưng Ngài không cho ai biết. Đến ngày mùng 5, trong bữa ăn chiều, khó khăn lắm Ngài mới nhận ra được một người bạn già của Ngài. Khi những người chung quanh hỏi Ngài, Đức Cha nhận là cũng cảm thấy hơi khác thường, nhưng Ngài nghĩ là chỉ đi bách bộ và hít không khí trong lành là sẽ lấy lại sức. Nhưng ngay sau đó Ngài lại nói thêm: "Con người luôn phải sẵn sàng, vì Thánh Ý Chúa đã định nơi chốn và thời gian con người sẽ chết".

Đức Cha Gioan Neumann đã ngã gục trên đường vào chiều hôm đó vì bệnh tim. Những người chung quanh đã đưa Đức Cha vào một căn nhà gần đó, nhưng Ngài chết trước khi vị linh mục kịp đến để ban các phép sau cùng.

Trước thánh lễ an táng, một đoàn người đông đảo chưa từng thấy trong thành phố Philadelphia, đã xếp hàng đến chào Đức Cha lần cuối. Nhiều người đã khóc vì nhớ thương; nhưng một số khác đã không ngần ngại để nở lên một nụ cười, vì họ chưa bao giờ thấy Đức Cha nghỉ ngơi, và nhất là, Đức Cha đang mặc một bộ quần áo mới.

Tuy nghỉ ngơi, nhưng Đức Cha vẫn tiếp tục làm việc. Vừa khi được đặt xuống mồ, nhiều người đã đến xin lời cầu bầu của Ngài, và nhiều người đã được ơn do lời Ngài chuyển cầu. Chỉ 26 năm sau khi Ngài qua đời, cuộc điều tra phong thánh đã được bắt đầu. Đức Thánh Cha Gioan XXIII đã phong chân phước cho Ngài vào năm 1963, và Đức Thánh Cha Phaolô VI đã nâng Đức Cha Gioan Neumann lên bậc Hiển thánh năm 1977. Trong các giáo phận tại Hoa Kỳ, lễ kính Ngài được định vào ngày 5 tháng 1 hằng năm theo bậc lễ nhớ buộc.

Thánh Nữ Phanxica Xaviê Cabrini, M.S.C.

Phục vụ tha nhân qua việc từ thiện bác ái.

(1850 – 1917)

Mặc dù lúc mở mắt chào đời, Maria Phanxica Cabrini sinh thiếu thốn và mắc phải một chứng bệnh hiểm nghèo, Mẹ Frances Xavier Cabrini sau này đã trở thành một trong những vị truyền giáo hoạt động hăng say vào bậc nhất trong Giáo hội. Mẹ đã thành lập 67 cơ sở từ thiện bác ái và tu viện cho Dòng. Thêm vào sức hoạt động phi thường này, Mẹ sống một cuộc đời thánh thiện đến nỗi chỉ 28 năm sau khi qua đời, Mẹ đã trở thành người công dân Mỹ đầu tiên được tôn phong lên bậc hiển thánh.

Bé Phanxica sinh ngày 15 tháng 7 năm 1850 tại San Angelo, Lombardy, nước Ý. Cha mẹ đạo đức của bé, ông Agostino và bà Stella, đã vội vàng xin cho bé được rửa tội, vì sợ bé không sống nổi. Phanxica là người con út trong số 13 người con. Trong số các anh chị, chị Rosa là người đặc biệt để ý đến bé Phanxica và cũng là người có nhiều ảnh hưởng nhất trên bé.

Khi Phanxica lên 13 tuổi, em được nghe một vị truyền giáo nói về việc truyền giáo tại Trung Hoa. Từ ngày đó, Phanxica bắt đầu nuôi mộng ước một ngày nào đó cũng sẽ trở thành một nhà truyền giáo, bất chấp sự chế nhạo của các chị khi họ biết mộng ước này của em. Cũng từ ngày đó, môn địa lý trở thành môn học Phanxica ưa thích nhất.

Phanxica theo học nội trú tại trường của các Sơ Dòng Thánh Tâm tại Arluno. Tại đây, Phanxica theo học ngành sư phạm. Sau khi ra trường, Phanxica dạy vài năm trong trường làng, và dùng những giờ còn lại chăm sóc các bệnh nhân nghèo. Phanxica tiếp tục mong muốn được theo đuổi ơn gọi tu trì, nhưng hai dòng đã chối không nhận vì sức khoẻ của Chị. Khi Phanxica được 24 tuổi, Đức Cha và Cha xứ đã xin Chị đến giúp các trẻ nữ tại Nhà Chúa Quan Phòng ở Codogno. Nhưng tại đây, Phanxica đã bị một số phụ nữ đối xử cách tàn tệ. Dưới hoàn cảnh đau khổ đó, Chị đã cố gắng để luyện tập đức khiêm nhu và cố gắng tiến tới trên đường nhân đức. Phanxica đã ở lại đây sáu năm, cho đến ngày Đức Cha giáo phận Lodi đóng cửa cơ sở này. Không lâu sau, trong khi tiếp Phanxica, Đức Cha đã nói với Chị:

– Con vẫn luôn mong muốn làm nhà truyền giáo. Cha không thấy có Dòng nữ nào lo việc đó. Sao con không thành lập một Dòng lo việc truyền giáo?

Lời đề nghị của Đức Cha cho một người âm thầm và một phụ nữ trẻ yếu đuối như Phanxica để thành lập một dòng tu, nhất là giữa thời kỳ có nhiều nhóm chống tôn giáo đang nổi lên phá phách các dòng tu, quả là một lời đề nghị điên cuồng. Nhưng sau một giây phút thỉnh lặng, và không một lời trình bày về sự khó khăn của công việc này, Phanxica đã thưa với Đức Cha, "Con sẽ tìm nơi ở".

Những ngày đầu của Tu hội các Nữ Tu Truyền Giáo Thánh Tâm thật là đơn sơ và nghèo nàn. Từ ngày lập Dòng, Mẹ Phanxica đã thêm tên Xaviê vào tên của mình, để tôn kính vị Thánh tông đồ miền Ấn độ.

Tu viện đầu tiên của Mẹ Cabrini là một tu viện bỏ trống của dòng Phanxicô. Trong đêm đầu tiên tại căn nhà mới này, Mẹ và bảy nữ tu trẻ đầu tiên đã phải nguyện kinh trong đêm tối, vì chưa có đèn điện. Thay vì giường, họ nằm ngủ trên đồng cỏ khô. Thánh lễ đầu tiên đã được cử hành vào ngày 14 tháng 11 năm 1880 trong một căn phòng tạm sửa làm nhà nguyện.

Không lâu sau, nhiều thiếu nữ từ các vùng lân cận đã đến gia nhập dòng mới. Những lời chỉ bảo khôn ngoan hiền từ, thêm vào tình thương yêu của Mẹ dành cho các chị em, và lòng nhiệt thành của Mẹ đối với việc truyền giáo, đó là những yếu tố lôi kéo nhiều ơn gọi mới.

Trong thời gian đầu, dù tài chính còn eo hẹp, nhưng nhờ Mẹ tin tưởng vào Chúa Quan Phòng, các sơ vẫn luôn có được lòng tin tưởng vô biên nơi Thiên Chúa. Vì quá nhiều ơn gọi, Mẹ đã phải mở thêm ba tu viện mới. Tại Milanô, các sơ đã mở một nhà để giúp đỡ các thiếu nữ theo học tại đại học.

Sau Milanô, Mẹ Cabrini muốn mở tu viện tại Rôma. Khi được biết ý định của Mẹ, một người bạn và cũng là cố vấn của Mẹ đã xin Mẹ hãy cân nhắc cho chín chắn, kéo nên trò cười cho thiên hạ.

– Mẹ có điên không? Xin Mẹ hãy để việc này cho các thánh làm!

Nhưng dù gặp nhiều chống đối và dù dòng mới không có tài chính để mở trụ sở tại Rôma, Mẹ Cabrini và một chị dòng đã đến Rôma xin được yết kiến

Đức Thánh Cha. Tại Rôma, Mẹ không được gặp Đức Thánh Cha, nhưng được nói chuyện với vị đại diện của ngài, Đức Hồng Y Parocchi. Sau khi được biết Mẹ Cabrini muốn mở một tu viện tại Rôma, Đức Hồng Y muốn biết dòng của Mẹ có đủ điều kiện để mở nhà ở Rôma hay không. Khi ngài hỏi Mẹ có đủ tài chính, hoặc có người nào đứng ra bảo trợ cho Dòng hay không, Mẹ đã từ tốn thưa lại là không có. Đức Hồng Y cảm thấy hơi khó xử, dù ngài nhìn thấy con mắt của Mẹ bày tỏ đầy lòng tin tưởng. Ngài đã đề nghị với Mẹ hãy trở về và vài năm sau hãy trở lại. Mẹ liền đến một nhà thờ gần đó và trong nguyện cầu bày tỏ tất cả tấm lòng của mình lên Chúa Giêsu. Một ngày sau, Mẹ được tiếp kiến Đức Hồng Y một lần nữa. Ngài hỏi Mẹ có sẵn sàng vâng lời không. Mẹ mau mắn đáp lại:

– Con luôn sẵn sàng.

Ngài liền cười và nói:

– Vậy thì không phải Mẹ sẽ mở một nhà, nhưng là hai nhà ở Rôma.

Đến đầu năm 1889, Đức Thánh Cha Lêô XIII gọi Mẹ đến. Ước mơ làm nhà truyền giáo đã đến lúc được thành tựu, nhưng không phải là sang miền Viễn Đông. Đức Thánh Cha Lêô sai Mẹ sang Mỹ Châu để phục vụ những người di dân Ý nghèo khổ tại Hoa Kỳ. Không một chút chần chừ, Mẹ Cabrini và sáu nữ tu khác liền lên đường và đến Nữ Ước vào tháng Ba năm 1889. Mẹ và các sơ được hứa là sẽ có sẵn nhà ở. Trong đêm đầu tiên tại Mỹ, Mẹ và các sơ ở trong một căn nhà tạm trú tại phố Tàu. Dù rất mệt và vẫn còn bị ảnh hưởng của say sóng, các sơ phải ngồi dựa vào thành ghế để nghỉ, vì giường quá bẩn thỉu và đầy côn trùng.

Sau thánh lễ sáng hôm sau, các sơ đã vào chào Đức Tổng Giám Mục. Đức Cha đã xin lỗi Mẹ và các sơ vì chương trình mở một cô nhi viện cho các trẻ Ý đã thất bại, và Ngài đã viết thư báo cho các sơ hãy ở lại Ý, nhưng thư đó đến quá trễ. Ngài liền khuyên Mẹ và các sơ hãy trở về Ý. Nhưng Mẹ đã thưa với Đức Cha:

– Thưa Đức Cha, con không thể làm như vậy. Chúng con được lệnh Toà Thánh để đến đây, và vì thế, con phải ở lại.

Ba tháng sau, khi Mẹ trở lại Ý, Mẹ Cabrini đã mở được một cô nhi viện và

một trường học. Cho đến lúc chết, Mẹ đã vượt trùng dương 25 lần, lập cơ sở trên tám thành phố tại Hoa Kỳ và cả ở Trung và Nam Mỹ. Trong mọi nơi Mẹ đến, nhiều trường học, cô nhi viện, nhà thương, và các cơ sở từ thiện bác ái từ từ mọc lên. Nơi những người bệnh và người nghèo, Mẹ Cabrini nhìn thấy Chúa Kitô. Mẹ đã cố gắng hết sức để giúp đỡ họ trong tình thân cũng như vật chất qua những công việc tình thương này.

Mẹ đã nhập quốc tịch Mỹ tại Seattle vào năm 1909.

Qua bao nhiêu công việc cũng như mọi thành quả trong việc truyền giáo, Mẹ Cabrini luôn giữ được một sự bình an tâm hồn. Mẹ không bao giờ quên rằng Mẹ đã được tạo dựng để phụng sự một mình Thiên Chúa và để làm theo Thánh Ý Người. Khẩu hiệu của Mẹ là "Trong NGƯỜI, tôi có thể làm được mọi sự". Trong một lần tĩnh tâm Mẹ đã viết những lời sau đây bày tỏ tâm lòng hoàn toàn lệ thuộc vào Thánh Ý Chúa: "Lạy Chúa Giêsu, con thiết tha yêu mến Chúa... Xin ban cho con một trái tim to bằng cả vũ trụ... Xin dạy bảo con những gì Chúa muốn con làm, và hãy thực hiện nơi con những gì Chúa muốn."

Do đời cầu nguyện của Mẹ, Chúa cũng ban thưởng nhiều ơn đặc biệt cho Mẹ. Truyện kể rằng có một sơ bị bệnh giãn tĩnh mạch. Bác sĩ khuyên sơ nên luôn đeo đôi bít tất dài. Một ngày nọ, sơ đã lấy được đôi bít tất của Mẹ Cabrini, sơ đeo vào và liền được lành bệnh. Ngày hôm sau, Mẹ Cabrini thật thắc mắc khi thấy sơ nọ bước đi một cách bình thường. Khi được hỏi, sơ đã thú thật là đã đeo đôi bít tất của Mẹ. Mẹ Cabrini liền nói với sơ:

– Chắc chị không đơn sơ đến nỗi nghĩ rằng đôi bít tất của tôi đã chữa bệnh cho chị. Tôi vẫn thường đeo nó mà có được gì đâu. Đức tin của chị đã chữa chị đấy. Đừng nói cho ai biết nhé.

Mẹ Cabrini đã qua đời trong bình an tại phòng riêng của Mẹ trong Nhà Thương Columbus, thành phố Chicago vào năm 1917. Lúc còn sống, Mẹ đã chối không nhận làm được một phép lạ nào; nhưng sau khi qua đời, Chúa đã ban nhiều ơn cho những người đã nhờ lời cầu bầu của vị tông đồ truyền giáo nhiệt thành này.

Trên 150,000 đơn thỉnh nguyện và chứng tích ơn lạ nhận được từ mọi lớp người trên khắp thế giới đã được đệ lên Đức Thánh Cha. Mười một năm sau

khi Mẹ qua đời, Đức Thánh Piô Xi đã chỉ định một vị cáo thỉnh viên, và đã xin Đức Hồng Y Mundelein, Tổng Giám Mục Chicago, mở cuộc điều tra phong thánh. Đến năm 1938, Mẹ đã được phong chân phước, chỉ 21 năm sau khi Mẹ qua đời, đây là một kỷ lục trong thời đại mới. Giáo hội đã tôn phong Mẹ lên bậc hiển thánh vào ngày 7 tháng 6 năm 1946.

Thánh Nữ Gioaquina De Vedruna De Mas, Ca. Ch.

Hai lần làm Mẹ.

(1783 – 1854)

Don Theodore de Mas, một luật sư trẻ và thuộc gia đình quyền quý, một ngày nọ đến thăm gia đình ông Don Lorenzo de Vedruna và đem theo một ít kẹo cho các cô con gái của ông. Gioaquina de Vedruna, một trong những người con gái dễ thương của ông Don Lorenzo rất thích đồ ăn ngọt, và cô bé còn cho Don Theodore biết là cô rất thích đồ ngọt. Không lâu sau, Don Theodore đã trở lại xin cưới cô bé Gioaquina. Đối với thời đó, Don Theodore và Gioaquina quả là xứng đôi, nên ông Don Lorenze đã đồng ý ngay. Cũng theo thói tục thời đó, cô bé Gioaquina chẳng được hỏi ý kiến. Thế là vào ngày 24 tháng 3 năm 1799, Gioaquina vâng lời cưới chàng luật sư lớn hơn cô 10 tuổi.

Mấy ngày sau lễ thành hôn, Theodore thấy vợ tỏ vẻ hơi buồn sầu. Chàng nhỏ nhẹ hỏi lý do tại sao. Với giọng lễ tuôn rơi, Gioaquina cho chàng biết là nàng đã có ý định muốn vào dòng kín để tu thân, nên bây giờ nàng sợ là sẽ làm Chúa buồn vì đã không theo ơn Chúa kêu gọi. Đến lượt Theodore, chàng cũng cho Gioaquina biết là chàng cũng cảm thấy có ơn gọi tu dòng, nhưng vì là con trưởng, chàng phải vâng lời cha mẹ để lập gia đình và có con nối dõi tông đường. Thế là hai người cùng an ủi nhau.

Gioaquina sinh ngày 16 tháng 4 năm 1783, tại Barcelôna, Tây Ban Nha, trong một gia đình tuy không giàu có, nhưng cũng vào loại khá giả. Thay vì muốn người dạy dỗ các con như thói quen thời đó, mẹ của Gioaquina đã đích thân dạy dỗ tám người con của bà, nhất là dạy cho họ có được một nền tảng Công giáo vững chắc.

Ngay từ tuổi nhỏ, Gioaquina luôn cố gắng để nhìn ra Chúa trong mọi biến cố trong cuộc sống. Em đặc biệt tôn sùng sự thương khó của Chúa, và đã có lần em nói với mẹ là mọi sự chung quanh đều nhắc cho em nhớ biến cố thương đau này. Khi đụng đến kim khâu em nhớ đến mào gai, các sợi chỉ gọi lên trong trí em những giây từng trói buộc Chúa vào cột. Những cơn cơn đại ngoài đồng thì nhắc cho em nhớ những lỗi lầm mà em phải cố gắng nhờ đi.

Đến năm 12 tuổi, Gioaquina đến tu viện dòng Carmêlô ở Barcêlôna để xin nhập dòng. Khi gặp mẹ bề trên, Gioaquina đã khẩn khoản xin cho được nhập dòng. Bà mẹ bề trên phải cố gắng để khỏi bật cười khi nghe lời xin này của một em nhỏ, rồi bà khôn khéo cho Gioaquina biết là em còn quá nhỏ; nhưng nếu em cảm thấy có ơn gọi này, thì vài năm nữa em hãy trở lại. Gioaquina trở về nhà để chờ đợi. Trong khi đó, mọi người tưởng rằng Gioaquina đã quên biến cố này, vì Gioaquina vẫn bình thường tham dự các sinh hoạt của các cô gái trong thời đó.

Sau lễ thành hôn, Gioaquina và Theodore cùng nhau xây dựng một gia đình ấm cúng và hạnh phúc. Dù vậy, cũng không phải là không có những khó khăn. Tuy gia đình họ Vedruna là một gia đình rất tốt, còn Gioaquina thì xinh đẹp và đạo hạnh, nhưng gia đình của Theodore luôn coi thường Gioaquina. Họ nghĩ rằng Gioaquina còn quá nhỏ, và Theodore đã hạ mình hơi thấp khi lấy Gioaquina. Nhưng dù gia đình của chồng có làm cho Gioaquina buồn phiền, nàng và Theodore rất yêu mến nhau. Thêm vào đó, lòng yêu mến Thiên Chúa càng làm cho tình yêu của họ thêm bền chặt. Hai người bắt đầu mỗi ngày bằng thánh lễ, và kết thúc mỗi ngày bằng kinh mân côi. Sau những ngày mong đợi, người con đầu lòng đã chào đời và hạnh phúc lại càng tăng triển trong gia đình êm ấm này.

Hai vợ chồng đã có bốn người con khi trận chiến do Napoleon gây nên bùng nổ. Thế là gia đình Gioaquina đã phải đến thành phố Vich để tạm trú, còn Theodore thì phải nhập binh. Không lâu sau, Gioaquina cùng với các con và một người đầy tớ đang đêm phải trốn khỏi thành phố Vich. Nhờ sự can đảm của Gioaquina, tất cả đã đi bình an đến thành Monteseny. Ở đây, người con gái thứ ba của Gioaquina chào đời, nhưng mấy tuần sau bé đã qua đời. Tại đây, một người con trai của Gioaquina cũng đột nhiên qua đời.

Đến năm 1810, khi bình an trở lại, cả gia đình đã trở về Vich. Theodore đã lập được nhiều chiến công, nhưng sau những ngày tháng chinh chiến, sức khỏe của Theodore đã yếu mòn. Tại đây, Gioaquina còn có thêm ba người con nữa. Đến lúc này, Gioaquina biết rằng Theodore chỉ còn có thể sống thêm vài năm nữa. Thêm vào sự đau khổ này, Gioaquina còn phải chịu nhiều đắng cay do các em của Theodore gây nên. Vì Theodore được hưởng một gia tài rất lớn, họ cũng muốn được chia sẻ trong gia tài đó.

Teodore đã qua đời trong khi Gioaquina đang nằm liệt giường ở phòng bên

cạnh. Từ đây, Gioaquina, mới có 33 tuổi, phải một mình chăm sóc và dạy dỗ cho 6 người con.

Điều quan trọng nhất đối với Gioaquina trong lúc này là việc giáo dục cho các con. Đồng thời, Gioaquina cố gắng sống một đời đạo hạnh hơn, và sống một đời trong hãm mình khổ chế và đền tội.

Sau hai năm mang tang chồng, Gioaquina bắt đầu mặc áo Dòng Ba Phanxicô, một bộ áo màu nâu nhạt với sợi giây cuốn ngang lưng. Gioaquina đã mặc bộ áo này trong tám năm, và đồng thời giúp các việc bác ái như giúp bệnh nhân trong nhà thương. Quan niệm quần chúng coi Gioaquina như một người điên. Cả họ hàng của Gioaquina lẫn của Theodore đều rất khó chịu khi thấy một người quý phái như Gioaquina lại mặc một bộ áo không khác gì tấm giẻ, đến nỗi họ đã xin Đức Cha cấm Gioaquina không được mặc bộ áo đó nữa. Dù vậy, Gioaquina vẫn tiếp tục sống như cũ, tiếp tục dạy dỗ các con và làm việc bác ái.

Vào một ngày nọ trong năm 1820, đang khi Gioaquina cỡi lừa đến nhà thờ Dòng Carmêlô để dự lễ, đột nhiên con lừa dừng trước nhà thờ Dòng Capuchin và nhất định không chịu đi nữa. Vào nhà thờ, Gioaquina đã gặp Cha Stephen de Olot. Cha Stephen đã được một ơn soi sáng, và Cha muốn hướng dẫn Gioaquina để lập nên một dòng nữ, vừa sống đời chiêm niệm vừa làm việc tông đồ trong việc giáo dục và y tá. Gioaquina lưỡng lự đáp lại:

– Con tìm đâu cho ra các nữ tu?

Vị linh mục đã trả lời rất ngắn gọn:

– Họ sẽ đến.

Đến lúc này, các người con lớn của Gioaquina đã trưởng thành và không còn cần sự săn sóc của mẹ nữa, nhưng Gioaquina vẫn còn phải lo chăm sóc cho những người con gái nhỏ, vì thế, Gioaquina tiếp tục sống đời cầu nguyện, đền tội, và bác ái như trước.

Không lâu sau, vì phong trào chống hàng giáo sĩ, nhiều cuộc nổi loạn xảy ra ở khắp nơi. Cha Stephen đã bị bắt và bị đày sang Pháp. Gioaquina cùng với ba người con gái cũng bị bắt buộc phải sang Pháp. Tại đây, Gioaquina và Cha

Stephen bắt đầu phác hoạ chương trình thành lập dòng.

Sau những ngày tháng lưu đầy, Gioaquina đã được trở lại Tây Ban Nha. Gioaquina liền nhờ vợ chồng của người con trai và một người em chăm sóc cho ba người con gái nhỏ. Tuy phải xa những người còn nhỏ, Gioaquina vẫn dành tình thương yêu dạt dào của mình cho họ.

Đến năm 1826, trong nguyện đường của Đức Giám Mục, Gioaquina đã khấn dòng. Dòng mới này có tên là Dòng Carmêlô Bác Ái, và mặc bộ áo của Dòng Carmêlô, nhưng áo dòng màu đen thay vì màu nâu. Dưới sự hướng dẫn của Cha Stephen, Gioaquina và một nhóm các phụ nữ bắt đầu đời sống tu trì. Trước kia, trong đời sống hôn nhân, Gioaquina là mẹ của các con, ở đây, Sơ Gioaquina tiếp tục đóng vai trò của một người mẹ đối với các chị em. Dù phải đối đầu với biết bao khó khăn trong việc lập một dòng mới trong Giáo Hội, Sơ Gioaquina luôn giữ vững lòng tin yêu nơi Thiên Chúa. Sơ nói:

– Chúng ta càng mến Chúa, thì chúng ta càng muốn mến Chúa hơn.

Đời sống của các sơ trong thời buổi sơ khai thật là khổ cực; một số không chịu nổi và đã phải ra đi. Vào một bữa tối nọ, một người đã đứng dậy và nói lên sự khó chịu của mình đối với bữa ăn hôm đó, vì bữa ăn chỉ có một quả trứng. Với lòng khiêm nhu, Mẹ Gioaquina đã quỳ dưới chân sơ đó và xin lỗi.

Một cuộc nổi loạn nữa lại xảy ra vào năm 1835 giữa nhóm chống hàng giáo sĩ và nhóm Carlists. Vì Giuse, con trai của Mẹ Gioaquina, là một thành viên nổi danh của nhóm Carlists, nên họ đã trút cơn giận của họ trên Mẹ Gioaquina. Vào ngày 7 tháng 2 năm 1835, một nhóm chín người đã đến Manso Escorial, nơi đang là nhà mẹ của Dòng, để bắt Mẹ Gioaquina. Họ kéo Mẹ qua đường phố đến nhà tù của thành phố. Khi đã vào trong, một tên lính đã dùng chuỗi súng để đánh Mẹ. Trong năm ngày ở tù, Mẹ không một lời kêu trách. Sau đó, họ đã thả Mẹ về nhà, và không kết được Mẹ tội gì.

Sau khi trở về, Mẹ Gioaquina phải trốn đến các tu viện, và sau cùng phải sang Pháp. Tuy được bình an ở đây, lòng Mẹ vẫn luôn quan tâm đến hội dòng và gia đình của Mẹ. Nhưng trong tất cả, Mẹ hoàn toàn tin tưởng vào Chúa, và Mẹ hằng cầu nguyện cho họ khỏi mọi nguy hiểm. Khi bình an đã trở lại, Mẹ liền trở về.

Mãi đến năm 1844, các phần tử của dòng mới được công khai khẩn dòng. Dù vẫn còn một số khó khăn thử thách, dòng tiếp tục từ từ phát triển.

Đến năm 1849, nhiều lần Mẹ Gioaquina bị té xỉu, và vì đó trong năm năm cuối đời, Mẹ bị hoàn toàn tê liệt. Mẹ cũng bị cấm khẩu trong một thời gian. Sau khi Mẹ được chịu các phép bí tích sau hết một cách thật sốt sắng và cảm động, Mẹ Gioaquina đã âm thầm qua đời tại Barcelôna ngày 28 tháng 8 năm 1854.

Mẹ Gioaquina đã để lại cho con cái của Mẹ một mẫu gương anh hùng đối với tình yêu Thiên Chúa. Hai mươi lăm sơ thuộc dòng của Mẹ đã bị giết trong Nội Chiến Tây Ban Nha từ năm 1936 đến năm 1939. Mẹ Gioaquina đã được phong chân phước năm 1940, và được phong thánh năm 1959.

Thánh Gabriel Possenti

Người con cưng của Mẹ Đau Thương.

(1838 – 1862)

Lúc còn niên thiếu, Phanxicô Possenti đã tận hưởng các thú vui của trần gian. Nhưng khi được sự hướng dẫn của Mẹ Maria, chàng đã vào Dòng Thương Khó và trở nên một tông đồ của Mẹ Đồng Công.

Bề ngoài, cuộc đời Phanxicô xem ra không có gì lạ, và sự thánh thiện của Phanxicô chỉ bao gồm trong việc yêu mến, và trung thành với đời hy sinh cầu nguyện. Tất cả những điều đó đã được thể hiện với một tâm hồn thật vui tươi. Khi còn sống, Phanxicô đã không làm phép lạ nào, nhưng sau cái chết anh hùng của Phanxicô, mộ của ngài đã biến thành một nơi hành hương và nhiều lời cầu xin đã được chấp nhận. Sau khi Phanxicô được tôn phong lên bậc Hiển Thánh vào năm 1920, Đức Thánh Cha Benedictô XV đã đặt Thánh Gabriel làm bổn mạng của giới trẻ Công Giáo.

Là người đồng hương với Thánh Phanxicô Nghèo, Phanxicô Possenti chào đời năm 1838 tại Assisi, Ý, và là con thứ 11 trong 13 người con của một công chức.

Khi Phanxicô được 4 tuổi, bà thân mẫu đã qua đời vì bệnh phổi. Trên giường hấp hối, mỗi người con của bà đã đến hôn bà để giã từ. Khi đến lượt Phanxicô, mẹ em đã nói:

– Con nhỏ của mẹ, xin Đức Mẹ gìn giữ con.

Ngày hôm sau, trong khi Phanxicô khóc thương mẹ, chị của em là Maria Luy đã vỗ về em và hứa sẽ thay mẹ chăm sóc em. Người chị này đã giữ lời hứa đó cho đến khi chị chết sớm vì bệnh dịch tả vào năm 1855. Chị đã giúp ba để coi sóc nhà cửa và giúp các em trong việc giáo dục, nhất là việc dạy giáo lý. Hơn mọi điều khác, cái chết của người chị mến thương này đã khiến cho Phanxicô hiểu được mục đích của cuộc sống con người trên trần gian này. Sau biến cố ấy, Phanxicô đã quyết định muốn làm linh mục. Chàng đã xin sự trợ giúp của người Mẹ trên trời và xin Mẹ soi sáng cho chàng biết phương thế nào tốt nhất

để đạt được ơn gọi này.

Vì cơn dịch tả năm 1855 quá dữ dội, nên dân thành Spoleto đã phải xin ơn trợ giúp của trời cao. Họ đã xin Đức Tổng Giám Mục ban phép lành cho họ bằng bức ảnh Đức Mẹ Byzantine mà truyền thuyết cho rằng chính Thánh Luca là tác giả. Trong khi ban phép lành, Đức Tổng Giám Mục đã thay dân để hứa với Đức Mẹ là sẽ tổ chức cung nghinh Mẹ hằng năm nếu cơn dịch tả chấm dứt. Quả thật, từ khi phép lành được ban, không còn ai bị chết và cũng không ai mắc phải chứng bệnh này nữa.

Một năm sau, trong khi cung nghinh Mẹ như lời đã hứa, Phanxicô đã quì trong đám đông để tôn vinh Đức Mẹ. Trong khi cuộc rước đi ngang qua chỗ Phanxicô đang quì, chàng nghe thấy một tiếng nói từ sâu thẳm linh hồn của chàng:

– Phanxicô, tại sao con còn ở thế gian? Nơi đó không dành cho con. Hãy theo đuổi ơn gọi của con!

Lúc đó, Phanxicô đang theo lớp 12 tại trường các cha Dòng Tên. Được ơn soi sáng của Đức Mẹ, chàng đã xin thân phụ cho phép vào Dòng Thương Khó. Nhưng cũng như những lần trước, thân phụ chàng đã từ chối. Sau nhiều lần thảo luận về vấn đề này, bề ngoài xem ra ông phải chiều theo ý chàng, nhưng trong thực tế ông vẫn cố gắng làm chàng đổi ý. Ông cũng nhờ một số họ hàng thân quen thuyết phục chàng bỏ ơn gọi.

Lần trước, khi Phanxicô xin phép thân phụ để vào Dòng Thương Khó, ông đã thẳng thắn từ chối và vấn đề đã được tạm thời gác qua một bên. Vì lòng thảo hiếu và kính phục đối với ông thân sinh, Phanxicô tạm gác lại ý định đi tu, và tiếp tục cho xong chương trình trung học. Lúc ấy, 7 trong số 13 người con của gia đình Ông Possenti đã qua đời. Trong 6 người còn sống, một người đã làm linh mục, một lập gia đình, và hai người đang đi học ở xa. Thân phụ của Phanxicô, lúc này đã ngoài 60 tuổi, muốn giữ hai người con còn lại ở nhà bao lâu có thể. Vì tính tình cởi mở và trí khôn thông minh, ông có nhiều chương trình cho chàng. Thêm vào đó, ông cảm thấy đời tu sĩ Dòng Thương Khó quá khắc khổ đối với người con mà ông biết rằng rất ham thú vui trần tục. Tu sĩ Dòng Thương Khó phải sống một cuộc đời chiêm niệm nghiêm ngặt trong khi làm việc tông đồ. Cuộc sống đó chắc chắn sẽ đòi Phanxicô phải hy sinh tất cả những gì chàng đang được hưởng.

Sau lần xin đầu tiên đó, Phanxicô tiếp tục cuộc sống bình thường. Là một học sinh ưu tú, Phanxicô đã được chọn để đọc bài diễn văn mãn khoá. Chàng thích săn bắn và cũng là một tay thiện xạ. Chàng thích cưỡi ngựa và khiêu vũ. Chàng thích các thiếu nữ và cố gắng để được khiêu vũ với các cô, nhiều bao nhiêu có thể. Ngoài ra, chàng cũng biết ăn diện, và mái tóc chàng luôn được chải chuốt đàng hoàng.

Đôi khi chàng cũng thích làm trò hề, vì chàng thấy nhờ đó có thể đem nụ cười đến cho các bạn. Vì khả năng này, Phanxicô có rất nhiều bạn. Chàng thường cùng với các bạn tham dự các buổi nhạc kịch và làm thơ.

Lúc còn nhỏ tuổi, Phanxicô cũng tham dự trong nhiều cuộc phá phách liêu lĩnh. Trong một lần vật lộn, Phanxicô đã bị đối phương đánh cho dập mũi. Là thành viên của một "đảng" gọi là Lãnh Chúa thành Spoleto, chàng đã cùng với chúng bạn làm nhiều chuyện động trời. Đáng kể nhất là có lần cả bọn cưỡi ngựa vào thành phố, rồi để cho ngựa đá lên cửa nhà người ta. Cùng với bọn họ, chàng cũng lén hút thuốc, cờ bạc, và nhiều khi cũng cá tiền khiến cho cuộc vui trở nên thật là náo nhiệt.

Về đường tình ái, vì đã có ước vọng đi tu, nên tuy tính tình ham vui chơi, chàng cũng không đeo đuổi một bóng hồng nào. Trong đám bạn bè giao tiếp, có cô Maria Pannechetti rất thích chàng (sau này, Maria Pannechetti đã được tham dự lễ phong thánh cho Phanxicô). Hơn nữa, cha mẹ đôi bên coi hai người như đã hứa hôn với nhau.

Sau khi xin phép thân phụ lần thứ hai, Phanxicô đã viết thư xin nhập Dòng Thương Khó. Khi lá thư của Cha Bề trên gửi cho biết bằng lòng nhận chàng, thân phụ chàng đã giấu không cho chàng biết. Chờ mãi mà không thấy thư trả lời của nhà dòng, Phanxicô đã nhất quyết lên đường đến tu viện Dòng Thương Khó tại Morrovale để đích thân xin nhập Dòng.

Ông Possenti đã nhờ hai người anh của Phanxicô thuyết phục chàng bỏ ý định đi tu Dòng, nhưng họ đã không thành công. Sau cùng, ông cụ đành để cho Phanxicô lên đường, và cho một người anh của chàng đi theo. Trong khi đó, ông cụ đã nói với họ hàng thân thuộc là hai anh em đi thăm một gia đình họ hàng ở phương xa, để nếu lỡ mà chàng tu không đắc đạo, thì khi trở về Phanxicô khỏi phải xấu hổ với bà con lối xóm. Ông cũng xin một vài gia đình họ hàng mà hai anh em sẽ ghé thăm trên đường đến nhà Dòng, để họ can

ngăn Phanxicô. Nhưng với cử chỉ điềm tĩnh, Phanxicô đã trả lời tất cả những thắc mắc của họ một cách chân thành nhưng cương quyết. Sau cùng, tất cả đã đồng ý, chỉ trừ có ông thân sinh của chàng.

Khi đã gần đến nhà Dòng, chàng thật lo âu vì sợ không được nhận vào Dòng. Đến nơi, Phanxicô đã thật ngỡ ngàng khi nghe vị Giám Tập nói với chàng:

– Chúng tôi đã không còn hy vọng được gặp anh.

Phanxicô và một người anh của chàng là linh mục Dòng Đaminh, đến lúc ấy mới biết là thân phụ của chàng đã dấu bức thư nhận chàng vào Dòng. Mặc dù cha Luy tỏ ra rất buồn khi giã từ em, vì cảm thấy sẽ không bao giờ được gặp lại em nữa, cha đã thật hãnh diện vì lòng can đảm của Phanxicô khi chàng quyết định đi đến nhà Dòng mà không biết mình có được nhận hay không.

Để nói lên cuộc đời bỏ mình của các tu sĩ Dòng Thương Khó, trong một nghi thức thật cảm động, Phanxicô đã được nhận một Thánh Giá, cùng với mào gai, và lời khuyên bảo:

– Hãy hạ mình xuống và lệ thuộc mọi người vì Chúa Kitô.

Thêm vào đó, Phanxicô cũng được nhận tên mới là Gabriel Mẹ Sầu Bi.

Vị Giám tập đã khôn ngoan hướng dẫn cho thầy Gabriel hiểu rằng, trong khi làm việc, chủ ý của việc làm thì quan trọng hơn là kết quả của việc làm. Do đó, thầy đã dùng nhiều giờ để suy gẫm về ý nghĩa và giá trị của đức khiêm nhường. Thầy luôn cố gắng tập nhân đức này trong những điều nhỏ mọn hằng ngày. Suốt thời gian ở nhà tập, Thầy đã sống trong tinh thần bỏ mình, hy sinh, và luôn cố gắng tuân giữ mọi kỷ luật. Người ta thường nói, đời tu là một cuộc tử đạo liên li. Câu nói đó đã được thực hiện từng nét trong trường hợp Thầy Gabriel. Dầu vậy, trong một lá thư gửi cho ông thân sinh, Thầy Gabriel đã thưa với ông:

– Đời con là một chuỗi dài những hạnh phúc bất tận.

Là một người rất quý mến gia đình, nên có thể nói điều làm cho Thầy phải khổ hơn cả trong thời gian này là ông thân sinh đã từ chối không tham dự lễ Khấn của Thầy.

Như những vị thánh khác, Gabriel cũng đã trải qua một giai đoạn mà các nhà tu đức gọi là đêm tăm tối của linh hồn. Trong đêm tăm tối này, có lúc linh hồn cảm thấy như bị Thiên Chúa ruồng bỏ; lúc khác lại bị những cơn cảm dỗ hay những cơn thử thách thật hãi hùng. Nhờ ơn phù trợ của Chúa và với ý chí sắt đá, Thầy đã kiên vững trong đời cầu nguyện và luôn cố gắng tuân giữ mọi luật lệ trong Dòng.

Sau khi nghe tin một thầy trẻ Dòng Thương Khó mới qua đời tại một tu viện gần đó, Thầy Gabriel đã đến nhà thờ để xin Chúa ban cho mau được chết. Khi Thầy tỏ điều đó cho vị Giám Tập, ngài liền cấm Thầy không được cầu xin như thế nữa. Dầu vậy, có lẽ Thiên Chúa đã nhận của lễ hiến tế tự tình này, vì từ hôm ấy, sức khoẻ Thầy Gabriel bắt đầu yếu dần. Thầy bắt đầu bị ho, một dấu của bệnh phổi.

Khi đã xong năm tập, Thầy Gabriel được gửi đến tu viện nằm trên một ngọn núi tại Isola. Vì tình hình chính trị lúc đó không được yên ổn, các vị bề trên nghĩ rằng tu viện này là nơi an toàn nhất để cho Thầy tiếp tục học hành.

Tại tu viện này, Thầy Gabriel cùng với các thầy khác tiếp tục học để sửa soạn làm linh mục. Một ngày nọ, trong khi thu dọn phòng chứa đồ, Thầy Gabriel tìm thấy một tượng Đức Mẹ đã bị sút mẻ và phai màu. Sau khi đã được phép Bề trên, Thầy bắt đầu sửa sang và sơn lại bức tượng. Thầy cũng may áo cho tượng Đức Mẹ. Khi đã hoàn tất, bức tượng này đẹp đến nỗi Cha Bề trên đã đặt bức tượng vào một chỗ đặc biệt trong nhà nguyện của tu viện để tôn kính.

Trong những ngày theo học tại đây, lòng kính mến Đức Mẹ của Thầy mỗi ngày một tăng. Mỗi lần Thầy thấy một tài liệu nào về Đức Mẹ, Thầy liền chép vào một cuốn sổ. Từ những tài liệu này, Thầy đã soạn cuốn "Simbolo Mariano" (Dấu hiệu của Đức Mẹ), gồm 52 bài nói về Đức Mẹ. Lòng sùng kính Đức Mẹ của Thầy cũng được bày tỏ qua bức thư gửi cho một người em, "Hãy yêu mến Đức Mẹ... Mẹ thật đáng yêu; Người là Đấng trung tín và bền vững. Nếu em yêu mến Mẹ, em sẽ không phải luống công vô ích. Nếu em gặp nguy hiểm, Mẹ sẽ vội đến cứu giúp. Nếu em gặp khó khăn, Mẹ sẽ ủi an vỗ về em. Nếu em bị bệnh tật, Mẹ sẽ kịp cứu chữa em. Nếu em cần sự trợ giúp, Mẹ sẽ đến bên em để phụ giúp em. Mẹ sẽ không xét em là người thế nào. Điều cần duy nhất là em phải có một trái tim muốn yêu mến Mẹ. Mẹ sẽ kịp đến và mở rộng trái tim đầy lòng thương xót của Mẹ trên em; Người sẽ ôm ấp, ủi an và phù trợ em. Mẹ cũng sẽ ở bên cạnh em để đồng hành với em

trong cuộc hành trình về quê trời".

Cũng thời gian đó, chiến tranh ngày càng lan tới Isola. Đến năm 1859, Vua Victor Emmanuen nước Piemontê đã bắt tay hợp tác với Garibaldi. Quân đội Piemontê tiến đến thành nào là lập tức ra tay cướp của, hãm hiếp, và phóng hoả tất cả. Không lâu sau, có lời đồn một bọn lính đang tiến gần đến Isola. Nhiều người đã bỏ thành phố đi nơi khác, chỉ còn sót lại vài người.

Sau khi truyền lệnh cho các thầy vào nhà thờ để cầu nguyện xin Chúa ban cho thành phố được thoát nạn, Cha Bè trên tu viện đã giấu tất cả các đồ quý giá và ẩn mình trong phòng riêng. Những người còn ở lại trong thành Isola đã phải trải qua một đêm kinh hoàng. Quân lính cướp bóc, phá phách nhà cửa. Có một đội lính được chỉ định bảo vệ thành phố cũng bị chúng đánh đuổi. Vì cảm thấy đây là một điều quá bất công, cơn nóng đã bùng lên trong lòng Thầy Gabriel. Bất chấp mọi sợ hãi, Thầy đã xin phép vào thành phố để giúp dân chúng.

Lúc đó có quăng 20 quân lính đang phá phách khắp nơi. Họ đang say rượu và bắt đầu đốt các nhà gần đó. Một tên lính khác, trong khi đang kéo lê một cô gái thì thấy một Thầy tu đang một mình đi trên đường. Hắn đã mĩa mai thầy. Thầy Gabriel liền nhanh tay rút khẩu súng của hắn ra khỏi bao và dọa nếu hắn nhúc nhích, hoặc không chịu thả cô gái ra thì Thầy sẽ bắn. Khi thấy một tên lính khác đang tiến tới, Thầy liền ra lệnh cho hắn phải bỏ súng xuống. Không ngờ hắn đã mau mắn vâng lời. Với khẩu súng trong tay, tài săn bắn đã trở lại với Thầy. Tiếng ồn ào đã làm cho cả đội lính chạy đến, nhưng khi thấy một ông Thầy, bọn họ liền hết lo lắng. Khi cả bọn đã đến, Thầy bắt họ phải bỏ súng xuống hết. Cả bọn đều cười nhạo một ông Thầy cô thân cô thế mà đòi cản ngăn cả một đội lính. Ngay lúc đó, một con thần lẩn chạy qua đường, Thầy liền giơ súng, chưa thấy Thầy nhắm thì một tiếng súng đã nổi lên và con thần lẩn lẩn ra chết tại chỗ. Sau đó, Thầy chĩa súng vào tên trung sĩ đầu bọn, và một lần nữa bắt họ phải hạ khí giới. Được chứng kiến tài thiện xạ của Thầy, cả bọn liền bỏ súng xuống. Thầy bắt họ trả lại tất cả những gì đã cướp được của dân chúng. Và sau khi đã bắt tên trung sĩ làm con tin, Thầy bắt họ phải dập tắt ba chỗ cháy. Sau cùng, Thầy dẫn cả bọn ra khỏi thành và đuổi họ đi. Một số dân chúng còn lại trong phố được chứng kiến hành động can đảm của ông Thầy dòng trẻ, cũng theo Thầy đuổi bọn lính và cùng với Thầy chiếm lại khu vực tu viện.

Sau biến cố này, sức khoẻ của Thầy tiếp tục sa sút. Hy vọng làn khí trong lành có thể làm cho sức khoẻ Thầy phục hồi khá hơn, đôi khi Bề trên đã sai Thầy ra ngoài đồng chăn chiên và dạy giáo lý cho trẻ em. Thầy rất thích những việc ấy, và đám dân quê cũng rất mến Thầy.

Sau một cuộc hành trình thật vất vả bằng lừa đến Thành Penne để chịu bốn chức nhỏ, bệnh tình của Thầy càng trở nên trầm trọng hơn. Thầy bắt đầu ho ra máu và thường bị những cơn đau đầu dữ dội. Trong thời gian đó, sự kết hiệp nội tâm với Thiên Chúa đã làm cho cuộc sống Thầy trở nên một cuộc cầu nguyện liên lỉ.

Khi dân thành Isola thấy Thầy Gabriel ra dự các giờ kinh lễ ở nhà thờ, họ bắt đầu thắc mắc, và khi được biết là Thầy đang bị bệnh, họ đã mang đến các thứ đồ ăn như bơ, kem, trứng, và thịt để biếu Thầy, vị ân nhân của họ trong lúc khốn khó, bây giờ họ muốn đáp trả cho Thầy trong số những điều họ có thể.

Trong lá thư sau cùng gửi cho người em, Thầy Gabriel xin em chuyển đến cả gia đình tấm lòng triu mến của Thầy. Thầy tiếp:

– Hãy nói cho cả nhà biết là anh luôn được hạnh phúc ở đây... Nhờ tình thương Chúa, anh thà là kẻ hèn mọn nhất trong nhà Dòng hơn là một hoàng tử của một vua chúa trần gian.

Trong cơn bệnh sau cùng, các bạn học cũng như các anh em Dòng đều nhận ra Thầy đang phải đau đớn cùng cực, nhưng vẻ mặt của Thầy luôn tươi cười, và Thầy luôn giữ được một thái độ vui tươi. Những ai đến thăm đều được Thầy kể cho nghe một câu chuyện vui. Dù mình đang mang bệnh, Thầy vẫn không ngừng lo lắng cho người khác. Một học sinh đã được chỉ định để canh chừng Thầy ban đêm. Sáng ra, Thầy xin lỗi anh ta vì đã ho suốt đêm làm cho anh ta không ngủ được. Sau đó, Thầy xin Bề trên cho phép anh ta được ngủ thêm.

Đến ngày 27.2.1862, trong khi cầm ảnh Đức Mẹ trong tay, Thầy cố gắng đọc theo kinh cầu cho người hấp hối. Sau cùng, Thầy thì thào:

– Giêsu, Maria, Giuse.

Rồi nhắm mắt một lần cuối.

Năm 1891, Giáo quyền tại Terni bắt đầu điều tra về cuộc đời và nhân đức của Thầy. Thầy Gabriel đã được phong chân phước năm 1908, và được phong hiển thánh năm 1920. Lễ phong thánh cho Thầy Gabriel có sự hiện diện của 45 Hồng y, 280 Giám mục, và 61 ngàn tín hữu. Một người em của Thầy là ông Micae, cùng với bà Maria Pannechetti (người tình cũ), và người y tá coi sóc Thầy trong cơn bệnh sau cùng cũng có mặt trong ngày lễ phong thánh của Thầy.

Xin Thánh Gabriel cầu cho chúng tôi được noi gương bất chước Người biết dâng trọn cuộc đời phụng sự Chúa và hết lòng yêu mến Đức Mẹ.

Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscongghiao.blogspot.com>

Xin đừng sao chép rồi bán lại dưới mọi hình thức.